

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013001				PHẠM HẢI AN	26/07/2011	6A	
2	013002				TRẦN HẢI AN	31/07/2011	6C	
3	013003				BÙI QUỲNH ANH	12/01/2011	6D	
4	013004				LƯU ĐỨC ANH	21/09/2010	6B	
5	013005				NGUYỄN NGỌC ANH	29/05/2011	6D	
6	013006				NGUYỄN NGỌC ANH	03/11/2011	6B	
7	013007				NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	10/04/2011	6B	
8	013008				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	31/10/2011	6C	
9	013009				NGUYỄN TRỌNG VIỆT ANH	24/08/2011	6D	
10	013010				NGUYỄN VIỆT ANH	02/08/2011	6D	
11	013011				PHẠM ĐỨC ANH	23/03/2011	6A	
12	013012				PHẠM TUẤN ANH	13/12/2011	6A	
13	013013				TRẦN HOÀNG MINH ANH	24/12/2011	6A	
14	013014				TRẦN THỊ NGUYỆT ANH	01/01/2011	6D	
15	013015				TRƯƠNG THUẬN ANH	21/08/2011	6A	
16	013016				TRƯƠNG TUẤN ANH	15/11/2010	6A	
17	013017				VŨ HẢI ANH	05/02/2011	6B	
18	013018				VŨ NGỌC ANH	09/08/2011	6A	
19	013019				NGÔ GIA BẢO	04/07/2011	6B	
20	013020				TÔ ĐỨC BẢO	03/03/2011	6D	
21	013021				TÔ GIA BẢO	07/12/2011	6C	
22	013022				TRẦN NGUYỄN BẢO	03/03/2011	6A	
23	013023				TRƯƠNG VĂN BẢO CHÂU	23/01/2011	6A	
24	013024				PHẠM THỊ QUỲNH CHI	08/01/2011	6C	
25	013025				ĐÀO ĐỨC CHÍNH	25/03/2011	6D	
26	013026				ĐỖ THANH CHÚC	27/06/2011	6A	
27	013027				NGUYỄN THÀNH CÔNG	30/10/2011	6D	
28	013028				LÊ ĐỨC CƯỜNG	19/06/2011	6C	
29	013029				LÊ THỊ NGỌC DIỆP	16/04/2011	6B	
30	013030				ĐINH BẢO DUY	16/10/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013031				PHẠM VĂN DUY	26/07/2009	6B	
32	013032				TRƯƠNG KHÁNH DUY	28/04/2011	6D	
33	013033				LÊ THỊ NGỌC DUYÊN	04/07/2011	6C	
34	013034				VŨ NGỌC DUYÊN	18/07/2011	6A	
35	013035				NGUYỄN ĐỖ DŨNG	21/08/2011	6A	
36	013036				ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	26/03/2011	6A	
37	013037				ĐỖ THÙY DƯƠNG	11/09/2011	6B	
38	013038				NGUYỄN ĐỖ THÙY DƯƠNG	07/02/2011	6D	
39	013039				NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	30/01/2011	6B	
40	013040				PHẠM THÀNH DƯƠNG	14/03/2011	6A	
41	013041				PHẠM VĂN DƯƠNG	13/06/2011	6D	
42	013042				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/06/2011	6C	
43	013043				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/10/2011	6D	
44	013044				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	02/12/2011	6C	
45	013045				TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	18/06/2011	6B	
46	013046				VŨ QUỐC ĐẠT	23/04/2011	6C	
47	013047				HOÀNG MINH ĐĂNG	04/06/2011	6C	
48	013048				PHẠM HẢI ĐĂNG	12/09/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013049				NGUYỄN KHÁNH ĐOÀN	26/12/2011	6C	
2	013050				VŨ HOÀNG ĐÌNH	05/07/2011	6B	
3	013051				HOÀNG MINH ĐỨC	04/06/2011	6C	
4	013052				LÊ QUANG ĐỨC	20/10/2011	6A	
5	013053				NGUYỄN MINH ĐỨC	09/05/2011	6B	
6	013054				PHẠM THU HÀ	27/10/2011	6C	
7	013055				TRƯƠNG THỊ THANH HÀ	01/10/2011	6D	
8	013056				NGUYỄN THANH HẢI	28/04/2011	6D	
9	013057				TRƯƠNG QUANG ĐỨC HẢI	24/07/2011	6A	
10	013058				LÊ THỊ NGỌC HÂN	21/09/2011	6B	
11	013059				VŨ THÀNH HÂN	15/07/2009	6B	
12	013060				NGUYỄN TRỌNG HẬU	15/12/2011	6C	
13	013061				TRẦN MINH HẰNG	29/11/2011	6D	
14	013062				NGUYỄN THỊ HIỀN	27/10/2011	6D	
15	013063				PHẠM THỊ THU HIỀN	22/09/2009	6C	
16	013064				NGUYỄN HỮU HIẾU	07/08/2011	6A	
17	013065				NGUYỄN MINH HIẾU	17/06/2011	6C	
18	013066				PHẠM ĐỨC HIẾU	28/01/2011	6C	
19	013067				TRƯƠNG QUANG HIẾU	19/12/2011	6A	
20	013068				VŨ MINH HIẾU	14/02/2011	6B	
21	013069				VŨ TRUNG HIẾU	31/07/2011	6B	
22	013070				ĐÌNH THỊ NGÂN HOA	15/11/2011	6C	
23	013071				NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	03/08/2011	6C	
24	013072				VŨ ĐỨC HÒA	26/04/2011	6C	
25	013073				NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG	03/08/2011	6C	
26	013074				LÊ GIA HUY	15/12/2011	6D	
27	013075				PHẠM QUANG HUY	28/11/2011	6B	
28	013076				PHÍ THÀNH HUY	26/01/2011	6D	
29	013077				VŨ QUANG HUY	28/09/2011	6D	
30	013078				LƯƠNG NGỌC HUYỀN	01/12/2011	6B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013079				TRẦN KHÁNH HUYỀN	09/08/2011	6C	
32	013080				VŨ LÊ THẾ HUỠNH	22/09/2011	6B	
33	013081				PHAN MẠNH HÙNG	21/11/2011	6C	
34	013082				NGUYỄN THỊNH HƯNG	05/12/2011	6D	
35	013083				ĐINH THIÊN HƯƠNG	28/07/2011	6C	
36	013084				HỒ NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	30/04/2011	6C	
37	013085				PHẠM LAN HƯƠNG	09/03/2011	6D	
38	013086				NGUYỄN ĐỨC KHANG	20/01/2011	6C	
39	013087				PHẠM THẾ KHANG	04/08/2011	6A	
40	013088				TRƯƠNG THỤY KHANG	23/11/2011	6A	
41	013089				NGUYỄN DUY KHÁNH	26/12/2011	6B	
42	013090				NGUYỄN NGỌC KHÁNH	09/10/2011	6D	
43	013091				TRẦN DUY KHÁNH	03/08/2011	6A	
44	013092				VŨ NAM KHÁNH	25/12/2011	6A	
45	013093				NGUYỄN TRUNG KIÊN	06/09/2011	6D	
46	013094				NGUYỄN TUẤN KIẾT	05/11/2011	6C	
47	013095				TRƯƠNG QUANG KIẾT	20/08/2011	6A	
48	013096				NGUYỄN THỊ LAN	27/06/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013097				NGUYỄN BẢO LÂM	31/08/2011	6D	
2	013098				NGUYỄN BÁCH LÂM	09/12/2011	6C	
3	013099				TRƯƠNG THIẾT LÂM	15/10/2011	6D	
4	013100				NGÔ THỊ THÙY LINH	02/03/2011	6B	
5	013101				NGÔ THỊ THÙY LINH	09/08/2011	6D	
6	013102				NGUYỄN THỊ HÀ LINH	14/12/2011	6A	
7	013103				TRẦN VĂN LINH	14/02/2011	6D	
8	013104				VŨ BẢO LONG	30/04/2011	6B	
9	013105				PHẠM BÌNH XUÂN LỘC	07/02/2011	6D	
10	013106				PHÍ XUÂN LỘC	24/03/2011	6C	
11	013107				TRƯƠNG KHÁNH LY	18/07/2011	6D	
12	013108				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	26/07/2011	6C	
13	013109				NGUYỄN THỊ THẢO MAI	07/03/2011	6B	
14	013110				LÊ VĂN TIẾN MẠNH	27/11/2011	6D	
15	013111				NGUYỄN ĐỨC MẠNH	05/11/2011	6A	
16	013112				MAI QUANG MINH	06/05/2011	6D	
17	013113				NGUYỄN GIA MINH	21/09/2011	6C	
18	013114				NGUYỄN NHẬT MINH	08/03/2011	6B	
19	013115				NGUYỄN TIẾN MINH	23/07/2011	6B	
20	013116				NGUYỄN TUẤN MINH	30/07/2011	6B	
21	013117				PHẠM VĂN MINH	09/08/2011	6A	
22	013118				VŨ THỊ TRÀ MY	28/11/2011	6B	
23	013119				TRƯƠNG VĂN BẢO NAM	01/01/2011	6A	
24	013120				NGUYỄN ĐẶNG BẢO NGÂN	13/09/2011	6B	
25	013121				VŨ MAI NGÂN	30/07/2011	6A	
26	013122				LƯU VĂN VIỆT NGHĨA	07/12/2011	6B	
27	013123				TRƯƠNG ĐỨC TRỌNG NGHĨA	24/09/2011	6B	
28	013124				LÊ VĂN ANH NGỌC	09/08/2011	6D	
29	013125				NGÔ THỊ LÂM NGỌC	17/01/2011	6B	
30	013126				NGUYỄN BẢO NGỌC	13/09/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013127				PHẠM KHÁNH NGỌC	01/08/2011	6A	
32	013128				TRƯƠNG MINH NGỌC	13/08/2011	6B	
33	013129				TRƯƠNG MỸ NGỌC	12/11/2011	6A	
34	013130				TRƯƠNG THỊ THANH NHÂN	30/10/2011	6B	
35	013131				DƯƠNG HOÀNG LONG NHẬT	06/10/2011	6C	
36	013132				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	21/03/2011	6D	
37	013133				TRƯƠNG TUYẾT NHUNG	19/11/2011	6B	
38	013134				NGUYỄN TUYẾT NHƯ	05/03/2011	6A	
39	013135				PHẠM TÂM NHƯ	23/02/2011	6D	
40	013136				PHẠM THỊ TÂM NHƯ	04/08/2011	6A	
41	013137				NGUYỄN ĐỨC PHÁT	15/01/2011	6D	
42	013138				NGUYỄN HỮU THÀNH PHÁT	30/01/2011	6B	
43	013139				PHÍ HOÀNG PHONG	15/11/2011	6D	
44	013140				LÊ THÀNH PHÚ	12/06/2011	6A	
45	013141				HOÀNG VĂN PHÚC	15/03/2011	6D	
46	013142				LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	02/08/2011	6C	
47	013143				NGUYỄN LAN PHƯƠNG	05/03/2011	6D	
48	013144				TRẦN MAI PHƯƠNG	01/02/2011	6D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013145				VŨ THỊ MINH PHƯỢNG	21/07/2011	6B	
2	013146				HOÀNG ĐỨC QUÂN	03/06/2011	6D	
3	013147				VŨ MINH QUÂN	11/03/2011	6B	
4	013148				NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	05/04/2011	6B	
5	013149				NGUYỄN XUÂN QUỲNH	10/07/2011	6D	
6	013150				TRẦN THỊ QUỲNH	31/10/2010	6A	
7	013151				VŨ THỊ DIỄM QUỲNH	06/12/2011	6A	
8	013152				NGUYỄN NGỌC MINH SÂM	29/10/2011	6C	
9	013153				NGUYỄN THỊ HUYỀN SÂM	01/06/2011	6C	
10	013154				NGUYỄN MINH TÀI	16/07/2011	6C	
11	013155				TRƯƠNG VĂN TÂN	29/12/2011	6B	
12	013156				ĐỖ QUỐC THÀNH	23/12/2011	6B	
13	013157				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/08/2011	6C	
14	013158				PHẠM THỊ THẢO	20/10/2010	6B	
15	013159				TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO	04/11/2011	6C	
16	013160				LƯƠNG KIM THÁI	11/08/2011	6A	
17	013161				NGUYỄN CHÍ THIỆN	11/06/2011	6D	
18	013162				NGUYỄN MINH THUẬN	09/07/2011	6C	
19	013163				NGUYỄN THỊ THANH THỦY	16/05/2011	6B	
20	013164				NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	16/02/2011	6D	
21	013165				NGUYỄN HẢI THỤY	19/03/2011	6A	
22	013166				NGUYỄN THỊ ANH THƯ	14/06/2011	6C	
23	013167				TRƯƠNG VĂN TOÀN	25/10/2011	6A	
24	013168				NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	03/09/2011	6D	
25	013169				NGUYỄN THÙY TRANG	26/06/2011	6A	
26	013170				PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	20/10/2011	6C	
27	013171				PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	20/11/2011	6A	
28	013172				TRẦN THANH TRANG	02/06/2011	6A	
29	013173				BÙI KIỀU TRINH	25/10/2011	6A	
30	013174				BÙI THÀNH TRUNG	17/02/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013175				NGUYỄN THANH TRÚC	09/09/2011	6D	
32	013176				TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG	18/06/2011	6A	
33	013177				NGUYỄN ĐỨC TUẤN	12/02/2011	6B	
34	013178				HOÀNG ANH TUẤN	24/12/2011	6C	
35	013179				NGUYỄN VĂN TUYỀN	12/11/2011	6B	
36	013180				TRƯƠNG THỊ THÚY VÂN	03/12/2011	6A	
37	013181				NGUYỄN ĐẶNG HÀ VI	05/08/2011	6D	
38	013182				NGUYỄN HỮU THÀNH VINH	22/04/2011	6C	
39	013183				NGUYỄN MINH VŨ	14/02/2011	6D	
40	013184				BÙI KHÁNH VY	27/10/2011	6C	
41	013185				NGUYỄN THỊ HÀ VY	17/08/2011	6B	
42	013186				NGUYỄN THỊ QUỲNH VY	10/10/2011	6C	
43	013187				PHẠM HOÀNG HÀ VY	03/08/2011	6D	
44	013188				LÊ THỊ HẢI YẾN	09/12/2011	6A	
45	013189				NGUYỄN HẢI YẾN	29/05/2011	6A	
46	013190				NGUYỄN HẢI YẾN	09/11/2011	6A	
47	013191				PHẠM HẢI YẾN	08/07/2011	6C	
48	013192				PHẠM THỊ HẢI YẾN	02/10/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007001				NGUYỄN ĐÌNH BẢO AN	17/08/2011	6D3	
2	007002				PHẠM ĐĂNG HẢI AN	13/12/2011	6D2	
3	007003				PHẠM THIÊN AN	03/01/2011	6D1	
4	007004				ĐÀO ĐỨC ANH	21/06/2011	6D5	
5	007005				ĐÀO MINH ANH	25/04/2011	6D1	
6	007006				ĐÀO NGUYỄN HÀ ANH	24/01/2011	6D2	
7	007007				ĐẶNG LAN ANH	24/03/2011	6D4	
8	007008				LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	05/06/2011	6D6	
9	007009				NGÔ LAN ANH	07/10/2011	6D5	
10	007010				NGÔ VIỆT ANH	27/08/2011	6D4	
11	007011				NGUYỄN ĐẶNG NGỌC ANH	13/12/2011	6D8	
12	007012				NGUYỄN ĐỨC ANH	11/12/2011	6D1	
13	007013				NGUYỄN HẢI ANH	28/09/2011	6D1	
14	007014				NGUYỄN HOÀNG ANH	16/04/2011	6D2	
15	007015				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	26/04/2011	6D4	
16	007016				NGUYỄN TRANG ANH	27/12/2011	6D4	
17	007017				NGUYỄN VIỆT ANH	21/11/2011	6D6	
18	007018				PHẠM HOÀNG ANH	09/08/2011	6D3	
19	007019				PHẠM NGỌC ANH	01/11/2011	6D3	
20	007020				PHẠM QUỲNH ANH	28/09/2011	6D1	
21	007021				PHẠM VIỆT ANH	16/01/2011	6D4	
22	007022				TÀO QUANG TÙNG ANH	01/09/2011	6D5	
23	007023				TRẦN ĐỨC ANH	05/11/2011	6D1	
24	007024				TRẦN MINH ANH	05/12/2011	6D4	
25	007025				TRẦN THỊ NGỌC ANH	15/12/2011	6D8	
26	007026				TRƯƠNG ĐỨC ANH	23/07/2011	6D4	
27	007027				VŨ THỊ MINH ANH	17/07/2011	6D1	
28	007028				NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	04/08/2011	6D1	
29	007029				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	04/05/2011	6D4	
30	007030				LƯU GIA BẢO	04/10/2011	6D3	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007031				NGUYỄN GIA BẢO	16/03/2011	6D3	
32	007032				NGUYỄN MẠNH BẢO	14/08/2011	6D5	
33	007033				NGUYỄN THÁI BẢO	02/08/2011	6D4	
34	007034				PHẠM GIA BẢO	05/09/2011	6D3	
35	007035				TRẦN GIA BẢO	12/02/2011	6D2	
36	007036				NGUYỄN HOÀNG BÁCH	03/01/2011	6D2	
37	007037				PHẠM ĐĂNG HẢI BÌNH	13/12/2011	6D2	
38	007038				PHẠM NGỌC BẢO CHÂU	20/09/2011	6D3	
39	007039				NGUYỄN LINH CHI	18/12/2011	6D8	
40	007040				LƯƠNG THỊ THỰC CHINH	18/03/2011	6D1	
41	007041				VŨ VĂN CHÍNH	18/03/2011	6D7	
42	007042				BÙI THỊ THANH CHÚC	02/08/2011	6D8	
43	007043				NGUYỄN HOÀNG CÔNG	08/08/2011	6D5	
44	007044				NGUYỄN THÀNH CÔNG	13/07/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007045				HOÀNG THẾ CƯỜNG	13/02/2011	6D2	
2	007046				TRẦN MẠNH CƯỜNG	02/04/2011	6D5	
3	007047				NGUYỄN TIẾN DANH	30/09/2011	6D2	
4	007048				ĐẶNG NGỌC DIỆP	09/05/2011	6D5	
5	007049				MAI NGỌC DIỆP	15/06/2011	6D7	
6	007050				NGUYỄN HỒNG DIỆP	20/12/2011	6D4	
7	007051				NGUYỄN NGỌC DIỆP	26/11/2011	6D8	
8	007052				PHẠM NGỌC DIỆP	17/12/2011	6D6	
9	007053				TRẦN NGỌC DIỆP	30/07/2011	6D4	
10	007054				MAI ĐỨC DUY	09/08/2011	6D2	
11	007055				NGUYỄN HẢI DUY	21/06/2011	6D3	
12	007056				PHẠM TIẾN DUY	11/08/2011	6D7	
13	007057				LƯƠNG THÙY DƯƠNG	17/07/2011	6D1	
14	007058				NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	06/12/2011	6D3	
15	007059				NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	28/03/2011	6D4	
16	007060				CAO XUÂN ĐẠT	04/03/2011	6D8	
17	007061				LÊ NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/11/2011	6D4	
18	007062				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/11/2011	6D1	
19	007063				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/10/2011	6D1	
20	007064				PHẠM TIẾN ĐẠT	05/08/2011	6D7	
21	007065				PHẠM TIẾN ĐẠT	13/10/2011	6D7	
22	007066				VŨ THÀNH ĐẠT	23/01/2011	6D5	
23	007067				HOÀNG NGUYỄN HẢI ĐĂNG	09/05/2011	6D2	
24	007068				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	04/06/2011	6D7	
25	007069				PHẠM VĂN HẢI ĐĂNG	04/02/2011	6D1	
26	007070				TRƯƠNG QUÝ ĐÔN	08/03/2011	6D2	
27	007071				MAI HẢI ĐÔNG	17/09/2011	6D7	
28	007072				PHẠM HOÀNG ĐÔNG	19/09/2011	6D3	
29	007073				NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	21/06/2011	6D5	
30	007074				ĐỖ LƯƠNG HOÀNG ĐỨC	30/06/2011	6D5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007075				HOÀNG MINH ĐỨC	22/03/2011	6D2	
32	007076				KHÚC ĐÌNH ĐỨC	20/01/2011	6D7	
33	007077				NGUYỄN ANH ĐỨC	24/07/2011	6D5	
34	007078				NGUYỄN TRÍ ĐỨC	16/07/2011	6D8	
35	007079				NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/05/2011	6D8	
36	007080				PHẠM ANH ĐỨC	26/01/2011	6D2	
37	007081				BÙI HƯƠNG GIANG	20/04/2011	6D8	
38	007082				MAI THANH GIANG	05/03/2011	6D2	
39	007083				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	23/09/2011	6D5	
40	007084				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	15/06/2011	6D1	
41	007085				PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	15/12/2011	6D3	
42	007086				NGUYỄN THANH HÀ	21/01/2011	6D1	
43	007087				PHẠM THANH HÂN	29/10/2011	6D4	
44	007088				VŨ NGỌC HÂN	03/07/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007089				VŨ TIẾN HẬU	16/03/2011	6D7	
2	007090				MẠC THỊ HẰNG	05/11/2011	6D5	
3	007091				BÙI THU HIỀN	13/05/2011	6D8	
4	007092				BÙI TRUNG HIẾU	17/04/2011	6D8	
5	007093				NGUYỄN HOÀNG HIẾU	10/11/2011	6D3	
6	007094				NGUYỄN KHẮC TRUNG HIẾU	18/04/2011	6D5	
7	007095				NGUYỄN QUANG HIẾU	31/05/2011	6D3	
8	007096				NGUYỄN VIỆT HIẾU	10/07/2011	6D5	
9	007097				PHẠM GIA HIẾU	17/01/2011	6D6	
10	007098				PHẠM LÊ HIẾU	25/03/2011	6D3	
11	007099				PHẠM TRUNG HIẾU	27/07/2011	6D6	
12	007100				PHÚ VĂN HIẾU	15/11/2011	6D5	
13	007101				TRẦN NGUYỄN HIẾU	24/11/2011	6D8	
14	007102				NGUYỄN PHƯƠNG HOA	17/10/2011	6D1	
15	007103				TRẦN THỊ THU HOÀI	08/10/2011	6D4	
16	007104				NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	17/08/2011	6D8	
17	007105				NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	13/08/2011	6D4	
18	007106				PHÙNG VĂN HOÀNG	20/12/2011	6D5	
19	007107				TRẦN ĐỨC HOÀNG	09/08/2011	6D3	
20	007108				TRẦN VĂN HOÀNG	13/07/2011	6D6	
21	007109				BÙI GIA HUY	09/08/2011	6D8	
22	007110				BÙI QUỐC HUY	02/06/2011	6D1	
23	007111				NGUYỄN GIA HUY	01/05/2011	6D4	
24	007112				PHẠM GIA HUY	18/05/2011	6D3	
25	007113				PHẠM THẾ GIA HUY	03/06/2011	6D7	
26	007114				TRẦN GIA HUY	15/08/2011	6D8	
27	007115				TRƯƠNG MINH HUY	21/03/2011	6D2	
28	007116				VŨ TIẾN HUY	21/06/2011	6D2	
29	007117				NGUYỄN THU HUYỀN	26/02/2011	6D2	
30	007118				ĐÀO VIỆT HÙNG	11/04/2011	6D2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007119				HOÀNG VIỆT HÙNG	11/11/2011	6D6	
32	007120				VŨ THẾ HÙNG	18/05/2011	6D6	
33	007121				ĐÀO VĂN HÙNG	20/12/2011	6D3	
34	007122				NGUYỄN ĐỨC HÙNG	22/10/2011	6D1	
35	007123				NGUYỄN HOÀNG PHÚ HÙNG	11/03/2011	6D2	
36	007124				DƯƠNG THỊ DIỄM HƯƠNG	20/08/2011	6D2	
37	007125				HOÀNG THỊ HƯƠNG	28/10/2011	6D8	
38	007126				NGUYỄN MAI HƯƠNG	02/02/2011	6D6	
39	007127				BÙI THỊ THÚY HƯƠNG	25/06/2011	6D1	
40	007128				ĐINH NHẬT HƯƠNG	17/01/2011	6D1	
41	007129				NGUYỄN HOÀNG TUẤN KHANG	10/06/2011	6D4	
42	007130				LŨU GIA KHÁNH	27/05/2011	6D5	
43	007131				PHẠM MINH KHÁNH	02/12/2011	6D3	
44	007132				PHẠM TRUNG GIA KHÁNH	25/08/2011	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007133				TRẦN DUY KHÁNH	19/08/2011	6D3	
2	007134				BÙI PHẠM GIA KHIÊM	01/01/2011	6D1	
3	007135				ĐẶNG ĐĂNG KHOA	06/05/2011	6D6	
4	007136				TRẦN VĂN KIÊN	24/08/2011	6D7	
5	007137				PHẠM TUẤN KIẾT	23/12/2011	6D3	
6	007138				ĐÀO KHÁNH LAM	28/03/2011	6D3	
7	007139				VŨ THỊ NGỌC LAN	18/03/2011	6D6	
8	007140				CAO XUÂN LÂM	04/03/2011	6D2	
9	007141				HOÀNG THỊ LIÊN	01/01/2011	6D6	
10	007142				NGUYỄN THỊ LIỄU	09/07/2011	6D5	
11	007143				ĐẶNG TUẤN LINH	15/11/2011	6D1	
12	007144				ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	17/05/2011	6D2	
13	007145				HOÀNG PHÚ LINH	02/02/2011	6D6	
14	007146				HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	30/10/2011	6D6	
15	007147				HOÀNG THÙY LINH	07/10/2011	6D8	
16	007148				NGUYỄN BẢO LINH	20/09/2011	6D5	
17	007149				NGUYỄN BẢO LINH	03/10/2011	6D1	
18	007150				NGUYỄN DIỆU LINH	09/10/2011	6D4	
19	007151				NGUYỄN KHÁNH LINH	25/04/2011	6D6	
20	007152				NGUYỄN KHÁNH LINH	10/10/2011	6D3	
21	007153				NGUYỄN NGỌC LINH	26/03/2011	6D7	
22	007154				NGUYỄN THỊ MAI LINH	23/06/2011	6D4	
23	007155				NGUYỄN THÙY LINH	10/10/2011	6D8	
24	007156				PHẠM THỊ THẢO LINH	02/12/2011	6D3	
25	007157				PHẠM THỊ THÙY LINH	16/02/2011	6D2	
26	007158				TRẦN THỊ KHÁNH LINH	18/03/2011	6D6	
27	007159				HOÀNG THỊ LOAN	20/05/2011	6D6	
28	007160				NGUYỄN DUY LONG	27/06/2011	6D6	
29	007161				TRẦN QUANG LONG	04/02/2011	6D2	
30	007162				PHÙNG BẢO LỘC	01/04/2011	6D6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007163				LÊ VĂN LUÂN	12/08/2011	6D3	
32	007164				TRẦN NGỌC LƯU	28/11/2011	6D2	
33	007165				BÙI PHƯƠNG LY	22/04/2011	6D2	
34	007166				ĐẶNG DIỆU LY	24/05/2011	6D8	
35	007167				PHẠM THẢO LY	14/08/2011	6D6	
36	007168				VŨ THỊ KHÁNH LY	28/10/2011	6D3	
37	007169				BÙI PHƯƠNG MAI	02/06/2011	6D3	
38	007170				BÙI THỊ THANH MAI	30/03/2011	6D3	
39	007171				HOÀNG THỊ THANH MAI	14/07/2011	6D8	
40	007172				NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	13/12/2011	6D5	
41	007173				PHẠM THANH MAI	22/03/2011	6D8	
42	007174				TRƯƠNG HIỀN MAI	19/07/2011	6D2	
43	007175				ĐÀO XUÂN MẠNH	10/01/2011	6D4	
44	007176				PHẠM DUY MẠNH	15/09/2011	6D3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007177				BÙI THỊ MẾN	05/08/2011	6D3	
2	007178				VŨ THỊ THẢO MI	04/09/2011	6D6	
3	007179				ĐÀO PHÚ MINH	21/10/2011	6D3	
4	007180				ĐẶNG BÌNH MINH	16/08/2011	6D1	
5	007181				NGUYỄN KHÁNH MINH	31/10/2011	6D1	
6	007182				NGUYỄN VĂN MINH	17/09/2011	6D8	
7	007183				TRẦN ANH MINH	07/08/2011	6D6	
8	007184				TRẦN NGỌC MINH	16/03/2011	6D1	
9	007185				TRẦN VĂN MINH	07/01/2011	6D2	
10	007186				VŨ TIẾN MINH	08/04/2011	6D1	
11	007187				NGUYỄN HÀ MY	08/02/2011	6D8	
12	007188				NGUYỄN TRÀ MY	24/09/2011	6D2	
13	007189				PHẠM THẢO MY	14/08/2011	6D6	
14	007190				TRẦN THẢO MY	25/09/2011	6D4	
15	007191				BÙI ĐÌNH NAM	07/03/2011	6D8	
16	007192				ĐÀO NGUYỄN BẢO NAM	03/05/2011	6D1	
17	007193				ĐẶNG HẢI NAM	15/07/2011	6D1	
18	007194				NGUYỄN ĐỨC NAM	12/04/2011	6D1	
19	007195				NGUYỄN ĐỨC HẢI NAM	30/11/2011	6D7	
20	007196				NGUYỄN HOÀNG NAM	20/10/2011	6D3	
21	007197				PHẠM VĂN NAM	10/09/2011	6D3	
22	007198				HOÀNG THỊ THÚY NGA	09/03/2011	6D6	
23	007199				TRẦN THỊ HẰNG NGA	25/02/2011	6D7	
24	007200				DƯƠNG HOÀNG NGÂN	26/09/2011	6D2	
25	007201				HOÀNG THỊ KIM NGÂN	16/10/2011	6D6	
26	007202				NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	22/06/2011	6D1	
27	007203				NGUYỄN THÚY NGÂN	23/01/2011	6D5	
28	007204				PHẠM BÍCH NGÂN	10/08/2011	6D1	
29	007205				PHẠM KIM NGÂN	03/09/2011	6D7	
30	007206				HOÀNG ĐÌNH NGHĨA	23/10/2011	6D7	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS ĐẠI BẢN

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007207				NGUYỄN MINH NGHĨA	02/09/2011	6D5	
32	007208				NGUYỄN THẢO NGỌC	12/10/2011	6D4	
33	007209				NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	26/10/2011	6D7	
34	007210				NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	11/03/2011	6D4	
35	007211				NGUYỄN YẾN NGỌC	07/10/2011	6D1	
36	007212				PHẠM NGUYỄN MINH NGỌC	19/08/2011	6D2	
37	007213				PHẠM THỊ MINH NGỌC	02/03/2011	6D3	
38	007214				TRẦN THỊ BẢO NGỌC	29/04/2011	6D6	
39	007215				VŨ MAI THANH NGỌC	16/08/2011	6D1	
40	007216				MAI VĂN NGUYỄN	24/07/2011	6D6	
41	007217				PHẠM KHÔI NGUYỄN	17/09/2011	6D4	
42	007218				VŨ THỊ THANH NHÂN	14/02/2011	6D8	
43	007219				TRẦN HỮU NHÂN	27/03/2011	6D7	
44	007220				HOÀNG MINH NHẬT	07/12/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007221				NGUYỄN TRỌNG MINH NHẬT	02/11/2011	6D1	
2	007222				PHẠM QUANG NHẬT	17/07/2011	6D6	
3	007223				VŨ QUANG NHẬT	23/01/2011	6D6	
4	007224				ĐOÀN THỊ UYÊN NHI	17/04/2011	6D4	
5	007225				KIỀU HUYỀN NHI	25/08/2011	6D7	
6	007226				NGUYỄN PHƯƠNG NHI	12/01/2011	6D6	
7	007227				NGUYỄN THỊ DUNG NHI	01/06/2011	6D5	
8	007228				NGUYỄN THỊ KHÁNH NHI	24/10/2011	6D4	
9	007229				NGUYỄN VÕ UYÊN NHI	26/07/2011	6D1	
10	007230				NGUYỄN HOÀNG NHUNG	13/02/2011	6D5	
11	007231				PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	10/03/2011	6D7	
12	007232				ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	26/10/2010	6D4	
13	007233				PHÙNG THỊ HẢI NHƯ	22/05/2011	6D6	
14	007234				HOÀNG ĐÌNH PHONG	14/10/2011	6D7	
15	007235				LÊ NAM PHONG	01/05/2011	6D6	
16	007236				MAI GIA PHONG	22/07/2011	6D6	
17	007237				TRẦN QUANG PHONG	16/11/2011	6D6	
18	007238				PHẠM ĐỨC PHÚ	13/06/2011	6D7	
19	007239				HỒ HUY PHÚC	27/09/2011	6D3	
20	007240				NGUYỄN VĂN PHÚC	07/03/2011	6D5	
21	007241				PHẠM HOÀNG PHÚC	02/12/2011	6D6	
22	007242				NGUYỄN QUÂN PHƯƠNG	24/12/2011	6D5	
23	007243				PHAN VĂN PHƯƠNG	21/10/2011	6D6	
24	007244				TRẦN MAI PHƯƠNG	15/03/2011	6D2	
25	007245				NGUYỄN DUY PHƯỚC	30/08/2011	6D2	
26	007246				PHẠM THỊ PHƯỢNG	04/12/2011	6D4	
27	007247				NGUYỄN HỮU QUANG	14/04/2011	6D2	
28	007248				NGUYỄN TUẤN QUANG	20/05/2011	6D2	
29	007249				TRẦN VĂN QUẢNG	26/09/2011	6D6	
30	007250				HOÀNG MINH QUÂN	04/12/2011	6D1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007251				LÊ THANH QUÂN	07/03/2011	6D4	
32	007252				NGUYỄN ANH QUÂN	29/09/2011	6D4	
33	007253				NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	04/08/2011	6D5	
34	007254				NGUYỄN HOÀNG QUÂN	18/04/2011	6D5	
35	007255				NGUYỄN NHẬT QUÂN	04/06/2011	6D2	
36	007256				PHẠM MINH QUÂN	22/02/2011	6D6	
37	007257				BÙI DIỄM QUỲNH	14/07/2011	6D8	
38	007258				NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	21/02/2011	6D5	
39	007259				TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	01/11/2011	6D8	
40	007260				NGUYỄN VĂN QUÝ	04/12/2011	6D4	
41	007261				NGUYỄN QUANG SÁNG	28/01/2011	6D4	
42	007262				NGUYỄN HOÀNG SƠN	03/04/2011	6D7	
43	007263				NGUYỄN ĐỨC TÀI	04/03/2011	6D3	
44	007264				NGUYỄN TẤN TÀI	19/02/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007265				LƯƠNG THỊ MINH TÂM	25/07/2011	6D3	
2	007266				NGUYỄN HẢI TÂN	01/01/2011	6D4	
3	007267				MAI PHÚC THÀNH	27/03/2011	6D2	
4	007268				NGUYỄN VĂN THÀNH	03/05/2010	6D5	
5	007269				PHẠM THẾ THÀNH	16/11/2011	6D7	
6	007270				ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	14/05/2011	6D7	
7	007271				LÊ PHƯƠNG THẢO	15/03/2011	6D4	
8	007272				NGUYỄN BÌNH THÁI	13/03/2011	6D4	
9	007273				NGUYỄN VĂN THẮNG	21/03/2011	6D3	
10	007274				TRỊNH VĂN THẮNG	02/01/2011	6D6	
11	007275				BÙI ĐÌNH THẮNG	18/02/2011	6D8	
12	007276				HOÀNG ĐÌNH THẮNG	09/04/2011	6D7	
13	007277				PHẠM THẾ VIỆT THẮNG	20/08/2011	6D7	
14	007278				BÙI ĐỨC THIỆN	17/10/2011	6D1	
15	007279				NGUYỄN HOÀNG HẢI THIỆN	30/09/2011	6D5	
16	007280				TRẦN ĐỨC THIỆU	08/12/2011	6D7	
17	007281				LÊ QUANG THỊNH	12/11/2011	6D2	
18	007282				PHẠM QUANG THỌ	23/05/2011	6D3	
19	007283				MAI HUYỀN THU	01/10/2011	6D8	
20	007284				NGUYỄN ÁNH THU	16/06/2011	6D4	
21	007285				NGUYỄN MINH THU	08/10/2011	6D8	
22	007286				TRẦN MẠNH THUẬN	11/03/2011	6D5	
23	007287				NGUYỄN THU THỦY	18/09/2011	6D5	
24	007288				HOÀNG THỊ THÚY	25/04/2011	6D8	
25	007289				ĐÀO THỊ THƯ	06/11/2011	6D2	
26	007290				ĐINH HUYỀN THƯ	16/02/2011	6D4	
27	007291				LÊ ANH THƯ	03/02/2011	6D8	
28	007292				NGUYỄN THỊ ANH THƯ	02/03/2011	6D8	
29	007293				TRẦN THANH THƯ	27/02/2011	6D8	
30	007294				TRẦN THỊ THƯ	03/02/2011	6D3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007295				NGUYỄN CÁT THẢO TIÊN	27/03/2011	6D1	
32	007296				NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	06/02/2011	6D5	
33	007297				NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	10/12/2011	6D8	
34	007298				NGUYỄN ĐÌNH MINH TIẾN	30/08/2011	6D3	
35	007299				TRẦN ĐỨC TIẾN	12/07/2011	6D7	
36	007300				CHU ĐỨC TOÀN	12/07/2011	6D7	
37	007301				BÙI BẢO TRANG	08/01/2011	6D4	
38	007302				HOÀNG THỊ TRANG	23/01/2011	6D7	
39	007303				HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	21/01/2011	6D7	
40	007304				LÊ THU TRANG	28/08/2011	6D3	
41	007305				LONG QUỲNH TRANG	08/07/2011	6D3	
42	007306				LƯƠNG THÙY TRANG	24/11/2011	6D8	
43	007307				NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/08/2011	6D1	
44	007308				NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/05/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007309				NGUYỄN THỊ TRANG	22/10/2011	6D6	
2	007310				NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	26/12/2011	6D8	
3	007311				NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/10/2011	6D4	
4	007312				PHẠM THỊ TRANG	20/01/2011	6D7	
5	007313				PHẠM THỊ THU TRANG	18/06/2011	6D5	
6	007314				PHẠM THỊ THU TRANG	13/12/2011	6D8	
7	007315				PHÙNG THỊ THU TRANG	11/06/2011	6D6	
8	007316				TRẦN HÀ TRANG	11/07/2011	6D1	
9	007317				NGUYỄN HOÀNG THANH TRÀ	09/04/2011	6D1	
10	007318				ĐỖ NGỌC TRÂM	12/12/2011	6D5	
11	007319				PHẠM NGỌC TRÂM	16/12/2011	6D5	
12	007320				PHẠM QUỲNH TRÂM	15/07/2011	6D1	
13	007321				TRẦN THỊ TRÂM	24/12/2011	6D8	
14	007322				VŨ NGỌC TRÂM	05/01/2011	6D1	
15	007323				NGUYỄN HOÀNG TRÚC	26/10/2011	6D8	
16	007324				NGUYỄN THANH TRÚC	12/12/2011	6D7	
17	007325				BÙI ANH TUẤN	05/01/2011	6D3	
18	007326				BÙI ANH TUẤN	29/04/2011	6D8	
19	007327				NGUYỄN ANH TUẤN	26/02/2011	6D7	
20	007328				NGUYỄN QUỐC TUẤN	05/09/2011	6D5	
21	007329				NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	01/01/2011	6D7	
22	007330				NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	17/10/2011	6D2	
23	007331				TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	02/09/2011	6D4	
24	007332				BÙI THANH TÙNG	26/06/2011	6D8	
25	007333				NGUYỄN HOÀNG TÙNG	21/09/2011	6D2	
26	007334				BÀNG NGỌC CẨM TÚ	19/05/2011	6D6	
27	007335				TRẦN VĂN TÚ	30/11/2011	6D4	
28	007336				PHẠM VĂN TƯỜNG	30/05/2011	6D3	
29	007337				BÙI THỊ TÚ UYÊN	14/02/2011	6D8	
30	007338				NGUYỄN THẢO VÂN	09/01/2011	6D1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007339				NGUYỄN THẢO VÂN	09/10/2011	6D4	
32	007340				PHẠM KHÁNH VÂN	22/11/2011	6D7	
33	007341				ĐẶNG QUỐC VIỆT	11/02/2011	6D7	
34	007342				TRẦN QUỐC VIỆT	22/08/2011	6D4	
35	007343				NGUYỄN QUANG VINH	26/11/2011	6D6	
36	007344				NGUYỄN HUY VŨ	18/01/2011	6D2	
37	007345				TRẦN VĂN VŨ	20/04/2011	6D6	
38	007346				TRẦN VĂN VƯƠNG	06/09/2011	6D7	
39	007347				TRẦN LÊ KHÁNH VY	08/08/2011	6D7	
40	007348				TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	15/10/2011	6D8	
41	007349				NGUYỄN SỬ YÊN	30/11/2011	6D7	
42	007350				DƯƠNG THỊ BẢO YẾN	29/05/2011	6D5	
43	007351				LÊ HẢI YẾN	21/09/2011	6D3	
44	007352				PHẠM MINH YẾN	03/11/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016001				MAI ÍCH HẢI AN	16/12/2011	6D2	
2	016002				PHẠM VĂN AN	13/09/2011	6D2	
3	016003				BÙI DUY ANH	27/09/2011	6D2	
4	016004				CAO THỊ PHƯƠNG ANH	21/10/2011	6D7	
5	016005				ĐOÀN TUẤN ANH	21/09/2011	6D4	
6	016006				ĐỖ PHẠM ĐỨC ANH	05/01/2011	6D2	
7	016007				HOÀNG THỊ MAI ANH	28/09/2011	6D3	
8	016008				LƯU HÀ ANH	21/01/2011	6D6	
9	016009				MAI QUỲNH ANH	11/11/2011	6D6	
10	016010				NGUYỄN ĐÀM PHƯƠNG ANH	29/09/2011	6D3	
11	016011				NGUYỄN HẢI ANH	08/08/2011	6D4	
12	016012				NGUYỄN PHẠM HIỀN ANH	11/11/2011	6D5	
13	016013				NGUYỄN THỊ HÀ ANH	07/09/2011	6D1	
14	016014				NGUYỄN THỊ MAI ANH	05/12/2011	6D3	
15	016015				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/12/2011	6D6	
16	016016				PHẠM TUẤN ANH	07/08/2011	6D7	
17	016017				PHẠM VÂN ANH	08/11/2011	6D2	
18	016018				TRẦN LƯU HẢI ANH	02/07/2011	6D3	
19	016019				TRẦN PHẠM ĐỨC ANH	01/09/2011	6D1	
20	016020				ĐẶNG QUỐC BẢO	16/08/2011	6D7	
21	016021				NGUYỄN GIA BẢO	17/11/2011	6D2	
22	016022				NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	09/04/2011	6D1	
23	016023				PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	17/02/2011	6D5	
24	016024				BÙI NGUYỄN HẢI BÌNH	18/06/2011	6D2	
25	016025				NGUYỄN HỮU AN BÌNH	10/07/2011	6D7	
26	016026				TRẦN QUỐC BÌNH	07/12/2011	6D4	
27	016027				NGUYỄN NGỌC BÍCH	28/08/2011	6D1	
28	016028				NGUYỄN ĐÌNH CAO	18/07/2011	6D7	
29	016029				ĐOÀN BẢO CHÂU	08/04/2011	6D6	
30	016030				NGUYỄN MINH CHÂU	17/09/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016031				NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	17/10/2011	6D5	
32	016032				TÔ BẢO CHÂU	03/08/2011	6D3	
33	016033				ĐỖ THÁI QUỲNH CHI	15/08/2011	6D5	
34	016034				ĐỖ THỊ LINH CHI	02/07/2011	6D1	
35	016035				LƯU THỊ KIM CHI	29/10/2011	6D4	
36	016036				NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	13/07/2011	6D7	
37	016037				PHẠM MAI CHI	25/08/2011	6D6	
38	016038				VŨ NGỌC CHINH	11/02/2011	6D5	
39	016039				LƯU TIẾN CÔNG	07/09/2011	6D6	
40	016040				LÊ HỒNG PHÚ CƯỜNG	24/07/2011	6D2	
41	016041				LƯU QUỐC CƯỜNG	18/01/2011	6D4	
42	016042				NGUYỄN NGỌC DIỆP	04/03/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016043				TRẦN NGỌC DIỆP	05/12/2011	6D6	
2	016044				DƯƠNG HỒNG DUY	19/06/2011	6D2	
3	016045				NGUYỄN ĐỨC DUY	15/04/2011	6D3	
4	016046				TRỊNH VŨ DUY	09/05/2011	6D3	
5	016047				LƯƠNG MẠNH DŨNG	28/12/2010	6D7	
6	016048				LÊ THỊ YẾN DƯƠNG	11/03/2011	6D5	
7	016049				NGUYỄN NAM DƯƠNG	24/05/2011	6D3	
8	016050				NGUYỄN VĂN DƯƠNG	21/08/2011	6D6	
9	016051				NGUYỄN VŨ THÙY DƯƠNG	22/10/2011	6D1	
10	016052				TRẦN BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	12/03/2011	6D1	
11	016053				VŨ THÙY DƯƠNG	19/01/2011	6D1	
12	016054				NGUYỄN THÀNH ĐẠI	11/09/2011	6D3	
13	016055				ĐỖ DANH ĐẠT	16/03/2011	6D3	
14	016056				ĐỖ DUY ĐẠT	13/02/2011	6D5	
15	016057				MAI TRUNG TIẾN ĐẠT	19/11/2011	6D7	
16	016058				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	20/10/2011	6D1	
17	016059				NGUYỄN MINH ĐỨC	14/05/2011	6D7	
18	016060				NGUYỄN THỊ ÚT	22/05/2011	6D2	
19	016061				NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	17/09/2011	6D3	
20	016062				PHẠM HƯƠNG GIANG	12/05/2011	6D6	
21	016063				TRẦN THÙY GIANG	29/07/2011	6D1	
22	016064				NGUYỄN THÁI HÀ	25/08/2011	6D4	
23	016065				BÙI HOÀNG HẢI	13/08/2011	6D5	
24	016066				NGUYỄN NGỌC NAM HẢI	22/01/2011	6D3	
25	016067				NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	14/07/2011	6D7	
26	016068				TRẦN GIA HÂN	16/10/2011	6D5	
27	016069				CAO MINH HẰNG	16/03/2011	6D7	
28	016070				VŨ THU HẰNG	09/08/2011	6D2	
29	016071				BÙI ĐÌNH GIA HIẾU	09/05/2011	6D1	
30	016072				MAI TRUNG HIẾU	12/05/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016073				NGUYỄN ĐỨC HIẾU	17/02/2011	6D1	
32	016074				NGUYỄN ĐỨC HIẾU	07/03/2011	6D7	
33	016075				NGUYỄN MINH HIẾU	30/10/2011	6D6	
34	016076				NGUYỄN MINH HIẾU	30/11/2011	6D5	
35	016077				NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/09/2011	6D5	
36	016078				NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/11/2011	6D3	
37	016079				PHẠM MINH HIẾU	30/08/2011	6D1	
38	016080				TRẦN CHÍ HIẾU	16/10/2010	6D4	
39	016081				NGUYỄN HOÀNG HIỆP	18/10/2011	6D4	
40	016082				NGUYỄN HỮU HOÀNG HIỆP	06/11/2011	6D1	
41	016083				LƯƠNG THỊ HOA	02/06/2011	6D5	
42	016084				NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	23/04/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016085				NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	14/08/2010	6D2	
2	016086				NGUYỄN VIỆT HOÀNG	26/05/2011	6D4	
3	016087				NGUYỄN ĐỨC LONG HÒA	27/07/2011	6D5	
4	016088				BÙI QUANG HUY	08/03/2011	6D3	
5	016089				ĐỖ HOÀNG HUY	21/08/2011	6D4	
6	016090				LÊ GIA HUY	17/03/2011	6D4	
7	016091				NGUYỄN ĐÌNH KHANG HUY	11/03/2011	6D4	
8	016092				NGUYỄN QUANG HUY	24/04/2011	6D6	
9	016093				NGUYỄN QUANG HUY	04/06/2011	6D4	
10	016094				ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN	20/01/2011	6D1	
11	016095				LÊ THỊ THANH HUYỀN	23/08/2011	6D6	
12	016096				NGUYỄN THU HUYỀN	15/06/2011	6D7	
13	016097				PHẠM NGỌC HUYỀN	01/09/2011	6D3	
14	016098				BÙI HUY HÙNG	22/01/2011	6D4	
15	016099				HỒ XUÂN HÙNG	27/11/2011	6D6	
16	016100				BÙI HẢI HÙNG	16/10/2011	6D4	
17	016101				NGUYỄN VĂN HÙNG	17/06/2011	6D1	
18	016102				PHẠM THÀNH HÙNG	30/09/2011	6D6	
19	016103				HỒ QUỲNH HƯƠNG	30/06/2011	6D7	
20	016104				MAI THU HƯƠNG	15/08/2011	6D4	
21	016105				TRỊNH VĂN KHANG	20/11/2011	6D1	
22	016106				NGUYỄN VŨ KHÁNH	23/07/2011	6D7	
23	016107				VŨ BẢO KHÁNH	28/06/2011	6D1	
24	016108				NGUYỄN ĐĂNG KHOA	31/01/2011	6D5	
25	016109				NGUYỄN NHẤT KHOA	19/07/2011	6D6	
26	016110				PHẠM DUY KHƯƠNG	18/11/2011	6D3	
27	016111				ĐÀO ANH KIÊN	07/04/2011	6D2	
28	016112				ĐỖ TRUNG KIÊN	11/06/2011	6D6	
29	016113				HÀN TRUNG KIÊN	21/04/2011	6D5	
30	016114				NGUYỄN TRUNG KIÊN	12/11/2011	6D5	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016115				TRẦN TRUNG KIÊN	20/04/2011	6D3	
32	016116				NGUYỄN QUANG KIẾT	15/07/2011	6D1	
33	016117				NGÔ PHƯƠNG LAN	22/11/2011	6D5	
34	016118				ĐỖ ĐỨC LÂM	26/01/2011	6D1	
35	016119				LẠI TÙNG LÂM	24/04/2011	6D7	
36	016120				LÊ HOÀNG LÂM	20/08/2011	6D2	
37	016121				NGUYỄN ĐỨC LÂM	07/04/2011	6D6	
38	016122				NGUYỄN NHẬT LÂM	25/12/2011	6D2	
39	016123				PHẠM NGUYỄN TÙNG LÂM	18/06/2011	6D2	
40	016124				VŨ PHẠM TÙNG LÂM	05/03/2011	6D7	
41	016125				VŨ ĐÌNH LÂN	19/04/2011	6D2	
42	016126				CÁP THỊ HẢI LINH	15/10/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016127				ĐỖ MAI LINH	09/10/2011	6D2	
2	016128				NGUYỄN DIỆU LINH	20/07/2011	6D7	
3	016129				NGUYỄN GIA LINH	01/05/2011	6D5	
4	016130				NGUYỄN KHÁNH LINH	04/10/2011	6D4	
5	016131				NGUYỄN KHÁNH LINH	30/11/2011	6D7	
6	016132				NGUYỄN KHÁNH LINH	10/12/2011	6D2	
7	016133				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/08/2011	6D5	
8	016134				NGUYỄN THÙY LINH	07/11/2011	6D4	
9	016135				PHẠM HÀ KIỀU LINH	06/04/2011	6D5	
10	016136				TÔ KHÁNH LINH	06/11/2011	6D5	
11	016137				ĐỖ KIM LONG	04/10/2011	6D1	
12	016138				LÊ ĐỨC LONG	27/08/2011	6D6	
13	016139				MAI ÍCH LONG	29/06/2011	6D1	
14	016140				NGUYỄN NGỌC LONG	16/12/2011	6D1	
15	016141				ÔN NGUYỄN THÀNH LONG	05/01/2011	6D2	
16	016142				LÊ MINH LỘC	22/05/2011	6D7	
17	016143				PHẠM VĂN LỘC	11/08/2011	6D2	
18	016144				NGUYỄN THÀNH LUÂN	05/07/2011	6D6	
19	016145				BÙI PHƯƠNG MAI	27/09/2011	6D6	
20	016146				NGUYỄN NGHĨA QUỲNH MAI	01/09/2011	6D4	
21	016147				NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC MAI	12/01/2011	6D5	
22	016148				ĐÀO TRỌNG MINH	12/09/2011	6D2	
23	016149				HOÀNG GIA MINH	01/11/2011	6D5	
24	016150				HỒ NHẬT MINH	30/06/2011	6D3	
25	016151				LƯU ĐỨC MINH	13/04/2011	6D2	
26	016152				NGUYỄN NHẬT MINH	23/05/2011	6D4	
27	016153				NGUYỄN QUANG MINH	03/09/2011	6D4	
28	016154				NGUYỄN TUẤN MINH	25/10/2011	6D7	
29	016155				NGUYỄN TUỆ MINH	22/12/2011	6D5	
30	016156				NGUYỄN VĂN MINH	25/12/2011	6D2	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016157				NGUYỄN VŨ HOÀNG MINH	31/05/2011	6D2	
32	016158				TRẦN ĐẶNG MINH	20/09/2011	6D2	
33	016159				VŨ NGỌC MINH	26/01/2011	6D2	
34	016160				VŨ THÁI MINH	19/05/2011	6D7	
35	016161				ĐOÀN THỊ HÀ MY	09/12/2011	6D1	
36	016162				LÊ TRẦN BẢO NAM	04/06/2011	6D4	
37	016163				PHẠM HẢI NAM	19/05/2011	6D3	
38	016164				PHẠM THÀNH NAM	09/02/2011	6D2	
39	016165				TRẦN HẢI NAM	25/08/2011	6D1	
40	016166				HOÀNG THỊ KIM NGÂN	06/11/2011	6D2	
41	016167				NGUYỄN LÊ THU NGÂN	28/02/2011	6D7	
42	016168				NGUYỄN TRÚC NGHĨA	23/04/2011	6D7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016169				BÙI THANH NGỌC	07/01/2011	6D4	
2	016170				MAI NHƯ NGỌC	01/01/2011	6D5	
3	016171				MAI THỊ BÍCH NGỌC	15/07/2011	6D1	
4	016172				NGUYỄN BẢO NGỌC	28/12/2011	6D5	
5	016173				NGUYỄN HOÀN KIM NGỌC	15/12/2011	6D2	
6	016174				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	20/09/2011	6D4	
7	016175				NGUYỄN THẢO NGỌC	14/09/2011	6D1	
8	016176				NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	10/11/2011	6D3	
9	016177				TRẦN NHƯ NGỌC	09/04/2011	6D4	
10	016178				NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	26/02/2010	6D3	
11	016179				NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	17/09/2011	6D7	
12	016180				NGUYỄN PHƯƠNG NHI	24/09/2011	6D7	
13	016181				TRẦN THỊ PHƯƠNG NHI	06/05/2011	6D7	
14	016182				VŨ PHƯƠNG NHI	21/07/2011	6D3	
15	016183				NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	12/05/2011	6D2	
16	016184				VŨ THỊ HỒNG NHUNG	22/12/2011	6D4	
17	016185				HOÀNG THỊ BÍCH NHƯ	27/05/2011	6D6	
18	016186				ĐOÀN TUẤN PHONG	19/11/2011	6D5	
19	016187				MAI TRUNG PHONG	29/12/2011	6D5	
20	016188				NGUYỄN QUỐC PHONG	22/11/2011	6D3	
21	016189				NGUYỄN TUẤN PHONG	22/01/2011	6D4	
22	016190				NGUYỄN MINH PHÚ	20/11/2011	6D5	
23	016191				NGUYỄN XUÂN PHÚ	05/08/2011	6D5	
24	016192				ĐỖ DUY PHÚC	22/08/2011	6D6	
25	016193				LÊ HỒNG PHÚC	16/11/2011	6D3	
26	016194				LƯU HỮU PHÚC	05/07/2011	6D3	
27	016195				MAI DUY PHÚC	23/02/2011	6D7	
28	016196				TRẦN TRUNG PHÚC	07/11/2011	6D4	
29	016197				NGÔ MAI PHƯƠNG	20/10/2011	6D6	
30	016198				NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	02/08/2011	6D4	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016199				NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	28/02/2011	6D6	
32	016200				NGUYỄN THU PHƯỚC	26/05/2011	6D3	
33	016201				NGUYỄN NGỌC QUANG	11/08/2011	6D7	
34	016202				LÊ MINH QUÂN	08/11/2011	6D5	
35	016203				LƯU HỒNG QUÂN	12/04/2011	6D3	
36	016204				NGUYỄN PHẠM ANH QUÂN	11/01/2011	6D5	
37	016205				VŨ NGỌC QUYÊN	10/12/2011	6D6	
38	016206				LƯU MẠNH QUYẾT	05/10/2009	6D3	
39	016207				VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	04/07/2011	6D1	
40	016208				PHẠM PHÚ QUÝ	26/10/2011	6D6	
41	016209				DƯƠNG QUÝ SANG	03/01/2011	6D6	
42	016210				ĐẶNG THÁI SƠN	25/03/2011	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016211				ĐỖ VĂN SƠN	28/06/2011	6D4	
2	016212				LÊ THANH SƠN	31/08/2011	6D6	
3	016213				MAI TRUNG SƠN	11/04/2011	6D3	
4	016214				NGUYỄN TIẾN TÀI	08/11/2011	6D6	
5	016215				PHẠM THỊ TÂM	12/11/2011	6D4	
6	016216				HOÀNG DUY TÂN	14/09/2011	6D2	
7	016217				PHẠM THANH THANH	27/05/2011	6D1	
8	016218				LÊ MINH THÀNH	07/10/2011	6D5	
9	016219				NGUYỄN LÊ MINH THÀNH	06/11/2011	6D7	
10	016220				NGUYỄN VĂN THÀNH	23/07/2011	6D6	
11	016221				BÙI THỊ THANH THẢO	04/11/2011	6D3	
12	016222				HOÀNG NGỌC THẢO	11/08/2011	6D6	
13	016223				HỒ THỊ PHƯƠNG THẢO	26/01/2011	6D6	
14	016224				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/08/2011	6D1	
15	016225				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/09/2011	6D5	
16	016226				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	24/10/2011	6D1	
17	016227				NGUYỄN THỊ THANH THẢO	15/10/2011	6D2	
18	016228				NGUYỄN DUY THÁI	24/10/2011	6D6	
19	016229				TRẦN THỊ DŨNG THÁI	25/03/2011	6D6	
20	016230				PHẠM VĂN THIỆN	15/02/2011	6D4	
21	016231				ĐỖ VIỆT THỊNH	09/04/2011	6D2	
22	016232				NGUYỄN THỊ MINH THU	22/08/2011	6D7	
23	016233				NGUYỄN ĐỖ MAI THÙY	17/12/2011	6D3	
24	016234				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	04/07/2011	6D3	
25	016235				ĐINH THỊ THU THỦY	07/02/2011	6D2	
26	016236				NGUYỄN THỊ THỦY	16/02/2011	6D2	
27	016237				NGUYỄN THỊ THU THỦY	17/05/2011	6D2	
28	016238				NGÔ THANH THÚY	20/08/2011	6D4	
29	016239				NGUYỄN ANH THƯ	10/03/2011	6D5	
30	016240				PHẠM THỊ MINH THƯ	12/12/2011	6D2	

S TT	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016241				VŨ ANH THƯ	10/01/2011	6D6	
32	016242				LÊ THỊ QUỲNH THƯƠNG	31/10/2011	6D4	
33	016243				NGUYỄN HƯƠNG HẠ THỦY TIÊN	16/08/2011	6D7	
34	016244				NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	02/10/2011	6D4	
35	016245				NGUYỄN MINH TIẾN	29/08/2011	6D4	
36	016246				ĐÀO KHÁNH TRANG	02/07/2011	6D5	
37	016247				ĐÀO KIỀU TRANG	02/01/2011	6D3	
38	016248				ĐÀO THỊ THU TRANG	27/09/2011	6D6	
39	016249				NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	26/02/2011	6D7	
40	016250				NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	30/08/2011	6D3	
41	016251				PHAN THÙY TRANG	05/10/2011	6D2	
42	016252				PHẠM QUỲNH TRANG	04/08/2010	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016253				PHẠM THỊ HIỀN TRANG	28/06/2011	6D5	
2	016254				VŨ NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	19/03/2011	6D4	
3	016255				HỒ THỊ THANH TRÀ	10/07/2011	6D6	
4	016256				NGUYỄN NGỌC THÙY TRÂM	28/12/2011	6D7	
5	016257				NGUYỄN PHÚ TRỌNG	29/04/2011	6D7	
6	016258				NGUYỄN THÀNH TRUNG	10/07/2011	6D6	
7	016259				LÊ PHẠM THANH TRÚC	11/07/2011	6D1	
8	016260				LÊ THANH TRÚC	13/10/2011	6D7	
9	016261				NGÔ PHƯƠNG TRÚC	27/02/2011	6D6	
10	016262				NGUYỄN THANH TRÚC	15/11/2011	6D3	
11	016263				VŨ THỊ THANH TRÚC	10/10/2011	6D2	
12	016264				VŨ THỊ THANH TRÚC	11/12/2011	6D6	
13	016265				NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	25/12/2011	6D7	
14	016266				VŨ CÔNG TRƯỜNG	28/03/2011	6D5	
15	016267				VŨ HỮU TRƯỜNG	08/07/2011	6D1	
16	016268				VŨ NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	16/10/2011	6D5	
17	016269				NGUYỄN NGỌC MINH TUYẾT	26/03/2011	6D3	
18	016270				BÙI DANH TÙNG	15/11/2011	6D1	
19	016271				LÊ QUANG TÙNG	24/11/2011	6D1	
20	016272				HÀ TUẤN TÚ	23/08/2011	6D6	
21	016273				LƯU CẨM TÚ	04/08/2011	6D2	
22	016274				PHẠM ANH TÚ	08/11/2011	6D3	
23	016275				ĐÀO HỒNG VÂN	30/10/2011	6D6	
24	016276				ĐÀO MI VÂN	19/04/2011	6D7	
25	016277				ĐẶNG THANH VÂN	01/11/2011	6D1	
26	016278				NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	05/03/2011	6D7	
27	016279				NGUYỄN THỊ THANH VÂN	13/02/2011	6D2	
28	016280				TẠ NGỌC KHÁNH VÂN	27/07/2011	6D6	
29	016281				VŨ THANH VÂN	05/04/2011	6D3	
30	016282				PHẠM QUỐC VÂN	13/08/2011	6D3	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016283				ĐỖ THẢO VI	11/10/2011	6D7	
32	016284				LÊ CÔNG VINH	17/12/2011	6D1	
33	016285				ĐOÀN NGỌC VŨ	31/07/2011	6D1	
34	016286				ĐỖ GIA VŨ	28/10/2011	6D5	
35	016287				NGUYỄN VĂN VŨ	30/09/2011	6D4	
36	016288				LƯU KIỀU VY	15/08/2010	6D1	
37	016289				TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	28/07/2011	6D6	
38	016290				HOÀNG THỊ HẢI YẾN	30/10/2011	6D3	
39	016291				NGUYỄN HẢI YẾN	19/08/2011	6D4	
40	016292				NGUYỄN HẢI YẾN	25/11/2011	6D2	
41	016293				VŨ DƯƠNG BẢO YẾN	24/07/2011	6D3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005001				DOÃN HOÀNG AN	04/11/2011	6A1	
2	005002				ĐẶNG QUỲNH BẢO AN	18/10/2011	6A3	
3	005003				NGUYỄN BẢO AN	01/05/2011	6A5	
4	005004				NGUYỄN NGỌC BẢO AN	01/11/2011	6A4	
5	005005				NGUYỄN TÙNG KHANG AN	16/11/2011	6A6	
6	005006				NGUYỄN VŨ AN	08/07/2011	6A3	
7	005007				ĐÀO THỊ QUỲNH ANH	12/11/2011	6A5	
8	005008				ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	15/09/2011	6A6	
9	005009				HOÀNG MAI ANH	10/01/2011	6A4	
10	005010				KIỀU NGUYỄN NGỌC ANH	21/06/2011	6A2	
11	005011				LÊ THỊ QUỲNH ANH	23/02/2011	6A1	
12	005012				LƯU PHƯƠNG ANH	07/12/2011	6A5	
13	005013				LƯU VIỆT ANH	05/07/2011	6A1	
14	005014				NGÔ QUỲNH ANH	10/03/2011	6A4	
15	005015				NGUYỄN HOÀNG ANH	15/04/2011	6A1	
16	005016				NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	04/04/2011	6A3	
17	005017				NGUYỄN MINH ANH	04/06/2011	6A3	
18	005018				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	20/03/2011	6A4	
19	005019				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	05/09/2011	6A5	
20	005020				NGUYỄN TUẤN ANH	19/11/2011	6A4	
21	005021				NGUYỄN VIỆT ANH	24/12/2011	6A6	
22	005022				PHAN THỊ VÂN ANH	25/11/2011	6A5	
23	005023				PHẠM NGỌC ANH	03/05/2011	6A6	
24	005024				PHẠM NGỌC PHƯƠNG ANH	02/07/2011	6A6	
25	005025				TRẦN HẢI ANH	16/03/2011	6A4	
26	005026				TRỊNH BẢO ANH	23/12/2011	6A5	
27	005027				VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	14/02/2011	6A3	
28	005028				VŨ XUÂN ANH	21/12/2011	6A5	
29	005029				ĐINH NGỌC ÁNH	16/06/2011	6A5	
30	005030				LƯU THỊ HỒNG ÁNH	12/12/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005031				NGUYỄN NGỌC ÁNH	25/06/2011	6A6	
32	005032				ĐỖ ĐỨC QUỐC BẢO	16/11/2011	6A4	
33	005033				NGUYỄN DUY BẢO	16/11/2011	6A1	
34	005034				TRỊNH GIA BẢO	18/12/2011	6A2	
35	005035				VŨ NGUYỄN ĐỨC BẢO	06/02/2011	6A5	
36	005036				LÂM NGỌC BÍCH	08/12/2011	6A2	
37	005037				ĐÀO MINH CHÂU	06/06/2011	6A1	
38	005038				LÊ NGUYỄN THÙY CHI	24/06/2011	6A3	
39	005039				NGUYỄN QUỲNH CHI	09/05/2011	6A4	
40	005040				VŨ THỊ QUẾ CHI	09/06/2011	6A6	
41	005041				NGUYỄN ĐỨC CƯƠNG	28/02/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005042				NGUYỄN HỮU PHÚ CƯỜNG	22/06/2011	6A6	
2	005043				PHẠM MINH DÂN	19/05/2011	6A2	
3	005044				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DI	22/11/2011	6A4	
4	005045				HÀ THỊ THÙY DUNG	14/12/2011	6A2	
5	005046				LÊ PHƯƠNG DUNG	14/05/2011	6A5	
6	005047				NGUYỄN ĐỨC DUY	03/02/2011	6A5	
7	005048				NGUYỄN KHÁNH DUY	14/01/2011	6A5	
8	005049				TRỊNH MINH DUY	19/10/2011	6A4	
9	005050				NGUYỄN BÁ DŨNG	16/05/2011	6A4	
10	005051				ĐINH THÙY DƯƠNG	10/03/2011	6A6	
11	005052				HÀ THÁI DƯƠNG	29/03/2011	6A3	
12	005053				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	20/01/2011	6A2	
13	005054				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	26/07/2011	6A5	
14	005055				NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/10/2011	6A4	
15	005056				TRẦN ÁNH DƯƠNG	08/08/2011	6A5	
16	005057				VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	29/12/2011	6A1	
17	005058				VŨ THÙY DƯƠNG	20/11/2011	6A1	
18	005059				KHÚC NHẢ ĐAN	12/02/2011	6A6	
19	005060				NGUYỄN THẾ THÀNH ĐẠT	16/10/2011	6A6	
20	005061				PHẠM ĐỖ PHÚ ĐẠT	05/07/2011	6A4	
21	005062				TRỊNH VĂN ĐẠT	24/07/2011	6A3	
22	005063				ĐẶNG TRẦN HẢI ĐĂNG	15/11/2011	6A3	
23	005064				VŨ HẢI ĐĂNG	23/09/2011	6A2	
24	005065				ĐẶNG MINH ĐỨC	03/12/2011	6A3	
25	005066				LƯU ĐỨC GIANG	29/01/2011	6A1	
26	005067				NGUYỄN TRẦN BÍCH GIANG	02/09/2011	6A4	
27	005068				NGUYỄN THANH HÀ	15/02/2011	6A5	
28	005069				VŨ THỊ HẢI HÀ	03/07/2011	6A3	
29	005070				NGUYỄN HOÀNG HẢI	30/01/2011	6A6	
30	005071				HOÀNG THỊ THU HẰNG	12/10/2011	6A2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005072				NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	04/12/2011	6A1	
32	005073				PHẠM THỊ THU HẰNG	13/03/2011	6A5	
33	005074				LƯU THU HIỀN	13/06/2011	6A3	
34	005075				ĐÀO TRỌNG HIẾU	17/11/2011	6A2	
35	005076				ĐOÀN MINH HIẾU	25/10/2011	6A4	
36	005077				LƯƠNG KIM HIẾU	27/05/2011	6A4	
37	005078				NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2011	6A4	
38	005079				PHẠM HOÀNG HIỆP	16/03/2011	6A6	
39	005080				PHẠM THỊ THANH HOA	20/04/2011	6A4	
40	005081				PHẠM DUY HOÀN	30/10/2011	6A3	
41	005082				NGUYỄN TUẤN HOÀNG	14/03/2011	6A6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005083				NGUYỄN THÁI HÒA	06/06/2011	6A4	
2	005084				NGUYỄN XUÂN HÒA	08/08/2011	6A5	
3	005085				BÙI QUANG HUY	17/02/2011	6A4	
4	005086				MAI VŨ HUY	05/04/2011	6A1	
5	005087				NGUYỄN VIỆT QUANG HUY	26/07/2011	6A6	
6	005088				VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	16/01/2011	6A1	
7	005089				ĐOÀN PHÚC HƯNG	24/09/2011	6A3	
8	005090				ĐẶNG MAI HƯƠNG	14/06/2011	6A5	
9	005091				NGUYỄN TRẦN THU HƯƠNG	19/09/2011	6A6	
10	005092				VŨ ĐỨC HƯỞNG	09/05/2011	6A4	
11	005093				LƯƠNG TRÍ KHANG	19/07/2011	6A1	
12	005094				LŨU TUẤN KHANG	17/12/2011	6A4	
13	005095				NGUYỄN DUY KHANG	22/06/2011	6A3	
14	005096				PHẠM TUẤN KHANG	10/04/2011	6A5	
15	005097				LŨU PHÚC KHÁNH	11/02/2011	6A6	
16	005098				NGUYỄN DUY KHÁNH	25/12/2011	6A6	
17	005099				PHẠM DUY KHÁNH	03/10/2011	6A2	
18	005100				PHẠM VIỆT KHÁNH	25/03/2011	6A5	
19	005101				TRẦN QUỐC KHÁNH	22/12/2011	6A1	
20	005102				ĐOÀN ĐỨC KHIÊM	05/08/2011	6A6	
21	005103				ĐẶNG TRÍ KIÊN	14/08/2011	6A6	
22	005104				NGUYỄN TRUNG KIÊN	08/06/2011	6A4	
23	005105				PHAN TRUNG KIÊN	16/11/2011	6A5	
24	005106				PHẠM THỊ THÚY KIỀU	05/08/2011	6A3	
25	005107				TRẦN CHÍ KIỆT	21/10/2011	6A3	
26	005108				VŨ THANH LAM	27/01/2011	6A6	
27	005109				LÊ TÀI TÙNG LÂM	05/10/2011	6A2	
28	005110				TRẦN ĐÌNH LÂM	11/02/2011	6A6	
29	005111				BÙI PHƯƠNG LINH	09/02/2011	6A4	
30	005112				ĐOÀN TRẦN GIA LINH	19/07/2011	6A2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005113				LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	08/05/2011	6A6	
32	005114				LƯU THUY LINH	01/07/2011	6A1	
33	005115				NGUYỄN BẢO LINH	06/08/2011	6A2	
34	005116				NGUYỄN HƯƠNG LINH	28/09/2011	6A5	
35	005117				NGUYỄN THẢO LINH	23/04/2011	6A6	
36	005118				VŨ KHÁNH LINH	11/02/2011	6A4	
37	005119				ĐINH HOÀNG ĐỨC LONG	12/07/2011	6A4	
38	005120				NGUYỄN THÀNH LONG	09/10/2011	6A3	
39	005121				NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	22/02/2011	6A6	
40	005122				PHẠM PHƯƠNG MAI	08/05/2011	6A6	
41	005123				NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH MI	07/04/2011	6A6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005124				CHU TIẾN MINH	28/03/2011	6A5	
2	005125				ĐOÀN TUẤN MINH	15/03/2011	6A3	
3	005126				ĐỖ NGỌC MINH	19/08/2011	6A4	
4	005127				ĐỖ NGUYỄN TUẤN MINH	10/08/2011	6A5	
5	005128				NGUYỄN BÌNH MINH	30/07/2011	6A1	
6	005129				NGUYỄN LƯƠNG MINH	26/12/2011	6A6	
7	005130				NGUYỄN NHẬT MINH	14/07/2011	6A6	
8	005131				TRỊNH VĂN MINH	02/08/2011	6A3	
9	005132				TRƯƠNG LƯƠNG GIA MINH	03/09/2011	6A5	
10	005133				TRƯƠNG NGỌC MINH	03/07/2011	6A5	
11	005134				VŨ TUẤN MINH	03/09/2011	6A4	
12	005135				LÊ THỊ TRÀ MY	09/09/2011	6A2	
13	005136				ĐOÀN HẢI NAM	25/07/2011	6A2	
14	005137				LÊ DOÃN NAM	23/07/2011	6A6	
15	005138				TỔNG KHÁNH NAM	13/05/2011	6A5	
16	005139				VŨ BẢO NAM	01/02/2011	6A6	
17	005140				NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	02/11/2011	6A1	
18	005141				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	22/08/2011	6A5	
19	005142				NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ	09/04/2011	6A3	
20	005143				HOÀNG THỊ KIM NGÂN	05/12/2011	6A3	
21	005144				NGUYỄN BẢO NGÂN	16/11/2011	6A4	
22	005145				NGUYỄN THU NGÂN	03/06/2011	6A3	
23	005146				PHẠM YẾN NGÂN	31/07/2011	6A6	
24	005147				PHẠM TRỌNG NGHĨA	24/05/2011	6A1	
25	005148				TRẦN TRỌNG NGHĨA	26/02/2011	6A6	
26	005149				BÙI BẢO NGỌC	28/12/2011	6A3	
27	005150				ĐÀO THỊ BẢO NGỌC	09/08/2011	6A5	
28	005151				ĐẶNG MINH NGỌC	15/09/2011	6A2	
29	005152				LÊ NGUYỄN BẢO NGỌC	15/07/2011	6A1	
30	005153				LƯU BÙI MINH NGỌC	05/06/2011	6A4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005154				NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	07/09/2011	6A2	
32	005155				VŨ VĂN NGUYỄN	07/11/2011	6A1	
33	005156				NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	14/12/2011	6A1	
34	005157				ĐỖ LÊ YẾN NHI	10/10/2011	6A5	
35	005158				LƯU THỊ THÙY NHI	23/11/2011	6A3	
36	005159				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/04/2011	6A1	
37	005160				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	24/06/2011	6A2	
38	005161				NGUYỄN YẾN NHI	26/06/2011	6A5	
39	005162				ĐINH THỊ KHÁNH NHUNG	25/06/2011	6A1	
40	005163				NGUYỄN TRANG NHUNG	10/10/2011	6A5	
41	005164				LƯU ĐỨC PHÁT	26/09/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005165				TRẦN NAM PHONG	19/02/2011	6A6	
2	005166				TRỊNH VĂN PHÚ	05/06/2011	6A2	
3	005167				LÊ QUANG PHÚC	24/04/2011	6A1	
4	005168				NGUYỄN HỮU PHÚC	15/08/2011	6A3	
5	005169				BÙI MAI PHƯƠNG	14/08/2011	6A6	
6	005170				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	19/10/2011	6A1	
7	005171				PHẠM MAI PHƯƠNG	08/10/2011	6A1	
8	005172				KIM LÊ MINH QUANG	15/12/2011	6A2	
9	005173				NGUYỄN ĐÌNH QUANG	29/05/2011	6A4	
10	005174				NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG	09/11/2011	6A2	
11	005175				HOÀNG CÔNG QUÂN	06/01/2011	6A4	
12	005176				NGUYỄN MINH QUÂN	22/08/2011	6A5	
13	005177				NGUYỄN NGỌC MINH QUÂN	04/03/2011	6A4	
14	005178				ĐÀO NHƯ QUỲNH	03/09/2011	6A6	
15	005179				ĐINH THÚY QUỲNH	03/10/2011	6A2	
16	005180				ĐOÀN DIỄM QUỲNH	21/04/2011	6A3	
17	005181				NGUYỄN THU QUỲNH	24/08/2011	6A4	
18	005182				PHAN NHƯ QUỲNH	23/08/2011	6A4	
19	005183				PHẠM ĐỨC SANG	28/12/2011	6A6	
20	005184				LƯU VĂN PHÚ SAO	24/09/2011	6A2	
21	005185				LÊ MINH SƠN	11/10/2011	6A3	
22	005186				NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	06/08/2011	6A5	
23	005187				JEFFREY SUNG	06/12/2011	6A4	
24	005188				NGUYỄN MINH QUÂN SỰ	17/08/2011	6A1	
25	005189				VŨ PHẠM MINH TÂM	08/07/2011	6A2	
26	005190				BÙI VY THANH	15/01/2011	6A5	
27	005191				NGUYỄN ĐÌNH THANH	24/02/2011	6A2	
28	005192				VŨ TIẾN THANH	16/09/2011	6A3	
29	005193				NGUYỄN TRUNG THÀNH	28/06/2011	6A5	
30	005194				PHAN THANH THẢO	28/12/2011	6A6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005195				TRẦN ĐỨC THẮNG	15/05/2011	6A2	
32	005196				TRƯƠNG VIỆT THẮNG	23/03/2011	6A5	
33	005197				VƯƠNG QUANG THẮNG	23/09/2011	6A5	
34	005198				NGUYỄN ÁNH THU	30/05/2011	6A2	
35	005199				TRẦN QUANG THUẦN	10/06/2011	6A4	
36	005200				NGUYỄN THANH THƯ	19/12/2011	6A1	
37	005201				NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	18/02/2011	6A3	
38	005202				TÔ XUÂN THƯƠNG	13/01/2011	6A3	
39	005203				TRỊNH THỊ HOÀI THƯƠNG	24/07/2011	6A6	
40	005204				TRẦN ANH THỨ	06/06/2011	6A1	
41	005205				ĐOÀN ĐỨC TOÀN	09/05/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005206				NGUYỄN KHÁNH TOÀN	13/03/2011	6A6	
2	005207				LÊ NGUYỄN HÀ TRANG	08/07/2011	6A6	
3	005208				LƯU HUYỀN TRANG	09/09/2011	6A1	
4	005209				PHẠM THẢO TRANG	20/08/2011	6A2	
5	005210				PHẠM THU TRANG	18/09/2011	6A3	
6	005211				TRẦN QUỲNH TRANG	25/03/2011	6A6	
7	005212				VŨ THỊ THÙY TRANG	29/07/2011	6A1	
8	005213				ĐẶNG GIA TRIỆU	01/05/2011	6A1	
9	005214				NGUYỄN MAI TRỌNG	06/06/2011	6A2	
10	005215				PHẠM NGUYỄN THÀNH TRUNG	25/10/2011	6A6	
11	005216				TRƯƠNG VĂN TRUNG	14/11/2011	6A4	
12	005217				ĐINH HOÀNG KIM TRÚC	24/09/2011	6A3	
13	005218				VŨ TRẦN XUÂN TRƯỜNG	31/10/2011	6A6	
14	005219				LƯU THỊ NGỌC TUYẾN	06/09/2011	6A2	
15	005220				NGUYỄN XUÂN TÙNG	24/10/2011	6A6	
16	005221				VŨ THÀNH TÙNG	18/08/2011	6A5	
17	005222				LÊ TUẤN TÚ	15/11/2011	6A1	
18	005223				LƯU THỊ HỒNG TÚ	08/03/2011	6A5	
19	005224				ĐỖ NGỌC UYÊN	22/08/2011	6A5	
20	005225				LÊ NHÃ UYÊN	28/09/2011	6A6	
21	005226				NGUYỄN THẢO VÂN	28/07/2011	6A3	
22	005227				NGUYỄN ĐỨC VIỆT	10/12/2011	6A5	
23	005228				NGUYỄN MẠNH VIỆT	02/01/2011	6A1	
24	005229				PHẠM ĐỨC VINH	30/03/2011	6A5	
25	005230				VŨ ĐỨC VĨ	07/11/2011	6A2	
26	005231				ĐOÀN HUY VŨ	10/05/2011	6A5	
27	005232				NGUYỄN NGỌC DUY VŨ	05/10/2011	6A4	
28	005233				LÊ NGỌC KHÁNH VY	18/09/2011	6A1	
29	005234				NGUYỄN THỊ HÀ VY	09/06/2011	6A5	
30	005235				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	26/10/2011	6A2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005236				NGUYỄN TƯỜNG VY	13/07/2011	6A5	
32	005237				PHẠM KHÁNH VY	19/11/2011	6A6	
33	005238				TRẦN HOÀNG THẢO VY	06/03/2011	6A4	
34	005239				TRỊNH HÀ VY	11/01/2011	6A2	
35	005240				VŨ THỊ TƯỜNG VY	21/11/2011	6A6	
36	005241				PHẠM TRỊNH THANH XUÂN	08/02/2011	6A2	
37	005242				LƯU HẢI YẾN	06/05/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004001				DƯƠNG BẢO AN	13/09/2011	6A1	
2	004002				DƯƠNG HOÀNG AN	22/11/2011	6A3	
3	004003				ĐẶNG PHÚC AN	16/01/2011	6A2	
4	004004				NGUYỄN AN AN	23/08/2011	6A5	
5	004005				TRẦN VĂN AN	10/10/2011	6A2	
6	004006				VŨ THỊ THUẬN AN	08/10/2011	6A3	
7	004007				BÙI DUY ANH	02/11/2011	6A5	
8	004008				DƯƠNG VIỆT ANH	01/10/2011	6A1	
9	004009				ĐOÀN QUANG ANH	22/10/2011	6A6	
10	004010				ĐỖ TRẦN HÀ ANH	20/10/2011	6A1	
11	004011				HOÀNG TRUNG ANH	22/11/2011	6A6	
12	004012				LÊ ĐỨC ANH	03/09/2011	6A1	
13	004013				LÊ PHƯƠNG ANH	17/11/2011	6A2	
14	004014				NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	12/03/2011	6A3	
15	004015				NGUYỄN PHÚ ANH	13/11/2011	6A1	
16	004016				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	14/11/2011	6A5	
17	004017				NGUYỄN TUẤN ANH	11/08/2011	6A4	
18	004018				PHẠM HÀ ANH	22/04/2011	6A3	
19	004019				TRẦN QUANG ANH	01/10/2011	6A4	
20	004020				VŨ MINH ANH	05/01/2011	6A3	
21	004021				ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	12/09/2011	6A2	
22	004022				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/04/2011	6A3	
23	004023				ĐỒNG ĐỨC BẢO	23/10/2011	6A4	
24	004024				ĐỖ DƯƠNG GIA BẢO	10/06/2011	6A5	
25	004025				ĐỖ GIA BẢO	05/03/2011	6A3	
26	004026				NGUYỄN THỊ ĐẠO CHÂN	19/03/2011	6A3	
27	004027				NGUYỄN THÙY CHI	18/03/2011	6A4	
28	004028				NGUYỄN HỮU CHÍ CÔNG	07/12/2011	6A3	
29	004029				CHU ĐỨC CƯỜNG	13/04/2011	6A4	
30	004030				ĐINH NGỌC DIỆP	23/10/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004031				NGUYỄN ĐOÀN NGỌC DIỆP	16/12/2011	6A4	
32	004032				HOÀNG ĐỨC DUY	02/10/2011	6A6	
33	004033				NGUYỄN MINH DUY	26/11/2010	6A2	
34	004034				TRẦN ĐỨC DUY	03/12/2011	6A2	
35	004035				TRƯƠNG KHANG DUY	02/07/2011	6A2	
36	004036				ĐỖ TIẾN DŨNG	19/04/2011	6A4	
37	004037				NGUYỄN TIẾN DŨNG	15/02/2011	6A3	
38	004038				NGUYỄN TRUNG DŨNG	31/10/2011	6A2	
39	004039				TRƯƠNG TẮT DŨNG	10/10/2011	6A4	
40	004040				ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG	02/07/2011	6A6	
41	004041				NGUYỄN BÙI BÌNH DƯƠNG	17/07/2011	6A2	
42	004042				PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	24/12/2011	6A3	
43	004043				PHẠM THÙY DƯƠNG	13/08/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004044				TRẦN ÁNH DƯƠNG	23/08/2011	6A1	
2	004045				LÊ THỊ LINH ĐAN	03/04/2011	6A2	
3	004046				VŨ TRẦN QUỐC ĐẠT	29/03/2011	6A2	
4	004047				MAI HẢI ĐĂNG	24/05/2011	6A2	
5	004048				VŨ HẢI ĐĂNG	07/05/2011	6A4	
6	004049				BÙI MINH ĐỨC	05/01/2011	6A2	
7	004050				HÀ ANH ĐỨC	30/11/2011	6A2	
8	004051				BÙI HÀ GIANG	27/03/2011	6A1	
9	004052				BÙI THỊ TRẢ GIANG	01/12/2011	6A2	
10	004053				NGUYỄN NGỌC HÀ GIANG	10/09/2011	6A2	
11	004054				NGUYỄN ĐÌNH GIÁP	03/06/2011	6A1	
12	004055				HOÀNG HẢI HÀ	09/12/2011	6A5	
13	004056				NGUYỄN THU HÀ	28/05/2011	6A4	
14	004057				TRẦN QUANG HÀO	07/12/2011	6A1	
15	004058				LÊ GIA HÂN	23/11/2011	6A2	
16	004059				NGUYỄN NGỌC HÂN	09/06/2011	6A1	
17	004060				LƯƠNG SỸ HIẾU	11/09/2011	6A1	
18	004061				NGUYỄN MINH HIẾU	05/05/2011	6A6	
19	004062				NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/10/2011	6A3	
20	004063				DƯƠNG THỊ HOA	29/09/2011	6A6	
21	004064				MAI VŨ HOÀN	01/07/2011	6A3	
22	004065				ĐINH VĂN HOÀNG	26/05/2011	6A4	
23	004066				NGUYỄN VIỆT HOÀNG	16/07/2011	6A6	
24	004067				NGUYỄN ĐỨC HỌC	12/08/2011	6A4	
25	004068				BÙI NGUYỄN HUY	27/03/2011	6A4	
26	004069				BÙI QUANG HUY	23/02/2011	6A3	
27	004070				BÙI QUANG HUY	15/12/2011	6A5	
28	004071				DƯƠNG QUANG HUY	08/04/2011	6A4	
29	004072				ĐINH VĂN HUY	16/07/2011	6A6	
30	004073				GIANG XUÂN HUY	10/01/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004074				HOÀNG THỌ THANH HUY	02/10/2011	6A3	
32	004075				NGUYỄN ĐOÀN QUANG HUY	10/04/2011	6A1	
33	004076				NGUYỄN GIA HUY	11/12/2011	6A1	
34	004077				TRƯƠNG TRIỆU HUY	12/07/2011	6A4	
35	004078				VŨ QUANG HUY	09/01/2011	6A6	
36	004079				LÊ KHÁNH HUYỀN	18/05/2011	6A4	
37	004080				LẠI SINH HÙNG	04/08/2011	6A3	
38	004081				LÊ NGUYỄN THẾ HÙNG	08/10/2011	6A2	
39	004082				NGUYỄN DUY HÙNG	02/08/2011	6A4	
40	004083				NGUYỄN TIẾN HÙNG	26/06/2011	6A3	
41	004084				TRẦN ĐỨC HÙNG	04/06/2011	6A1	
42	004085				TRẦN SỸ HÙNG	12/01/2011	6A4	
43	004086				ĐẶNG GIA HÙNG	30/06/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004087				NGUYỄN VIỆT HÙNG	21/06/2011	6A2	
2	004088				VŨ QUANG HÙNG	17/05/2011	6A1	
3	004089				ĐINH QUỲNH HƯƠNG	22/11/2011	6A3	
4	004090				LÂM THIÊN HƯƠNG	24/09/2011	6A4	
5	004091				TRẦN THỊ HƯƠNG	08/09/2011	6A2	
6	004092				DƯƠNG MẠNH KHANG	26/11/2011	6A5	
7	004093				BÙI QUỐC KHÁNH	02/09/2011	6A6	
8	004094				CHU NGÂN KHÁNH	03/09/2011	6A5	
9	004095				ĐINH NGỌC KHÁNH	13/02/2011	6A5	
10	004096				HÀ ĐỨC KHÁNH	19/07/2011	6A3	
11	004097				HOÀNG VĂN KHÁNH	23/08/2011	6A2	
12	004098				NGUYỄN NGÂN KHÁNH	20/06/2011	6A3	
13	004099				PHẠM QUỐC KHÁNH	02/09/2011	6A6	
14	004100				TẠ NGÂN KHÁNH	18/10/2011	6A1	
15	004101				PHẠM GIA KHIÊM	22/09/2011	6A2	
16	004102				NGUYỄN MINH KHOA	08/08/2011	6A3	
17	004103				VŨ MINH KHOA	04/11/2011	6A3	
18	004104				ĐỒNG ĐỨC KHÔI	06/09/2011	6A5	
19	004105				NGÔ MINH KHUÊ	24/11/2011	6A4	
20	004106				ĐỒNG ĐỨC KIÊN	18/02/2011	6A3	
21	004107				NGUYỄN ĐỨC KIÊN	20/07/2011	6A3	
22	004108				NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/04/2011	6A2	
23	004109				HOÀNG GIA KIẾT	17/04/2011	6A5	
24	004110				BÙI VĂN LÂM	21/01/2011	6A5	
25	004111				HOÀNG TÙNG LÂM	29/12/2011	6A6	
26	004112				LÊ DUY LÂM	24/04/2011	6A3	
27	004113				NGUYỄN BẢO LÂM	22/08/2011	6A6	
28	004114				NGUYỄN NGỌC LÂM	14/01/2011	6A1	
29	004115				NGUYỄN THỊ TUYẾT LÂM	13/08/2011	6A3	
30	004116				PHẠM TRÍ LÂM	27/09/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004117				ĐƯƠNG KHÁNH LINH	31/05/2011	6A1	
32	004118				HOÀNG THÙY LINH	16/12/2011	6A2	
33	004119				LÊ PHƯƠNG LINH	19/03/2011	6A4	
34	004120				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	29/10/2011	6A6	
35	004121				PHẠM THỊ LINH	06/03/2011	6A1	
36	004122				VŨ DIỆU LINH	17/05/2011	6A5	
37	004123				VŨ NGỌC LINH	20/08/2011	6A4	
38	004124				TRỊNH XUÂN LŨU	21/02/2011	6A4	
39	004125				NGUYỄN KHÁNH LY	14/03/2011	6A2	
40	004126				VŨ KHÁNH LY	26/06/2011	6A3	
41	004127				BÙI THỊ HIỀN MAI	14/02/2011	6A3	
42	004128				LÊ QUỲNH MAI	31/10/2011	6A4	
43	004129				NGUYỄN HOÀNG THANH MAI	23/06/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004130				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	25/07/2011	6A2	
2	004131				DƯƠNG HẢI MINH	11/09/2011	6A1	
3	004132				NGUYỄN ĐẮC NGỌC MINH	17/08/2011	6A6	
4	004133				NGUYỄN GIA MINH	20/07/2011	6A5	
5	004134				NGUYỄN QUANG MINH	24/09/2011	6A6	
6	004135				PHÙNG NHẬT MINH	12/07/2011	6A3	
7	004136				VŨ HIỂU MINH	25/06/2011	6A1	
8	004137				BÙI DIỆU MY	12/07/2011	6A1	
9	004138				CAO NGỌC HÀ MY	09/09/2011	6A2	
10	004139				LÊ THỊ MY	28/11/2011	6A4	
11	004140				NGUYỄN THỊ HÀ MY	19/12/2011	6A1	
12	004141				VŨ THỊ TRÀ MY	12/08/2011	6A4	
13	004142				ĐINH HẢI NAM	10/12/2011	6A3	
14	004143				LÊ HẢI NAM	22/08/2011	6A4	
15	004144				LÊ HOÀNG NAM	01/09/2011	6A4	
16	004145				NGUYỄN BẢO NAM	03/07/2011	6A5	
17	004146				VŨ BẢO NAM	02/11/2011	6A5	
18	004147				NGUYỄN KIM NGÂN	14/09/2011	6A5	
19	004148				TRẦN KHÁNH NGÂN	06/10/2011	6A3	
20	004149				HÀ HIỂU NGHĨA	28/06/2011	6A5	
21	004150				NGUYỄN TIẾN NGHĨA	28/04/2011	6A1	
22	004151				NGUYỄN HÀ BẢO NGỌC	08/12/2011	6A1	
23	004152				NGUYỄN THỊ YẾN NGỌC	01/09/2011	6A1	
24	004153				TRẦN MINH NGỌC	19/06/2011	6A4	
25	004154				BÙI BÌNH NGUYỄN	25/12/2011	6A1	
26	004155				LÊ ÁI NGUYỄN	28/01/2011	6A3	
27	004156				DƯƠNG QUANG NHẬT	24/09/2011	6A1	
28	004157				ĐỒNG YẾN NHI	01/01/2011	6A4	
29	004158				VŨ MINH UYỂN NHI	05/02/2011	6A5	
30	004159				NGUYỄN QUỲNH NHƯ	04/10/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004160				PHẠM QUỲNH NHƯ	12/11/2011	6A4	
32	004161				NGUYỄN ĐỨC PHÁT	21/07/2011	6A4	
33	004162				ĐỖ NGUYỄN HẢI PHONG	16/01/2011	6A3	
34	004163				NGUYỄN BÙI NAM PHONG	16/11/2011	6A3	
35	004164				TỪ CHẤN PHONG	14/06/2011	6A6	
36	004165				VŨ DUY PHONG	19/06/2011	6A2	
37	004166				BÙI AN PHÚ	27/12/2011	6A5	
38	004167				ĐỒNG XUÂN PHÚ	24/10/2011	6A6	
39	004168				TRẦN VĂN PHÚ	22/08/2011	6A6	
40	004169				NGUYỄN QUANG PHÚC	27/12/2011	6A2	
41	004170				NGUYỄN TIẾN PHÚC	07/12/2011	6A3	
42	004171				DOÃN YẾN PHƯƠNG	09/04/2011	6A2	
43	004172				ĐÀO THỊ HÀ PHƯƠNG	11/05/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004173				LÊ NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	31/07/2011	6A2	
2	004174				LÊ VŨ PHƯƠNG	09/06/2011	6A6	
3	004175				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	28/10/2011	6A5	
4	004176				NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	30/08/2011	6A3	
5	004177				ĐỒNG ANH QUÂN	06/09/2011	6A5	
6	004178				HÀ DUY QUÂN	22/02/2011	6A5	
7	004179				LŨU MINH QUÂN	04/10/2011	6A2	
8	004180				TRẦN MINH QUỐC	31/10/2011	6A1	
9	004181				ĐỖ NHƯ QUỲNH	16/06/2011	6A2	
10	004182				ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	04/09/2011	6A6	
11	004183				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	06/06/2011	6A6	
12	004184				LÊ TẤN SANG	26/07/2011	6A6	
13	004185				NGUYỄN HẢI SƠN	14/12/2011	6A5	
14	004186				NGUYỄN QUANG SƠN	03/02/2011	6A4	
15	004187				NGUYỄN ĐỨC TÀI	21/07/2011	6A6	
16	004188				NGUYỄN TUẤN TÀI	14/11/2011	6A1	
17	004189				NGUYỄN THANH TÂM	08/10/2011	6A2	
18	004190				TRƯƠNG NGỌC THANH	15/03/2011	6A3	
19	004191				ĐÀO PHƯƠNG THẢO	28/07/2011	6A5	
20	004192				ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	08/06/2011	6A5	
21	004193				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/02/2011	6A2	
22	004194				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	19/03/2011	6A3	
23	004195				NGUYỄN THỊ THẢO	24/05/2011	6A6	
24	004196				PHẠM PHƯƠNG THẢO	14/11/2011	6A6	
25	004197				LÊ HỒNG THÁI	25/11/2011	6A1	
26	004198				TRẦN HỮU THÁI	24/07/2011	6A5	
27	004199				PHẠM QUANG THẮNG	01/11/2011	6A4	
28	004200				HOÀNG ĐĂNG THẮNG	22/11/2011	6A1	
29	004201				NGUYỄN HOÀNG THỊNH	16/07/2011	6A2	
30	004202				NGUYỄN DIỆU THU	19/10/2011	6A1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004203				NGUYỄN THỊ MINH THU	11/10/2011	6A3	
32	004204				LÊ PHƯƠNG THÙY	30/03/2011	6A1	
33	004205				LÊ THỊ THANH THÙY	13/12/2011	6A5	
34	004206				LÊ THU THỦY	15/10/2011	6A5	
35	004207				TRẦN THỊ THANH THỦY	21/03/2011	6A5	
36	004208				BÙI ANH THƯ	10/08/2011	6A1	
37	004209				BÙI THỊ MINH THƯ	10/12/2011	6A2	
38	004210				LÊ NGỌC THƯƠNG	30/04/2010	6A5	
39	004211				PHẠM HOÀI THƯƠNG	03/04/2011	6A5	
40	004212				ĐINH NGUYỄN KHÁNH THY	02/09/2011	6A5	
41	004213				PHẠM ANH TIẾN	05/02/2011	6A4	
42	004214				NGUYỄN ĐỨC TOÀN	24/05/2011	6A6	
43	004215				BÙI THỊ MINH TRANG	14/02/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004216				ĐẶNG MAI TRANG	27/06/2011	6A6	
2	004217				ĐỒNG THỊ HUYỀN TRANG	03/11/2011	6A5	
3	004218				LÊ HUYỀN TRANG	26/07/2011	6A6	
4	004219				NGUYỄN MAI TRANG	24/12/2011	6A5	
5	004220				NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	17/11/2011	6A2	
6	004221				NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	13/09/2011	6A6	
7	004222				NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	09/12/2011	6A6	
8	004223				PHẠM HÀ TRANG	28/01/2011	6A6	
9	004224				TRẦN LINH TRANG	17/10/2011	6A3	
10	004225				TRƯƠNG NGUYỄN HÀ TRANG	26/02/2011	6A6	
11	004226				NGUYỄN THÀNH TRUNG	20/02/2011	6A1	
12	004227				TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN TRUNG	31/08/2011	6A6	
13	004228				ĐINH VŨ THANH TRÚC	28/04/2011	6A3	
14	004229				NGUYỄN THỊ TRÚC	27/07/2011	6A2	
15	004230				PHẠM THỊ THANH TRÚC	05/05/2011	6A6	
16	004231				NGUYỄN ANH TUẤN	13/02/2011	6A3	
17	004232				NGUYỄN ĐỨC TUẤN	15/12/2011	6A6	
18	004233				NGUYỄN MINH TUẤN	07/12/2011	6A1	
19	004234				HÀ GIA TUỆ	15/10/2011	6A2	
20	004235				LÊ HỮU SƠN TÙNG	25/10/2011	6A1	
21	004236				NGUYỄN HỮU TÙNG	02/04/2011	6A3	
22	004237				NGUYỄN MINH TÙNG	17/10/2011	6A1	
23	004238				VŨ HOÀNG TÙNG	28/06/2011	6A5	
24	004239				NGUYỄN THÁI TÚ	23/11/2011	6A2	
25	004240				DƯƠNG QUANG VIỆT	13/08/2011	6A4	
26	004241				NGUYỄN PHÚ VĨ	08/07/2011	6A5	
27	004242				NGÔ QUANG VŨ	09/04/2011	6A2	
28	004243				NGUYỄN MẠNH VŨ	20/06/2011	6A6	
29	004244				BÙI THỊ HỒNG VY	06/01/2011	6A1	
30	004245				BÙI TUÔNG VY	17/12/2011	6A5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004246				ĐỒNG PHƯƠNG VY	26/04/2011	6A5	
32	004247				ĐỒNG THỊ PHƯƠNG VY	10/05/2011	6A2	
33	004248				HOÀNG YẾN VY	29/06/2011	6A6	
34	004249				LÊ THỊ THẢO VY	20/11/2011	6A6	
35	004250				NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	26/04/2011	6A6	
36	004251				TRẦN HÀ VY	07/03/2011	6A2	
37	004252				VŨ THIÊN VY	13/11/2011	6A6	
38	004253				PHẠM HẢI YẾN	28/12/2011	6A6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014001				ĐINH HỮU NAM AN	22/12/2010	6A5	
2	014002				NGUYỄN BẢO AN	30/10/2011	6A5	
3	014003				ĐẶNG HÀ ANH	30/07/2011	6A3	
4	014004				ĐỖ THỊ TRÂM ANH	02/05/2011	6A1	
5	014005				HÀ THỊ NGỌC ANH	04/01/2011	6A5	
6	014006				LÊ ĐẶNG DIỆU ANH	30/11/2011	6A5	
7	014007				LÊ HOÀNG ANH	08/11/2011	6A1	
8	014008				LÊ TÙNG ANH	21/10/2011	6A5	
9	014009				LƯU PHƯƠNG ANH	23/12/2011	6A5	
10	014010				MAI THẾ ANH	01/03/2011	6A1	
11	014011				NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	17/08/2011	6A6	
12	014012				NGUYỄN MINH ANH	28/09/2011	6A5	
13	014013				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	15/06/2011	6A2	
14	014014				NGUYỄN TRÚC ANH	07/11/2011	6A6	
15	014015				NGUYỄN TÙNG ANH	02/09/2011	6A1	
16	014016				NGUYỄN VIỆT ANH	07/08/2011	6A1	
17	014017				PHẠM THỊ MAI ANH	05/05/2011	6A3	
18	014018				PHẠM TUẤN ANH	02/03/2011	6A5	
19	014019				TRẦN HỒNG ANH	19/07/2011	6A6	
20	014020				TRẦN PHƯƠNG ANH	09/10/2011	6A5	
21	014021				TRẦN VŨ VIỆT ANH	18/10/2011	6A1	
22	014022				VŨ DIỆP ANH	21/08/2011	6A3	
23	014023				VŨ QUỲNH ANH	03/06/2011	6A5	
24	014024				TRẦN HỒNG ÁNH	19/07/2011	6A6	
25	014025				PHAN HOÀNG GIA BẢO	26/11/2011	6A5	
26	014026				PHẠM QUỐC BẢO	10/12/2011	6A3	
27	014027				CHU HÒA BÌNH	21/10/2011	6A6	
28	014028				PHẠM PHÚ BÌNH	08/11/2011	6A2	
29	014029				BÙI VŨ MINH CHÂU	25/03/2011	6A6	
30	014030				PHẠM BẢO CHÂU	13/12/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014031				NGUYỄN PHƯƠNG CHI	25/04/2011	6A6	
32	014032				VŨ NGUYỄN PHƯƠNG CHI	03/08/2011	6A6	
33	014033				LÊ ANH CHÍ	27/11/2011	6A1	
34	014034				ĐÀO THANH CHÚC	06/10/2011	6A4	
35	014035				LÂM THIÊN CƯỜNG	29/07/2011	6A2	
36	014036				ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆP	16/08/2011	6A4	
37	014037				LÊ HOÀNG NGỌC DIỆP	16/04/2011	6A5	
38	014038				LÊ THỊ BÁCH DIỆP	12/03/2011	6A6	
39	014039				NGUYỄN THÚY DIỆP	18/06/2011	6A5	
40	014040				TẠ MINH DIỆP	24/05/2011	6A5	
41	014041				VŨ NGỌC DIỆP	23/11/2011	6A4	
42	014042				ĐẶNG KHÁNH DUY	30/01/2011	6A6	
43	014043				ĐÀO MẠNH DŨNG	29/08/2011	6A5	
44	014044				NGUYỄN TIẾN DŨNG	06/08/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014045				ĐỖ THÙY DƯƠNG	26/04/2011	6A6	
2	014046				NGUYỄN DUY DƯƠNG	12/09/2011	6A3	
3	014047				NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG DƯƠNG	02/07/2011	6A2	
4	014048				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	13/06/2011	6A6	
5	014049				TRẦN NGUYỄN THÙY DƯƠNG	08/09/2011	6A1	
6	014050				VŨ TÙNG DƯƠNG	06/08/2011	6A2	
7	014051				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/02/2011	6A4	
8	014052				PHẠM THÀNH ĐẠT	18/01/2011	6A5	
9	014053				PHẠM HẢI ĐĂNG	10/01/2011	6A1	
10	014054				CHU PHƯỚC ĐÔNG	27/12/2011	6A4	
11	014055				NGUYỄN MẠNH ĐỨC	04/10/2011	6A4	
12	014056				NGUYỄN VIỆT ĐỨC	18/04/2011	6A3	
13	014057				LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	16/07/2011	6A3	
14	014058				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	26/10/2011	6A2	
15	014059				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	19/03/2011	6A4	
16	014060				VŨ NGỌC CHÂU GIANG	04/03/2011	6A5	
17	014061				PHẠM THỊ THU HÀ	08/05/2011	6A3	
18	014062				TRỊNH NGÂN HÀ	24/07/2011	6A5	
19	014063				NGÔ ANH HÀO	26/03/2011	6A3	
20	014064				ĐÀO MẠNH HẢI	18/04/2011	6A5	
21	014065				HÀ HOÀNG HẢI	16/12/2011	6A2	
22	014066				MAI TRUNG HẢI	18/05/2011	6A6	
23	014067				NGUYỄN NGỌC HẢI	14/04/2011	6A4	
24	014068				NGUYỄN VĂN HẠNH	22/04/2011	6A1	
25	014069				PHẠM THỊ MINH HẬU	08/03/2011	6A1	
26	014070				BÙI THỊ BÍCH HẰNG	06/10/2011	6A3	
27	014071				NGUYỄN MINH HẰNG	03/02/2011	6A5	
28	014072				PHÙNG THỊ THUÝ HẰNG	04/12/2011	6A4	
29	014073				ĐỖ THỊ MINH HIỀN	26/09/2011	6A6	
30	014074				HOÀNG ĐỨC HIẾU	27/01/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014075				NGHIÊM GIA HIẾU	08/06/2011	6A2	
32	014076				NGUYỄN MẠNH HIẾU	11/01/2011	6A1	
33	014077				NGUYỄN TRUNG HIẾU	08/10/2011	6A2	
34	014078				NGUYỄN THU HOÀI	09/08/2011	6A2	
35	014079				TRẦN ĐỨC VIỆT HOÀN	02/06/2011	6A6	
36	014080				NGUYỄN XUÂN HOÀNG	28/11/2011	6A3	
37	014081				PHẠM GIA HÒA	12/08/2011	6A4	
38	014082				BÁ ĐỨC HUY	03/10/2011	6A2	
39	014083				LÊ GIA HUY	21/09/2011	6A1	
40	014084				NGUYỄN GIA HUY	23/09/2011	6A5	
41	014085				PHẠM ĐỨC HUY	08/06/2011	6A6	
42	014086				HÀ KHÁNH HUYỀN	12/08/2011	6A2	
43	014087				HOÀNG THỊ HUYỀN	14/02/2011	6A6	
44	014088				ĐÀO ĐỨC HÙNG	13/07/2011	6A6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014089				ĐOÀN TUẤN HÙNG	05/10/2011	6A5	
2	014090				MAI VĂN HÙNG	22/12/2011	6A3	
3	014091				PHAN PHÚC HÙNG	01/08/2011	6A2	
4	014092				VŨ QUANG HÙNG	19/01/2011	6A5	
5	014093				HOÀNG MAI HƯƠNG	10/02/2011	6A3	
6	014094				NGUYỄN MAI HƯƠNG	26/12/2011	6A6	
7	014095				NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	15/05/2011	6A4	
8	014096				LÊ THU HƯƠNG	27/02/2011	6A4	
9	014097				LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	23/02/2011	6A2	
10	014098				ĐẶNG BẢO KHANG	30/05/2011	6A4	
11	014099				NGUYỄN MINH KHANG	08/03/2011	6A4	
12	014100				LÊ QUỐC KHÁNH	23/05/2011	6A5	
13	014101				MAI KIM KHÁNH	11/04/2011	6A4	
14	014102				MAI MINH KHÁNH	17/08/2011	6A1	
15	014103				NGUYỄN VĂN KHÁNH	04/04/2011	6A6	
16	014104				PHẠM THỊ MINH KHÁNH	17/07/2011	6A6	
17	014105				BÙI MINH KHÔI	21/08/2011	6A4	
18	014106				NGUYỄN PHAN ĐĂNG KHÔI	28/03/2011	6A4	
19	014107				QUẢN ĐỨC KIÊN	07/12/2011	6A1	
20	014108				BÙI HOÀNG TUẤN KIỆT	11/08/2011	6A2	
21	014109				LÊ QUỐC TUẤN KIỆT	13/10/2011	6A1	
22	014110				NGUYỄN TRẦN HIẾU KIỆT	23/11/2011	6A4	
23	014111				TRẦN HẢO KIỆT	08/09/2011	6A6	
24	014112				BÙI THỊ QUỲNH LÂM	15/12/2011	6A2	
25	014113				DƯƠNG HẢI LÂM	02/11/2011	6A5	
26	014114				NGUYỄN ĐĂNG LÂM	01/01/2011	6A3	
27	014115				BÙI NGỌC LINH	17/08/2011	6A4	
28	014116				ĐỖ THỊ MAI LINH	07/08/2010	6A3	
29	014117				ĐỖ THỊ MAI LINH	29/12/2011	6A2	
30	014118				HÀ KHÁNH LINH	16/12/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014119				HOÀNG HẢI LINH	31/12/2011	6A5	
32	014120				LƯƠNG NGỌC BẢO LINH	20/01/2011	6A6	
33	014121				NGÔ HÀ LINH	06/01/2011	6A3	
34	014122				NGUYỄN ÁI LINH	19/09/2011	6A5	
35	014123				NGUYỄN HẢI LINH	21/06/2011	6A6	
36	014124				NGUYỄN PHƯƠNG LINH	02/12/2011	6A3	
37	014125				PHAN KHÁNH LINH	13/04/2011	6A1	
38	014126				PHẠM NGỌC KHÁNH LINH	29/07/2011	6A1	
39	014127				VŨ UYÊN LINH	12/04/2011	6A6	
40	014128				BÙI NHÂN THÀNH LONG	01/09/2011	6A5	
41	014129				NGUYỄN BẢO LONG	10/09/2011	6A3	
42	014130				NGUYỄN VŨ HẢI LONG	12/03/2011	6A2	
43	014131				NGUYỄN XUÂN LỘC	05/03/2011	6A4	
44	014132				BÙI KHÁNH LY	30/05/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014133				PHẠM KHÁNH LY	29/09/2011	6A6	
2	014134				LÊ HƯƠNG MAI	24/01/2011	6A6	
3	014135				TRẦN NGỌC MAI	06/03/2011	6A5	
4	014136				VŨ PHƯƠNG MAI	04/05/2011	6A6	
5	014137				HOÀNG ĐÌNH MẠNH	26/07/2011	6A5	
6	014138				NGUYỄN THẾ MẠNH	03/08/2011	6A1	
7	014139				NGUYỄN TUỆ MẮN	28/07/2011	6A5	
8	014140				ĐINH QUANG MINH	10/10/2011	6A6	
9	014141				ĐỖ TUỆ MINH	03/06/2011	6A6	
10	014142				LÊ ÁNH BÌNH MINH	12/10/2011	6A2	
11	014143				NGUYỄN GIA MINH	05/10/2011	6A6	
12	014144				NGUYỄN HỮU MINH	01/03/2011	6A6	
13	014145				NGUYỄN THÀNH MINH	17/10/2011	6A4	
14	014146				NGUYỄN THU MINH	28/01/2011	6A4	
15	014147				NGUYỄN TUẤN MINH	26/09/2011	6A5	
16	014148				PHẠM LÊ NGỌC MINH	26/08/2011	6A2	
17	014149				TRẦN BÌNH MINH	22/12/2011	6A5	
18	014150				VŨ BẢO MINH	06/08/2011	6A3	
19	014151				HOÀNG THỊ TRÀ MY	11/11/2011	6A2	
20	014152				PHẠM BÙI HÀ MY	16/12/2011	6A1	
21	014153				NGUYỄN THÀNH NAM	03/08/2011	6A3	
22	014154				PHẠM HOÀI NAM	13/10/2011	6A4	
23	014155				TRỊNH ĐÌNH HẢI NAM	22/09/2011	6A2	
24	014156				BÙI THU NGÂN	15/08/2011	6A1	
25	014157				NGUYỄN BẢO NGÂN	09/09/2011	6A6	
26	014158				PHẠM HẢI NGÂN	28/07/2011	6A2	
27	014159				PHẠM KHÁNH NGÂN	17/04/2011	6A6	
28	014160				NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	09/10/2011	6A1	
29	014161				BÙI THỊ NHƯ NGỌC	23/11/2011	6A4	
30	014162				HÀ VĂN NGỌC	22/07/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014163				HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	19/06/2011	6A3	
32	014164				PHẠM KHÁNH NGỌC	29/10/2011	6A3	
33	014165				VŨ BẢO KHÁNH NGỌC	22/07/2011	6A6	
34	014166				VŨ MINH NGỌC	11/10/2011	6A3	
35	014167				ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	02/11/2011	6A1	
36	014168				NGUYỄN ĐỨC NHÂN	12/04/2011	6A4	
37	014169				BÙI ĐOÀN YẾN NHI	31/12/2011	6A6	
38	014170				BÙI NGỌC PHƯƠNG NHI	29/10/2011	6A2	
39	014171				LƯƠNG YẾN NHI	04/03/2011	6A5	
40	014172				NGUYỄN PHƯƠNG NHI	11/05/2011	6A6	
41	014173				NGUYỄN THÁI NGỌC NHI	28/03/2011	6A6	
42	014174				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	22/06/2011	6A2	
43	014175				NGUYỄN YẾN NHI	04/07/2011	6A6	
44	014176				NGUYỄN YẾN NHI	11/08/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014177				QUÁCH YẾN NHI	29/07/2011	6A4	
2	014178				TRẦN VŨ PHƯƠNG NHI	21/01/2011	6A5	
3	014179				ĐOÀN VŨ AN NHIÊN	07/01/2011	6A3	
4	014180				NGUYỄN THỊ NINH	15/09/2011	6A3	
5	014181				LÊ HỒNG PHONG	08/09/2011	6A1	
6	014182				LŨU ĐẠI PHONG	17/03/2011	6A4	
7	014183				NGUYỄN NAM PHONG	30/10/2011	6A5	
8	014184				PHẠM MINH PHONG	04/10/2011	6A1	
9	014185				NGUYỄN XUÂN PHÚ	09/11/2011	6A5	
10	014186				PHẠM VĂN PHÚ	20/11/2011	6A2	
11	014187				TÔ THIÊN PHÚ	20/07/2011	6A4	
12	014188				BÙI GIA PHÚC	14/07/2011	6A6	
13	014189				VŨ HẢI PHÚC	08/12/2011	6A5	
14	014190				PHẠM HÀ PHƯƠNG	23/10/2011	6A5	
15	014191				PHẠM VĂN PHƯƠNG	31/05/2010	6A4	
16	014192				TẠ THÙY PHƯƠNG	31/10/2011	6A3	
17	014193				VŨ NGỌC MINH PHƯƠNG	20/09/2011	6A6	
18	014194				VŨ TIẾN PHƯỚC	19/08/2011	6A4	
19	014195				ĐOÀN MINH PHƯỢNG	01/09/2011	6A1	
20	014196				ĐỖ NGỌC QUANG	11/03/2011	6A5	
21	014197				NGUYỄN HUY QUÂN	29/08/2011	6A1	
22	014198				PHẠM MINH QUÂN	28/02/2011	6A2	
23	014199				PHẠM MINH QUÂN	18/10/2011	6A5	
24	014200				LÃ VŨ NHƯ QUỲNH	09/01/2011	6A2	
25	014201				LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	03/01/2011	6A5	
26	014202				PHẠM NGỌC QUỲNH	30/04/2011	6A4	
27	014203				ĐOÀN ANH QUÝ	17/05/2011	6A1	
28	014204				ĐÀO HẢI THANH	30/08/2011	6A3	
29	014205				CÁP PHƯƠNG THẢO	08/01/2011	6A6	
30	014206				ĐỖ THANH THẢO	17/05/2011	6A5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014207				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	28/07/2011	6A6	
32	014208				PHẠM THANH THẢO	05/10/2011	6A1	
33	014209				TRẦN THANH THẢO	08/08/2011	6A3	
34	014210				ĐỖ TUẤN THÁI	04/09/2011	6A2	
35	014211				PHẠM ANH THẮNG	31/05/2011	6A4	
36	014212				BÙI ĐỨC THẮNG	21/01/2011	6A4	
37	014213				ĐÀO TRƯỞNG NGỌC THẮNG	09/02/2011	6A1	
38	014214				ĐỖ ĐỨC ANH THẮNG	06/08/2011	6A5	
39	014215				LƯƠNG VĂN THẮNG	05/02/2011	6A3	
40	014216				NGUYỄN TOÀN THẮNG	09/08/2011	6A4	
41	014217				PHẠM QUANG THẮNG	01/12/2011	6A2	
42	014218				LÊ QUANG THỊNH	16/03/2011	6A6	
43	014219				BÙI THẾ THUẬN	01/02/2011	6A1	
44	014220				ĐÀO HÀ LINH THỦY	19/06/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014221				PHẠM VŨ MINH THƯ	14/11/2011	6A1	
2	014222				TRẦN MAI THƯƠNG	20/02/2011	6A2	
3	014223				HOÀNG ĐÌNH TIẾN	20/07/2011	6A5	
4	014224				HOÀNG KHÁNH TOÀN	20/07/2011	6A3	
5	014225				ĐỖ NGỌC TOẢN	19/10/2011	6A3	
6	014226				NGÔ YẾN TRANG	20/05/2011	6A2	
7	014227				NGUYỄN LÊ MINH TRANG	10/11/2011	6A6	
8	014228				NGUYỄN THU TRANG	01/09/2011	6A4	
9	014229				PHAN THỊ MINH TRANG	08/07/2011	6A5	
10	014230				TRẦN MINH TRANG	22/08/2011	6A2	
11	014231				TRẦN THỊ THUYỀN TRANG	12/02/2011	6A6	
12	014232				NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	07/10/2011	6A2	
13	014233				PHẠM MINH TRÍ	22/09/2011	6A5	
14	014234				HOÀNG NGUYỄN THANH TRÚC	01/06/2011	6A3	
15	014235				TẠ ANH TUẤN	06/08/2011	6A1	
16	014236				ĐỖ THANH TÙNG	19/04/2011	6A1	
17	014237				TRẦN HOÀNG TÙNG	09/10/2011	6A1	
18	014238				THÁI MINH TÚ	30/09/2011	6A3	
19	014239				LƯƠNG PHƯƠNG UYÊN	27/09/2011	6A2	
20	014240				NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	04/03/2011	6A6	
21	014241				LƯU KHÁNH VÂN	24/07/2011	6A3	
22	014242				PHẠM LƯƠNG KHÁNH VÂN	01/01/2011	6A3	
23	014243				NGUYỄN VIỆT VÂN	08/12/2011	6A1	
24	014244				BÙI VĂN VIỆT	23/01/2011	6A3	
25	014245				BÙI VĂN VIỆT	29/03/2011	6A3	
26	014246				ĐỖ QUỐC VIỆT	13/03/2011	6A4	
27	014247				NGUYỄN THÀNH VINH	10/10/2011	6A1	
28	014248				VŨ QUANG VINH	03/07/2011	6A4	
29	014249				NGUYỄN QUANG VŨ	31/08/2011	6A6	
30	014250				ĐÀO HÀ VY	02/06/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014251				LÊ PHƯƠNG VY	21/02/2011	6A3	
32	014252				LÊ THỊ HÀ VY	08/05/2011	6A1	
33	014253				NGUYỄN HÀ VY	23/11/2011	6A6	
34	014254				TRẦN LÊ PHƯƠNG VY	13/05/2011	6A6	
35	014255				VŨ HOA LỘC VY	15/08/2011	6A6	
36	014256				VŨ THẢO VY	20/06/2011	6A2	
37	014257				NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/11/2011	6A2	
38	014258				NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	13/04/2011	6A3	
39	014259				VŨ HÀ YẾN	09/12/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006001				LÊ HOÀI AN	03/11/2011	6B	
2	006002				VŨ HOÀNG AN	04/02/2011	6C	
3	006003				ĐÀO MINH ANH	12/11/2011	6C	
4	006004				LÊ CÔNG ĐỨC ANH	31/12/2011	6D	
5	006005				LÊ CÔNG TUẤN ANH	27/06/2011	6B	
6	006006				LÊ HÀ ANH	30/04/2011	6D	
7	006007				LÊ THỊ HIỀN ANH	24/01/2011	6D	
8	006008				LÊ THỊ LAN ANH	27/08/2011	6D	
9	006009				LÊ THỊ QUỲNH ANH	10/05/2011	6A	
10	006010				LÊ TIẾN ANH	11/10/2011	6C	
11	006011				LÊ VĂN ANH	23/09/2011	6D	
12	006012				NGUYỄN HOÀNG ANH	11/09/2011	6B	
13	006013				PHAN NGỌC ANH	18/11/2011	6D	
14	006014				TRẦN PHƯƠNG ANH	03/08/2011	6D	
15	006015				VŨ DUY ANH	27/01/2011	6B	
16	006016				VŨ MAI ANH	30/08/2011	6C	
17	006017				LÊ THỊ NGUYỆT ÁNH	04/09/2011	6C	
18	006018				LÊ TRÁC GIA BẢO	26/05/2011	6D	
19	006019				TRẦN GIA BẢO	29/10/2011	6A	
20	006020				TRẦN GIA BẢO	11/12/2011	6B	
21	006021				NGUYỄN THỊ BÌNH	26/04/2011	6D	
22	006022				ĐINH TRẦN MINH CHÂU	23/11/2011	6C	
23	006023				ĐẶNG NGỌC HÀ CHI	14/06/2011	6C	
24	006024				NGUYỄN HỮU CHIẾN	01/05/2011	6D	
25	006025				NGUYỄN VŨ ĐỨC CÔNG	28/10/2011	6B	
26	006026				ĐINH NAM CƯỜNG	26/02/2011	6B	
27	006027				TRẦN HỮU CƯỜNG	22/11/2011	6C	
28	006028				LÊ THỊ THANH DUNG	02/10/2011	6D	
29	006029				LÊ KHÁNH DUY	19/02/2011	6D	
30	006030				LÊ KHƯƠNG DUY	21/07/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006031				LÊ TRÁC DƯƠNG	31/10/2011	6D	
32	006032				NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	13/08/2011	6A	
33	006033				VŨ THÙY DƯƠNG	12/11/2011	6D	
34	006034				VŨ THÙY DƯƠNG	23/11/2011	6D	
35	006035				VŨ DUY ĐẠT	29/12/2011	6A	
36	006036				VŨ HẢI ĐĂNG	27/03/2011	6C	
37	006037				ĐINH VĂN ĐOÀN	15/08/2011	6D	
38	006038				LÊ VĂN ĐỊNH	28/06/2011	6D	
39	006039				NGUYỄN CẢNH ĐỨC	24/02/2011	6D	
40	006040				PHẠM HƯƠNG GIANG	28/11/2011	6D	
41	006041				VŨ THỊ PHƯƠNG HÀ	12/08/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006042				ĐINH NGỌC HÂN	05/10/2011	6A	
2	006043				HOÀNG HẢI HẬU	16/09/2011	6A	
3	006044				LÊ QUỐC HẬU	07/02/2011	6B	
4	006045				PHẠM THỊ MINH HẬU	31/07/2011	6A	
5	006046				LÊ THỊ MINH HẰNG	05/08/2011	6D	
6	006047				LƯU THỊ HẰNG	25/06/2011	6A	
7	006048				VŨ NGỌC HIỀN	08/12/2011	6B	
8	006049				VŨ THỊ THANH HIỀN	06/11/2011	6C	
9	006050				LÊ BÁCH HIẾU	30/12/2011	6B	
10	006051				LÊ THỊ HUẾ	06/08/2011	6A	
11	006052				ĐỖ TUẤN HUY	02/07/2011	6A	
12	006053				LÊ VĂN ANH HUY	31/05/2011	6B	
13	006054				NGÔ MINH HUY	07/12/2011	6C	
14	006055				NGUYỄN ĐĂNG HUY	05/11/2011	6B	
15	006056				NGUYỄN GIA HUY	24/02/2011	6B	
16	006057				TRẦN GIA HUY	30/08/2011	6C	
17	006058				VŨ ĐỨC GIA HUY	28/06/2011	6B	
18	006059				LÊ THỊ HUYỀN	22/05/2011	6B	
19	006060				ĐÀO MAI HƯƠNG	02/12/2011	6B	
20	006061				ĐINH THU HƯỜNG	10/08/2011	6A	
21	006062				LÊ QUỐC KHÁNH KHANG	17/07/2011	6A	
22	006063				LÊ VĂN NHẬT KHÁNH	26/10/2011	6B	
23	006064				TRẦN LÊ NGỌC LAN	05/10/2011	6C	
24	006065				HOÀNG TUỆ LÂM	02/04/2011	6D	
25	006066				LÊ TRÁC LÂM	30/07/2011	6D	
26	006067				LÊ VĂN LÂM	28/06/2011	6C	
27	006068				LÊ KIM LIÊN	23/01/2011	6C	
28	006069				VŨ THỊ LIỄU	16/10/2011	6C	
29	006070				BÙI MỸ LINH	24/09/2011	6D	
30	006071				LÊ HUYỀN LINH	04/02/2011	6D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006072				LÊ THỊ LINH	21/05/2011	6A	
32	006073				LÊ THỊ DIỆU LINH	14/03/2011	6D	
33	006074				NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	30/07/2011	6D	
34	006075				TRẦN THÙY LINH	20/08/2011	6C	
35	006076				VŨ KHÁNH LINH	05/05/2011	6B	
36	006077				VŨ THÙY LINH	26/11/2011	6B	
37	006078				LÊ VĂN LONG	17/07/2011	6C	
38	006079				VŨ THỊ THẢO LY	29/10/2011	6D	
39	006080				GIÁP THỊ QUỲNH MAI	03/01/2011	6C	
40	006081				LÊ QUỐC MẠNH	12/06/2011	6A	
41	006082				LÊ VĂN MẠNH	29/10/2009	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006083				BÙI NGHIÊM MINH	06/09/2011	6C	
2	006084				TRẦN BẢO MINH	05/08/2011	6A	
3	006085				TRẦN BÌNH MINH	02/03/2011	6C	
4	006086				TRẦN GIA MINH	11/12/2011	6B	
5	006087				VŨ DOÃN MINH	07/02/2011	6A	
6	006088				VŨ DOÃN ANH MINH	04/07/2011	6A	
7	006089				VŨ THỊ TRÀ MINH	01/06/2011	6D	
8	006090				LÊ TRÁC HẢI NAM	17/12/2011	6B	
9	006091				LÊ THẢO NGÂN	16/12/2011	6B	
10	006092				LÊ THỊ THU NGÂN	08/05/2011	6B	
11	006093				PHẠM KHÁNH NGÂN	19/09/2011	6D	
12	006094				VŨ TRỌNG NGHĨA	25/05/2011	6A	
13	006095				LƯƠNG KHÁNH NGỌC	31/07/2011	6A	
14	006096				BÙI THỊ YẾN NHI	13/04/2011	6A	
15	006097				ĐÀO THỊ YẾN NHI	25/04/2011	6C	
16	006098				ĐINH THỊ YẾN NHI	12/05/2011	6A	
17	006099				ĐỖ THỊ VÂN NHI	30/05/2011	6C	
18	006100				LÊ THỊ NHI	18/10/2011	6B	
19	006101				PHẠM THỊ YẾN NHI	23/07/2011	6D	
20	006102				VŨ THỊ YẾN NHI	20/02/2011	6C	
21	006103				LÊ THỊ NHUNG	13/10/2011	6B	
22	006104				ĐÀO DUY PHONG	23/07/2011	6C	
23	006105				ĐÀO TIẾN PHONG	30/10/2011	6B	
24	006106				ĐỖ MAI PHƯƠNG	28/03/2011	6B	
25	006107				LÊ TRẦN HÀ PHƯƠNG	13/12/2011	6C	
26	006108				TRẦN HÀ PHƯƠNG	10/01/2011	6D	
27	006109				VŨ MAI PHƯƠNG	19/07/2011	6D	
28	006110				LÊ MINH QUANG	26/05/2011	6C	
29	006111				LÊ MINH QUÂN	12/10/2011	6B	
30	006112				PHẠM MINH QUÂN	28/10/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006113				LƯU GIA QUỐC	30/09/2011	6A	
32	006114				LÊ THỊ MAI QUỲNH	20/03/2011	6B	
33	006115				LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	27/04/2011	6B	
34	006116				LÊ THỊ TÚ QUỲNH	05/12/2011	6A	
35	006117				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	13/10/2011	6C	
36	006118				NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	21/01/2011	6C	
37	006119				NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/06/2011	6A	
38	006120				VŨ THỊ THANH TÂM	07/03/2011	6B	
39	006121				NGUYỄN THẠCH THẢO	28/06/2011	6B	
40	006122				LÊ THỊ THOA	24/07/2011	6C	
41	006123				LÊ ĐỨC THỊNH	26/05/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006124				NGUYỄN HOÀI THU	22/08/2011	6D	
2	006125				LÊ PHƯƠNG THÙY	09/11/2011	6C	
3	006126				NGUYỄN THỊ THỦY	28/07/2011	6A	
4	006127				PHẠM THU THỦY	12/05/2011	6D	
5	006128				ĐẶNG THỊ THANH THƯ	13/03/2011	6C	
6	006129				ĐINH THỊ THÙY THƯ	11/11/2010	6B	
7	006130				LÊ THỊ MINH THƯ	27/11/2011	6D	
8	006131				NGUYỄN MINH THƯ	02/12/2011	6B	
9	006132				VŨ ANH THƯ	11/11/2011	6C	
10	006133				VŨ THỊ THƯ	11/02/2011	6A	
11	006134				LÊ VĂN BÌNH TIẾN	09/05/2011	6C	
12	006135				ĐINH NGUYỄN MAI TRANG	04/09/2011	6D	
13	006136				LÊ NGUYỄN HÀ TRANG	11/07/2011	6A	
14	006137				NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/04/2011	6A	
15	006138				VŨ ĐỨC TRÍ	16/11/2011	6B	
16	006139				LÊ VĂN TRUNG	01/05/2011	6B	
17	006140				NGUYỄN DUY TRUNG	24/05/2011	6C	
18	006141				NGUYỄN ĐỨC TRUNG	01/10/2011	6A	
19	006142				LÊ THỊ THANH TRÚC	10/09/2011	6D	
20	006143				NGUYỄN THANH TRÚC	28/09/2011	6D	
21	006144				VŨ VĂN TRƯỜNG	14/11/2011	6B	
22	006145				NGUYỄN ANH TUẤN	17/12/2011	6A	
23	006146				VŨ DOãn TUYẾN	08/01/2011	6A	
24	006147				NGUYỄN DUY TÙNG	08/01/2011	6C	
25	006148				NGUYỄN QUANG TÙNG	19/08/2011	6C	
26	006149				VŨ ĐÀM THIỆN TÚ	16/09/2011	6D	
27	006150				LÊ THÚY VĂN	16/11/2011	6B	
28	006151				LÊ QUANG VIỆT	28/12/2011	6A	
29	006152				LÊ QUỐC VIỆT	13/11/2011	6C	
30	006153				VŨ VĂN VINH	09/04/2011	6C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006154				LÊ THỊ PHƯƠNG VY	16/08/2011	6D	
32	006155				NGUYỄN PHƯƠNG VY	21/05/2011	6A	
33	006156				BÙI QUANG XUÂN	23/01/2011	6A	
34	006157				LÊ THỊ XUÂN	05/12/2011	6A	
35	006158				LÊ THỊ HẢI YẾN	29/11/2011	6A	
36	006159				NGUYỄN THỊ YẾN	11/12/2011	6B	
37	006160				QUẦN THỊ HẢI YẾN	12/12/2011	6B	
38	006161				VŨ THỊ HẢI YẾN	07/02/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003001				HÀ HẢI ANH	08/07/2011	6A3	
2	003002				LÊ BẢO ANH	20/03/2011	6A6	
3	003003				LÊ QUỲNH ANH	27/03/2011	6A1	
4	003004				LƯU ĐỨC ANH	14/11/2011	6A4	
5	003005				LƯU HOÀNG ANH	10/12/2010	6A5	
6	003006				LƯU NGỌC ANH	23/11/2011	6A4	
7	003007				NGÔ NHẬT ANH	11/01/2011	6A1	
8	003008				NGUYỄN CAO THÁI ANH	10/01/2011	6A4	
9	003009				NGUYỄN CHÂU ANH	08/11/2011	6A5	
10	003010				NGUYỄN ĐỨC ANH	06/10/2011	6A2	
11	003011				NGUYỄN MINH ANH	18/07/2011	6A4	
12	003012				NGUYỄN TUẤN ANH	31/03/2011	6A6	
13	003013				PHẠM THỊ NGỌC ANH	16/09/2011	6A1	
14	003014				PHẠM TUẤN ANH	21/11/2011	6A4	
15	003015				PHẠM VIỆT ANH	14/04/2011	6A2	
16	003016				PHẠM VIỆT ANH	23/12/2011	6A4	
17	003017				TỔNG LÊ VIỆT ANH	24/11/2011	6A6	
18	003018				TỔNG THỊ NGỌC ANH	21/01/2011	6A6	
19	003019				TRỊNH HOÀNG ANH	19/08/2011	6A2	
20	003020				TRỊNH PHƯƠNG ANH	23/04/2011	6A2	
21	003021				VŨ QUỲNH ANH	02/09/2011	6A1	
22	003022				NGÔ ĐỨC ÁNH	01/05/2011	6A6	
23	003023				NGÔ HOÀNG GIA BẢO	02/06/2011	6A5	
24	003024				NGUYỄN ĐỨC BẢO	02/12/2011	6A6	
25	003025				VŨ GIA BẢO	18/01/2011	6A4	
26	003026				VŨ VĂN HOÀNG BẢO	04/06/2011	6A2	
27	003027				NGUYỄN ĐÌNH CẢNH	08/08/2011	6A4	
28	003028				NGUYỄN KHÁNH CHI	09/04/2011	6A2	
29	003029				NGUYỄN LÊ HÀ CHI	14/05/2011	6A1	
30	003030				NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	03/01/2011	6A2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003031				TRỊNH BẢO CHI	17/10/2011	6A4	
32	003032				LƯU THỊ THÙY CHINH	05/04/2011	6A2	
33	003033				LƯU VĂN CHƯƠNG	26/07/2011	6A5	
34	003034				VŨ THÀNH CÔNG	09/10/2011	6A1	
35	003035				BẠCH NGỌC DIỆP	01/09/2011	6A4	
36	003036				TRẦN NGỌC DIỆP	01/10/2011	6A5	
37	003037				VŨ THỊ NGỌC DIỆP	11/05/2011	6A1	
38	003038				NGUYỄN QUỐC DOANH	12/01/2011	6A6	
39	003039				LƯU KHÁNH DUY	18/04/2011	6A1	
40	003040				MẠC KHÁNH DUY	13/06/2011	6A4	
41	003041				NGÔ KHÁNH DUY	26/10/2011	6A4	
42	003042				NGUYỄN MẠNH DUY	30/08/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003043				VŨ ĐỨC DUY	24/03/2011	6A1	
2	003044				VŨ MINH DUY	11/01/2011	6A2	
3	003045				MAI TUẤN DŨNG	09/01/2011	6A1	
4	003046				NGÔ MINH DŨNG	15/05/2011	6A2	
5	003047				NGUYỄN CÔNG DŨNG	17/06/2011	6A1	
6	003048				NGUYỄN QUANG DŨNG	24/08/2011	6A6	
7	003049				NGUYỄN QUỐC DŨNG	18/02/2011	6A5	
8	003050				VŨ ĐỨC DŨNG	06/03/2011	6A4	
9	003051				NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	17/07/2011	6A4	
10	003052				NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/10/2011	6A3	
11	003053				NGUYỄN VĂN DƯƠNG	22/05/2011	6A6	
12	003054				TRƯƠNG THÙY DƯƠNG	15/11/2011	6A6	
13	003055				NGÔ TIẾN ĐẠT	31/05/2011	6A6	
14	003056				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/04/2011	6A4	
15	003057				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	04/12/2011	6A5	
16	003058				PHẠM QUANG ĐỘ	24/05/2011	6A5	
17	003059				ĐỖ NHÂN ĐỨC	25/05/2011	6A3	
18	003060				LƯU VIỆT ĐỨC	23/01/2011	6A5	
19	003061				NGUYỄN MINH ĐỨC	09/08/2011	6A1	
20	003062				TRỊNH ANH ĐỨC	11/08/2011	6A4	
21	003063				TRƯƠNG ANH ĐỨC	25/05/2011	6A2	
22	003064				LÊ THÀNH GIANG	06/04/2011	6A1	
23	003065				NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG	18/07/2011	6A3	
24	003066				NGÔ MINH HÀ	30/04/2011	6A2	
25	003067				PHẠM HOÀNG HÀ	12/01/2011	6A4	
26	003068				VŨ NGỌC HÀ	13/08/2011	6A1	
27	003069				NGÔ THỊ HẢO	20/08/2011	6A5	
28	003070				VŨ ĐỨC HẢO	10/04/2011	6A3	
29	003071				BÙI THỊ ĐỨC HẠNH	13/06/2011	6A3	
30	003072				NGÔ THANH HIỀN	05/09/2011	6A5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003073				NGUYỄN THỊ THU HIỀN	17/06/2011	6A2	
32	003074				LÊ CHUNG HIẾU	22/12/2011	6A5	
33	003075				NGÔ MẠNH HIẾU	25/08/2011	6A6	
34	003076				TRẦN TRUNG HIẾU	28/10/2011	6A4	
35	003077				NGÔ TRỊNH HOÀNG	03/03/2011	6A1	
36	003078				TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	28/12/2011	6A1	
37	003079				ĐÀO AN HÒA	31/03/2011	6A2	
38	003080				NGUYỄN THỊ HUẾ	07/08/2011	6A1	
39	003081				NGUYỄN THỊ KIM HUẾ	17/07/2011	6A5	
40	003082				LÊ THANH HUỆ	14/12/2011	6A6	
41	003083				LÊ THỊ KIM HUỆ	12/12/2011	6A2	
42	003084				LƯU VĂN HUY	21/10/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003085				NGÔ ĐỨC HUY	30/11/2011	6A3	
2	003086				NGÔ GIA HUY	09/05/2011	6A5	
3	003087				NGUYỄN ANH HUY	09/01/2011	6A4	
4	003088				NGUYỄN QUANG HUY	10/08/2011	6A6	
5	003089				PHẠM VĂN HUY	10/08/2011	6A4	
6	003090				LÊ THỊ MAI HUYỀN	18/08/2011	6A2	
7	003091				PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN	24/04/2011	6A4	
8	003092				HOÀNG VĂN HÙNG	26/06/2011	6A6	
9	003093				NGUYỄN VĂN HÙNG	21/02/2011	6A3	
10	003094				LÊ QUANG HÙNG	12/08/2011	6A1	
11	003095				LÊ TUẤN HÙNG	28/02/2011	6A2	
12	003096				NGÔ VĂN HÙNG	26/08/2011	6A2	
13	003097				NGUYỄN VIỆT HÙNG	19/07/2011	6A3	
14	003098				LƯU THU HƯƠNG	29/06/2011	6A3	
15	003099				NGÔ CHẤN KHANG	26/02/2011	6A1	
16	003100				NGÔ VIỆT KHANG	10/06/2011	6A5	
17	003101				LƯU VĂN DUY KHÁNH	18/11/2011	6A4	
18	003102				NGÔ ĐỨC KHIÊM	24/04/2011	6A6	
19	003103				ĐOÀN MINH KHÔI	15/08/2011	6A2	
20	003104				NGUYỄN THỊ NGỌC KIỀU	06/04/2011	6A3	
21	003105				LÊ TUẤN KIẾT	24/10/2011	6A2	
22	003106				TRƯƠNG THỊ THU LAN	23/08/2011	6A6	
23	003107				NGÔ BẢO LÂM	13/06/2011	6A1	
24	003108				PHẠM TÙNG LÂM	26/08/2011	6A5	
25	003109				PHÙNG ĐỨC LÂM	09/07/2011	6A3	
26	003110				BÙI HOÀNG PHƯƠNG LINH	12/10/2011	6A5	
27	003111				ĐỒNG THỊ KHÁNH LINH	26/03/2011	6A1	
28	003112				LÊ BÙI HÀ LINH	13/12/2011	6A4	
29	003113				LÊ HÀ LINH	17/07/2011	6A5	
30	003114				NGÔ DIỆU LINH	30/01/2011	6A6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003115				NGÔ THỊ DIỆU LINH	10/09/2011	6A6	
32	003116				NGÔ THỊ THÙY LINH	30/08/2011	6A3	
33	003117				NGUYỄN DIỆU LINH	13/10/2011	6A3	
34	003118				NGUYỄN VŨ THÙY LINH	15/07/2011	6A3	
35	003119				TRỊNH THỊ LINH	27/07/2011	6A2	
36	003120				TRỊNH THỊ DIỆU LINH	27/03/2011	6A6	
37	003121				TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	24/06/2011	6A3	
38	003122				VŨ PHƯƠNG LINH	07/05/2011	6A1	
39	003123				VŨ THỊ HẢI LỘC	24/12/2011	6A2	
40	003124				ĐINH THỊ LUYẾN	02/08/2011	6A4	
41	003125				BÙI TUYẾT MAI	16/12/2011	6A3	
42	003126				LƯU THỊ MAI	15/06/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003127				LƯU THỊ NGỌC MAI	23/06/2011	6A3	
2	003128				NGÔ THỊ XUÂN MAI	05/02/2011	6A1	
3	003129				NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	11/06/2011	6A3	
4	003130				VŨ THỊ NGỌC MAI	07/03/2011	6A6	
5	003131				VŨ THỊ NGỌC MAI	19/09/2011	6A3	
6	003132				VŨ THỊ THANH MAI	14/12/2011	6A1	
7	003133				VŨ VĂN MẠNH	23/04/2011	6A6	
8	003134				ĐINH NGUYỄN TUẤN MINH	29/09/2011	6A1	
9	003135				LƯU TUỆ MINH	06/10/2011	6A1	
10	003136				NGUYỄN HOÀNG NHẬT MINH	16/12/2011	6A1	
11	003137				NGUYỄN QUỐC MINH	13/11/2011	6A2	
12	003138				LÊ UN MY	15/10/2011	6A4	
13	003139				TỔNG THỊ TRÀ MY	08/08/2011	6A1	
14	003140				NGUYỄN BẢO NAM	11/02/2011	6A4	
15	003141				NGUYỄN LÊ HẢI NAM	04/08/2010	6A6	
16	003142				VŨ VĂN BẢO NAM	03/01/2011	6A2	
17	003143				BÙI TRANG NGÂN	05/09/2011	6A3	
18	003144				VŨ THỊ THÚY NGÂN	28/01/2011	6A1	
19	003145				BÙI THỊ BẢO NGỌC	28/02/2011	6A6	
20	003146				LÊ THỊ BẢO NGỌC	26/11/2011	6A3	
21	003147				LƯU BẢO NGỌC	15/07/2011	6A3	
22	003148				LƯU KHÁNH NGỌC	26/04/2011	6A2	
23	003149				LƯU THỊ HỒNG NGỌC	05/07/2011	6A5	
24	003150				NGÔ VŨ BẢO NGỌC	15/10/2011	6A1	
25	003151				NGUYỄN HỒNG NGỌC	08/03/2011	6A5	
26	003152				PHẠM HỒNG NGỌC	17/10/2011	6A4	
27	003153				VŨ THẢO NGỌC	05/03/2011	6A3	
28	003154				LƯỜNG HẢI NGUYỄN	22/02/2011	6A2	
29	003155				NGÔ NGỌC NGUYỄN	25/02/2011	6A5	
30	003156				NGUYỄN THẢO NGUYỄN	05/11/2011	6A1	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003157				NGUYỄN VIỆT TÀI NGUYÊN	19/04/2011	6A4	
32	003158				DƯƠNG YẾN NHI	24/07/2011	6A3	
33	003159				LƯU NGUYỄN BẢO NHI	06/12/2011	6A5	
34	003160				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/06/2011	6A6	
35	003161				PHẠM YẾN NHI	18/11/2011	6A2	
36	003162				VŨ THỊ PHƯƠNG NHI	06/03/2011	6A5	
37	003163				LÊ PHẠM PHƯƠNG NHUNG	24/06/2011	6A2	
38	003164				NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	01/07/2011	6A6	
39	003165				VŨ QUỲNH NHƯ	30/07/2011	6A1	
40	003166				NGUYỄN KIỀU OANH	25/01/2011	6A4	
41	003167				NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	02/10/2011	6A3	
42	003168				VŨ KIỀU OANH	19/10/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003169				NGÔ TRẦN HẢI PHONG	12/07/2011	6A1	
2	003170				VŨ MINH PHONG	20/01/2011	6A6	
3	003171				ĐOÀN THIÊN PHÚ	19/07/2011	6A2	
4	003172				LƯU BÙI MINH PHÚ	21/10/2011	6A2	
5	003173				NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	23/07/2011	6A5	
6	003174				NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	19/08/2011	6A5	
7	003175				NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	26/09/2011	6A3	
8	003176				BÙI PHÚ QUANG	16/09/2011	6A1	
9	003177				NGUYỄN THẾ QUANG	14/07/2011	6A4	
10	003178				NGÔ MINH QUÂN	01/01/2011	6A2	
11	003179				NGÔ TỔNG QUÂN	24/09/2011	6A1	
12	003180				NGÔ VĂN QUÂN	11/06/2011	6A6	
13	003181				NGUYỄN MINH QUÂN	16/12/2011	6A3	
14	003182				TỔNG ANH QUÂN	07/12/2011	6A6	
15	003183				TRẦN NGUYỄN BẢO QUỐC	01/01/2011	6A1	
16	003184				NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	10/06/2011	6A5	
17	003185				PHẠM NHƯ QUỲNH	15/09/2011	6A2	
18	003186				NGUYỄN TẤN SANG	29/03/2011	6A3	
19	003187				LƯU MINH TÀI	05/06/2011	6A2	
20	003188				NGUYỄN VĂN TÂN	01/04/2011	6A1	
21	003189				NGÔ PHƯƠNG THANH	02/01/2011	6A2	
22	003190				NGUYỄN NGỌC THANH	30/05/2011	6A6	
23	003191				TRƯƠNG QUANG THANH	20/06/2011	6A5	
24	003192				ĐOÀN THẾ THÀNH	02/08/2011	6A1	
25	003193				ĐỖ ĐĂNG THÀNH	16/06/2011	6A6	
26	003194				VŨ DUY THÀNH	25/08/2011	6A5	
27	003195				LÊ PHƯƠNG THẢO	22/03/2011	6A1	
28	003196				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/03/2011	6A2	
29	003197				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	07/04/2011	6A3	
30	003198				NGUYỄN DUY THÁI	19/08/2011	6A1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003199				LÊ ĐỨC THẮM	11/03/2011	6A2	
32	003200				NGUYỄN DUY THẮNG	09/10/2011	6A2	
33	003201				NGUYỄN VIỆT THẮNG	07/09/2011	6A3	
34	003202				TRẦN MINH THẮNG	05/10/2011	6A2	
35	003203				PHẠM QUỲNH THI	19/08/2010	6A4	
36	003204				LÊ THỊ THOA	08/03/2011	6A2	
37	003205				LƯU PHƯỚC THỊNH	22/09/2011	6A4	
38	003206				NGÔ ĐỨC THỊNH	19/10/2011	6A3	
39	003207				VŨ THỊ HỒNG THƠM	16/02/2011	6A4	
40	003208				NGUYỄN HOÀI THU	03/07/2011	6A3	
41	003209				NGUYỄN THANH THỦY	16/09/2011	6A3	
42	003210				LƯU HIỀN THU	10/05/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003211				LÊ THỊ THƯƠNG	27/12/2011	6A5	
2	003212				NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	27/12/2011	6A4	
3	003213				NGUYỄN ĐOÀN THỦY TIÊN	24/07/2011	6A5	
4	003214				LƯU HÙNG TIẾN	01/09/2011	6A1	
5	003215				TRẦN QUYẾT TIẾN	14/01/2011	6A1	
6	003216				NGUYỄN VĂN TOÀN	21/06/2011	6A2	
7	003217				BÙI THỊ HUYỀN TRANG	22/11/2011	6A6	
8	003218				NGÔ MINH TRANG	18/09/2011	6A4	
9	003219				NGUYỄN THU TRANG	13/03/2011	6A2	
10	003220				PHẠM THỊ THU TRANG	16/04/2011	6A6	
11	003221				ĐÀO THỊ NGỌC TRINH	27/02/2011	6A6	
12	003222				ĐOÀN PHÚ TRỌNG	26/09/2011	6A5	
13	003223				LÊ SANG TRỌNG	25/07/2011	6A5	
14	003224				NGUYỄN PHÚ TRỌNG	22/12/2011	6A3	
15	003225				LÊ ANH TRƯỜNG	11/08/2011	6A4	
16	003226				NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	18/07/2011	6A6	
17	003227				BÙI VĂN TUÂN	26/04/2011	6A3	
18	003228				LƯU MINH TUẤN	13/03/2011	6A6	
19	003229				NGUYỄN MINH TUẤN	17/03/2011	6A5	
20	003230				VŨ MINH TUẤN	23/01/2011	6A5	
21	003231				PHẠM VĂN TUYỀN	06/01/2011	6A6	
22	003232				NGUYỄN THỊ TUYẾT	15/09/2011	6A3	
23	003233				NGÔ QUANG TÙNG	09/11/2011	6A1	
24	003234				NGÔ THANH TÙNG	05/11/2011	6A3	
25	003235				NGUYỄN DUY TÙNG	26/10/2011	6A3	
26	003236				NGUYỄN THANH TÙNG	28/11/2011	6A3	
27	003237				NGÔ CẨM TÚ	27/08/2011	6A3	
28	003238				NGÔ THỊ TÚ UYÊN	10/06/2011	6A1	
29	003239				ĐOÀN THỊ THANH VÂN	16/09/2011	6A5	
30	003240				NGÔ THẢO VÂN	27/07/2011	6A2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003241				NGUYỄN THÚY VÂN	14/03/2011	6A3	
32	003242				LÊ THỊ KHÁNH VI	22/12/2011	6A2	
33	003243				HOÀNG ANH VŨ	28/07/2011	6A6	
34	003244				CAO THỊ HẢI YẾN	11/08/2011	6A2	
35	003245				ĐÀO HẢI YẾN	14/02/2011	6A5	
36	003246				ĐÀO PHI YẾN	19/10/2011	6A4	
37	003247				PHẠM HẢI YẾN	25/05/2011	6A3	
38	003248				VŨ THỊ HẢI YẾN	25/04/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010001				NGUYỄN HẢI AN	15/10/2011	6D4	
2	010002				NGUYỄN NGỌC BẢO AN	24/10/2011	6D3	
3	010003				BÙI LÊ LAN ANH	16/08/2011	6D5	
4	010004				LÊ HOÀI ANH	16/11/2011	6D1	
5	010005				LÊ QUỲNH ANH	17/12/2011	6D2	
6	010006				NGÔ QUỐC ANH	18/10/2011	6D5	
7	010007				NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	07/04/2011	6D1	
8	010008				NGUYỄN MINH ANH	18/12/2011	6D5	
9	010009				NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	08/06/2011	6D1	
10	010010				NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	05/09/2011	6D3	
11	010011				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	18/07/2011	6D1	
12	010012				NGUYỄN THỊ HÀ ANH	23/07/2011	6D1	
13	010013				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/06/2011	6D6	
14	010014				PHẠM DUY ANH	30/08/2011	6D3	
15	010015				VŨ LÂM ANH	14/09/2011	6D5	
16	010016				NGÔ NGỌC ÁNH	23/03/2011	6D2	
17	010017				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/02/2011	6D3	
18	010018				TRẦN MINH ÁNH	05/07/2011	6D5	
19	010019				NGUYỄN ANH GIA BẢO	04/07/2011	6D1	
20	010020				TRẦN GIA BẢO	13/06/2011	6D4	
21	010021				NGUYỄN VĂN VÔ BẮC	17/01/2011	6D3	
22	010022				NGUYỄN HẢI BÌNH	09/01/2011	6D4	
23	010023				VŨ NGỌC BÍCH	23/09/2011	6D5	
24	010024				PHẠM VĂN BÌNH	05/10/2011	6D3	
25	010025				NGÔ VĂN CẢNH	15/08/2011	6D3	
26	010026				NGÔ QUỲNH CHÂM	24/05/2011	6D6	
27	010027				NGÔ KHÁNH CHI	03/11/2011	6D3	
28	010028				NGÔ THỊ THÙY CHI	06/08/2011	6D3	
29	010029				VŨ ĐÌNH CHÍNH	15/07/2011	6D4	
30	010030				NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	31/10/2011	6D1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010031				NGUYỄN ĐỨC DUY	22/07/2011	6D3	
32	010032				NGUYỄN KHÁNH DUY	21/12/2011	6D6	
33	010033				NGUYỄN PHƯƠNG DUY	26/06/2011	6D6	
34	010034				VŨ MINH DUY	24/02/2011	6D2	
35	010035				NGUYỄN LÊ THẢO DUYÊN	29/09/2011	6D1	
36	010036				LÊ TRẮC TIẾN DŨNG	11/05/2011	6D2	
37	010037				NGUYỄN MINH DƯƠNG	11/05/2011	6D4	
38	010038				NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	07/09/2011	6D6	
39	010039				PHẠM QUANG ĐẠI	08/02/2011	6D3	
40	010040				ĐÀO MẠNH ĐẠT	15/04/2011	6D3	
41	010041				NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	14/09/2011	6D4	
42	010042				NGUYỄN MẠNH ĐẠT	06/05/2011	6D3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010043				PHẠM TIẾN ĐẠT	04/05/2011	6D2	
2	010044				PHẠM VĂN ĐẠT	29/06/2011	6D1	
3	010045				VŨ TIẾN ĐẠT	01/04/2011	6D5	
4	010046				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	31/03/2011	6D1	
5	010047				NGUYỄN TRÍ ĐIỆP	01/03/2011	6D5	
6	010048				LÒ XUÂN ĐOÀN	01/06/2011	6D4	
7	010049				VŨ MINH ĐỨC	21/08/2011	6D4	
8	010050				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	20/04/2011	6D6	
9	010051				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	06/08/2011	6D1	
10	010052				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	12/12/2011	6D4	
11	010053				LÊ VIỆT HÀ	19/04/2011	6D5	
12	010054				NGUYỄN ĐỨC HÀO	01/03/2011	6D5	
13	010055				BÙI BÌNH HẢI	14/04/2011	6D6	
14	010056				VŨ MẠNH HẢI	21/12/2011	6D4	
15	010057				NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	28/11/2011	6D4	
16	010058				VŨ THỊ THU HẰNG	05/05/2011	6D5	
17	010059				BÙI THU HIỀN	04/04/2011	6D6	
18	010060				VŨ THỊ HIỀN	20/12/2011	6D6	
19	010061				VŨ THỊ THU HIỀN	16/06/2011	6D6	
20	010062				HOÀNG MINH HIẾU	09/08/2011	6D3	
21	010063				NGÔ TRUNG HIẾU	12/09/2011	6D1	
22	010064				NGUYỄN MẠNH HIẾU	02/04/2011	6D6	
23	010065				NGUYỄN QUANG HIẾU	30/12/2011	6D2	
24	010066				NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/02/2011	6D6	
25	010067				NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/09/2011	6D4	
26	010068				PHẠM MINH HIẾU	07/12/2011	6D3	
27	010069				VŨ TRÍ HIẾU	11/12/2011	6D1	
28	010070				TRẦN VĂN HINH	21/10/2011	6D4	
29	010071				PHAN THỊ BÍCH HOA	19/03/2011	6D6	
30	010072				NGUYỄN XUÂN TRÍ HOAN	02/08/2011	6D1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010073				ĐÀO VIỆT HOÀN	17/06/2011	6D1	
32	010074				NGUYỄN HẢI HOÀN	23/08/2011	6D4	
33	010075				NGUYỄN HUY HOÀNG	08/02/2011	6D6	
34	010076				NGUYỄN HUY HOÀNG	06/08/2011	6D5	
35	010077				NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	20/07/2011	6D5	
36	010078				PHẠM HUY HOÀNG	10/02/2011	6D2	
37	010079				ĐINH KHÁNH HÒA	25/10/2011	6D4	
38	010080				NGUYỄN THÁI HÒA	07/02/2011	6D4	
39	010081				VŨ KHÁNH HÒA	20/08/2011	6D4	
40	010082				NGUYỄN ANH HUY	28/12/2011	6D5	
41	010083				NGUYỄN ĐỨC HUY	03/02/2011	6D4	
42	010084				NGUYỄN MINH HUY	19/12/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010085				TRẦN HẢI HUY	25/09/2011	6D4	
2	010086				LÊ KHÁNH HUYỀN	19/09/2011	6D2	
3	010087				LÊ THU HUYỀN	22/01/2011	6D2	
4	010088				VŨ THỊ MINH HUYỀN	03/10/2011	6D5	
5	010089				PHẠM VĂN HÙNG	24/08/2011	6D3	
6	010090				QUÁCH HUY HÙNG	18/07/2011	6D3	
7	010091				VŨ VĂN HÙNG	28/06/2011	6D6	
8	010092				NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/02/2011	6D6	
9	010093				NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/03/2011	6D6	
10	010094				PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG	16/12/2011	6D2	
11	010095				TRẦN THỊ THU HƯƠNG	11/08/2011	6D2	
12	010096				NGUYỄN PHÚ KHANG	31/01/2011	6D3	
13	010097				PHẠM DUY KHẢI	09/04/2011	6D3	
14	010098				NGÔ GIA KHÁNH	11/07/2011	6D2	
15	010099				VŨ DUY KHÁNH	14/04/2011	6D4	
16	010100				NGUYỄN DUY KHOA	24/06/2011	6D3	
17	010101				VŨ VĂN KHỎE	21/03/2011	6D6	
18	010102				NGÔ AN KHÔI	25/12/2011	6D1	
19	010103				ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	25/04/2011	6D3	
20	010104				LÊ DIỆU LINH	26/09/2011	6D2	
21	010105				NGUYỄN KHÁNH LINH	17/12/2011	6D5	
22	010106				NGUYỄN NGỌC THUỶ LINH	20/11/2011	6D2	
23	010107				NGUYỄN THỊ LINH	28/03/2011	6D4	
24	010108				NGUYỄN THỊ HÀ LINH	26/12/2011	6D5	
25	010109				NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	06/05/2011	6D2	
26	010110				PHAN MAI LINH	13/01/2011	6D2	
27	010111				VŨ KHÁNH LINH	05/07/2011	6D4	
28	010112				VŨ THỊ KHÁNH LINH	02/10/2011	6D4	
29	010113				LÊ NGỌC LOAN	28/12/2011	6D2	
30	010114				NGUYỄN HẢI LONG	21/10/2011	6D5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010115				ĐOÀN ĐỨC LỘC	28/10/2011	6D3	
32	010116				PHẠM TIẾN LỘC	06/03/2011	6D1	
33	010117				NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	11/03/2011	6D5	
34	010118				ĐÀO THỊ XUÂN MAI	30/04/2010	6D2	
35	010119				ĐỖ HƯƠNG MAI	29/11/2011	6D6	
36	010120				HOÀNG THỊ NGỌC MAI	22/01/2011	6D1	
37	010121				NGÔ THỊ XUÂN MAI	13/10/2011	6D1	
38	010122				NGUYỄN PHƯƠNG MAI	28/12/2011	6D2	
39	010123				PHẠM HIỀN MAI	01/10/2011	6D2	
40	010124				VŨ THỊ MAI	15/09/2011	6D6	
41	010125				NGUYỄN ĐỨC MẠNH	19/09/2011	6D4	
42	010126				TRẦN ĐỨC MẠNH	24/01/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010127				ĐOÀN THỊ TUỆ MẪN	07/06/2011	6D3	
2	010128				NGÔ QUANG MINH	07/10/2011	6D2	
3	010129				NGUYỄN BẢO MINH	09/04/2011	6D4	
4	010130				NGUYỄN ĐỨC MINH	17/01/2011	6D2	
5	010131				NGUYỄN HOÀNG MINH	09/05/2011	6D4	
6	010132				NGUYỄN HOÀNG MINH	29/05/2011	6D3	
7	010133				NGUYỄN NGỌC MINH	16/07/2011	6D6	
8	010134				NGUYỄN HÀ MY	06/02/2011	6D4	
9	010135				PHẠM KHÁNH MY	15/09/2011	6D3	
10	010136				LƯU PHÚ NAM	07/01/2011	6D4	
11	010137				NGÔ BẢO NAM	12/12/2011	6D1	
12	010138				NGUYỄN HẢI NAM	27/01/2011	6D1	
13	010139				ĐOÀN TRUNG NGHĨA	15/12/2011	6D1	
14	010140				NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	01/09/2011	6D4	
15	010141				NGUYỄN HỮU NGHĨA	16/09/2011	6D5	
16	010142				CAO THỊ BẢO NGỌC	04/12/2011	6D3	
17	010143				ĐOÀN THỊ MINH NGỌC	18/05/2011	6D2	
18	010144				ĐỖ KHÁNH NGỌC	18/10/2011	6D6	
19	010145				HOÀNG ÁNH NGỌC	05/06/2011	6D5	
20	010146				LÊ BÍCH NGỌC	25/07/2011	6D2	
21	010147				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	12/12/2011	6D6	
22	010148				PHẠM DIỄM NGỌC	07/02/2011	6D2	
23	010149				PHẠM MINH NGỌC	01/07/2011	6D1	
24	010150				PHẠM ĐỨC NGUYỄN	12/03/2011	6D1	
25	010151				VŨ BÌNH NGUYỄN	02/03/2011	6D6	
26	010152				NGUYỄN DUY NHÂN	10/09/2011	6D1	
27	010153				BÙI THỊ NGỌC NHI	23/12/2011	6D2	
28	010154				BÙI YẾN NHI	03/09/2011	6D6	
29	010155				LƯƠNG YẾN NHI	10/01/2011	6D1	
30	010156				NGÔ THỊ DŨNG NHI	22/02/2011	6D4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010157				NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	19/07/2011	6D2	
32	010158				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/08/2011	6D4	
33	010159				TRẦN PHƯƠNG NHI	07/10/2011	6D2	
34	010160				VŨ THỊ TUYẾT NHI	28/08/2011	6D2	
35	010161				PHẠM THỊ TƯỜNG NHƯ	15/10/2011	6D2	
36	010162				VŨ MINH OANH	02/01/2011	6D2	
37	010163				TRẦN VĂN PHONG	11/11/2011	6D4	
38	010164				ĐOÀN TRỌNG PHÚ	01/12/2011	6D1	
39	010165				TRẦN ĐỨC PHÚ	22/09/2011	6D4	
40	010166				ĐÀO TRƯỜNG PHÚC	18/11/2011	6D1	
41	010167				NGÔ GIA PHÚC	15/07/2011	6D3	
42	010168				NGÔ VĂN PHÚC	16/09/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010169				NGUYỄN DUY PHÚC	05/12/2011	6D1	
2	010170				PHẠM VĂN PHÚC	29/06/2011	6D1	
3	010171				VŨ MINH PHÚC	17/10/2011	6D6	
4	010172				LÊ THỊ PHƯƠNG	18/01/2011	6D1	
5	010173				LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	19/06/2011	6D5	
6	010174				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	31/07/2011	6D5	
7	010175				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	14/02/2011	6D5	
8	010176				NGUYỄN THỊ VÂN PHƯƠNG	30/12/2011	6D1	
9	010177				PHẠM KHÁNH PHƯƠNG	28/04/2011	6D1	
10	010178				NGÔ MINH QUANG	12/11/2011	6D3	
11	010179				NGUYỄN MINH QUÂN	21/02/2011	6D1	
12	010180				NGUYỄN MINH QUÂN	08/07/2011	6D1	
13	010181				NGUYỄN NGÂN QUYÊN	12/08/2011	6D6	
14	010182				HOÀNG NHƯ QUỲNH	07/11/2011	6D5	
15	010183				NGUYỄN NGỌC QUỲNH	08/12/2011	6D6	
16	010184				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	16/01/2011	6D5	
17	010185				NGUYỄN TUẤN QUỲNH	26/06/2011	6D4	
18	010186				VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	22/12/2011	6D2	
19	010187				ĐOÀN PHÚ QUÝ	30/05/2011	6D2	
20	010188				NGUYỄN ĐỨC SƠN	01/03/2011	6D5	
21	010189				NGUYỄN THANH SƠN	31/07/2011	6D6	
22	010190				NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	04/04/2011	6D6	
23	010191				NGUYỄN XUÂN SƠN	04/01/2011	6D3	
24	010192				ĐỖ THỊ MINH TÂM	21/01/2011	6D4	
25	010193				NGUYỄN THỊ THANH TÂM	30/06/2011	6D5	
26	010194				NGUYỄN VĂN THANH	14/04/2011	6D2	
27	010195				ĐOÀN VĂN THÀNH	01/03/2011	6D2	
28	010196				LÊ NHẬT THÀNH	21/02/2011	6D4	
29	010197				NGÔ DUY THÀNH	27/07/2011	6D3	
30	010198				NGUYỄN TIẾN THÀNH	01/05/2011	6D1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010199				ĐỖ PHƯƠNG THẢO	18/05/2011	6D5	
32	010200				NGUYỄN THỊ THU THẢO	08/06/2011	6D4	
33	010201				BÙI VĂN HOÀNG THÁI	10/07/2011	6D5	
34	010202				NGUYỄN HOÀNG DOANH THÁI	16/06/2011	6D1	
35	010203				NGUYỄN VĂN THẾ	27/12/2011	6D3	
36	010204				BÙI THỊ MINH THUẬN	13/04/2011	6D6	
37	010205				TRẦN THỊ ANH THƯ	12/08/2011	6D4	
38	010206				VŨ THỊ ANH THƯ	05/08/2011	6D4	
39	010207				ĐỖ MINH TIẾN	24/09/2011	6D2	
40	010208				HOÀNG ANH TIẾN	07/01/2010	6D6	
41	010209				HOÀNG VĂN TOÀN	03/03/2011	6D2	
42	010210				ĐOÀN THU TRANG	12/06/2011	6D2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010211				NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	14/03/2011	6D5	
2	010212				NGUYỄN THÙY TRANG	17/02/2011	6D1	
3	010213				NGUYỄN THÙY TRANG	11/06/2011	6D3	
4	010214				PHẠM NGỌC TRANG	30/10/2011	6D2	
5	010215				VŨ HUYỀN TRANG	02/09/2011	6D6	
6	010216				TRẦN THỊ THU TRÀ	22/09/2011	6D2	
7	010217				NGUYỄN NGỌC TRÂM	08/07/2011	6D1	
8	010218				LÊ BẢO TRÂN	04/06/2011	6D3	
9	010219				NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	05/11/2011	6D5	
10	010220				NGUYỄN MINH TRÍ	01/06/2011	6D1	
11	010221				ĐOÀN THÀNH TRUNG	15/05/2011	6D1	
12	010222				NGÔ ĐỨC TRUNG	28/02/2011	6D3	
13	010223				PHẠM THÀNH TRUNG	27/06/2011	6D3	
14	010224				NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	06/11/2011	6D2	
15	010225				NGUYỄN QUÁN THANH TRÚC	24/07/2011	6D1	
16	010226				TRẦN THỊ THANH TRÚC	06/05/2011	6D5	
17	010227				VŨ NGỌC THANH TRÚC	04/03/2011	6D4	
18	010228				NGUYỄN MINH TRƯỜNG	31/08/2011	6D6	
19	010229				VŨ VĂN TRƯỜNG	27/04/2011	6D2	
20	010230				LÊ HOÀNG TUẤN	02/08/2011	6D3	
21	010231				PHẠM ANH TUẤN	31/01/2011	6D3	
22	010232				NGUYỄN ĐỨC TÙNG	19/08/2011	6D6	
23	010233				NGUYỄN THANH TÙNG	06/05/2011	6D6	
24	010234				VŨ THANH TÙNG	21/07/2011	6D6	
25	010235				LÊ TUẤN TÚ	30/08/2011	6D5	
26	010236				HOÀNG THỊ TÚ UYÊN	02/07/2011	6D2	
27	010237				PHẠM THỊ NGỌC VÂN	19/05/2011	6D4	
28	010238				LÊ THẾ VÂN	17/12/2011	6D1	
29	010239				NGUYỄN PHAN NHẬT VI	13/12/2011	6D4	
30	010240				NGUYỄN QUỐC VIỆT	15/09/2011	6D5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010241				NGUYỄN THỊ NGỌC VIỆT	01/02/2011	6D2	
32	010242				NGUYỄN VĂN VIỆT	31/03/2011	6D5	
33	010243				NGUYỄN THÀNH VINH	11/02/2011	6D4	
34	010244				NGÔ XUÂN VŨ	12/06/2011	6D3	
35	010245				PHẠM MINH VŨ	08/02/2011	6D3	
36	010246				PHẠM MINH VŨ	09/11/2011	6D1	
37	010247				NGUYỄN VĂN VƯỢNG	29/04/2011	6D5	
38	010248				NGUYỄN BẢO YẾN	30/10/2011	6D1	
39	010249				PHẠM THỊ HẢI YẾN	09/02/2011	6D6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012001				TÔ BẢO AN	02/10/2011	6A	
2	012002				ĐỖ NGỌC ANH	25/03/2011	6A	
3	012003				HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	19/08/2011	6C	
4	012004				LÊ QUỲNH ANH	06/08/2011	6C	
5	012005				LÊ XUÂN ANH	25/01/2011	6C	
6	012006				MAI PHƯƠNG ANH	04/10/2011	6A	
7	012007				NGUYỄN CÔNG THÁI ANH	07/07/2011	6A	
8	012008				NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	07/10/2011	6C	
9	012009				NGUYỄN TRÚC LÂM ANH	16/11/2011	6A	
10	012010				NGUYỄN VIỆT ANH	06/11/2011	6A	
11	012011				TRẦN ĐỨC ANH	18/12/2011	6B	
12	012012				VÕ KIM TUẤN ANH	30/10/2011	6C	
13	012013				HOÀNG GIA BẢO	28/08/2011	6B	
14	012014				NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	06/01/2011	6A	
15	012015				ĐỒNG KHÁNH CHI	25/05/2011	6A	
16	012016				ĐỒNG THỊ QUỲNH CHI	06/04/2011	6B	
17	012017				NGUYỄN KHÁNH CHI	04/08/2011	6A	
18	012018				NGUYỄN VĂN CƯỜNG	19/09/2011	6C	
19	012019				NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	18/07/2011	6C	
20	012020				LÃ NGỌC DIỆP	16/12/2011	6C	
21	012021				TRẦN THỊ MAI DUNG	20/08/2011	6A	
22	012022				ĐẶNG QUỐC DUY	15/04/2011	6C	
23	012023				HOÀNG KỲ DUYÊN	06/08/2011	6A	
24	012024				TRẦN ĐÌNH DŨNG	17/08/2011	6A	
25	012025				TRẦN ĐÌNH ĐẠI	28/01/2011	6B	
26	012026				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/10/2011	6B	
27	012027				BÙI MINH ĐĂNG	19/04/2011	6A	
28	012028				ĐỒNG NGUYỄN HẢI ĐĂNG	04/04/2011	6B	
29	012029				ĐỖ THỊ THU GIANG	03/10/2011	6C	
30	012030				BÙI THỊ THU HÀ	30/11/2011	6C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012031				PHẠM TRẦN THANH HÀ	22/07/2011	6B	
32	012032				NGUYỄN THU HẬU	21/03/2011	6A	
33	012033				HOÀNG PHÚC HIỂN	28/12/2011	6C	
34	012034				ĐỖ NGỌC HIẾU	02/07/2011	6C	
35	012035				VŨ TRUNG HIẾU	26/05/2011	6B	
36	012036				MAI PHƯỢNG HOA	25/01/2011	6B	
37	012037				NGUYỄN MINH HỒNG	05/07/2011	6C	
38	012038				BÙI KHƯƠNG HUY	23/09/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012039				NGUYỄN ĐỨC HÙNG	30/04/2011	6A	
2	012040				NGUYỄN MINH HƯƠNG	28/02/2011	6A	
3	012041				AN MINH KHÔI	02/12/2011	6A	
4	012042				HOÀNG VIỆT KIÊN	02/01/2011	6A	
5	012043				TRẦN ĐÌNH TUẤN KIẾT	19/07/2011	6B	
6	012044				ĐỖ BẢO LAN	05/03/2011	6B	
7	012045				ĐỖ THÙY LÂM	05/12/2011	6C	
8	012046				LÊ THẾ LÂM	06/10/2011	6B	
9	012047				TRẦN TRỌNG TÙNG LÂM	26/09/2011	6C	
10	012048				ĐỒNG PHƯƠNG LINH	04/11/2011	6A	
11	012049				NGUYỄN PHƯƠNG LINH	12/05/2011	6A	
12	012050				NGUYỄN THÙY LINH	25/11/2011	6A	
13	012051				TRẦN NGỌC LINH	11/08/2011	6B	
14	012052				TRẦN THỊ KHÁNH LINH	21/12/2011	6B	
15	012053				TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	15/05/2011	6A	
16	012054				VŨ DIỆU LINH	06/01/2011	6C	
17	012055				ĐẶNG NGỌC LONG	23/07/2011	6A	
18	012056				NGUYỄN BẢO LỘC	25/02/2011	6A	
19	012057				ĐỖ THỊ DIỆU LY	07/11/2011	6B	
20	012058				BÙI QUỲNH MAI	01/08/2011	6C	
21	012059				PHẠM XUÂN MAI	20/04/2011	6B	
22	012060				NGUYỄN BÌNH MINH	20/07/2011	6A	
23	012061				NGUYỄN ĐỨC MINH	03/06/2011	6A	
24	012062				ĐẶNG TRANG MY	30/07/2011	6B	
25	012063				NGUYỄN THẢO MY	05/05/2011	6C	
26	012064				NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	21/03/2011	6C	
27	012065				NGUYỄN VĂN NGHĨA	17/04/2011	6C	
28	012066				LÊ VƯƠNG BẢO NGỌC	14/08/2011	6C	
29	012067				NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	07/08/2011	6B	
30	012068				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	26/11/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012069				NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	24/10/2011	6C	
32	012070				PHẠM YẾN NHI	23/02/2011	6A	
33	012071				VŨ THỊ BẢO NHI	26/07/2011	6C	
34	012072				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	16/03/2011	6A	
35	012073				NGUYỄN THẾ PHONG	13/11/2011	6C	
36	012074				PHẠM THIÊN PHÚ	20/06/2011	6B	
37	012075				BÙI SINH PHÚC	11/07/2011	6C	
38	012076				NGUYỄN KHẮC PHÚC	08/09/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012077				PHẠM THIÊN PHÚC	15/06/2011	6B	
2	012078				VŨ BÁ PHÚC	14/09/2011	6C	
3	012079				ĐOÀN TRẦN NGÂN PHƯƠNG	19/02/2011	6A	
4	012080				ĐỖ THỊ PHƯƠNG	24/11/2011	6C	
5	012081				PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	12/10/2011	6A	
6	012082				HOÀNG VIỆT QUANG	15/10/2011	6A	
7	012083				NGUYỄN MINH QUANG	20/03/2011	6B	
8	012084				TRẦN MẠNH QUÂN	03/09/2011	6B	
9	012085				LÊ NHƯ QUỲNH	27/07/2011	6B	
10	012086				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	27/09/2011	6B	
11	012087				NGUYỄN NGỌC SƠN	29/10/2011	6A	
12	012088				LÊ ĐỨC TÀI	15/11/2011	6B	
13	012089				ĐỖ THỊ TÂM	11/06/2011	6A	
14	012090				NGUYỄN THỊ TÂM	15/09/2011	6A	
15	012091				ĐỖ CHÍ THANH	19/06/2011	6B	
16	012092				ĐỒNG ĐỨC THÀNH	14/05/2011	6A	
17	012093				TRỊNH PHƯƠNG THẢO	20/09/2011	6A	
18	012094				NGUYỄN THU THỦY	08/06/2011	6B	
19	012095				PHẠM THANH THƯƠNG	20/11/2011	6B	
20	012096				NGUYỄN VIỆT TIẾN	06/05/2011	6B	
21	012097				TRẦN TRỌNG TIẾN	29/05/2011	6B	
22	012098				PHẠM HUYỀN TRANG	26/09/2011	6C	
23	012099				PHẠM TRẦN KHÁNH TRANG	20/06/2011	6B	
24	012100				TRẦN QUỲNH TRANG	23/06/2011	6B	
25	012101				VŨ THU TRANG	03/07/2011	6B	
26	012102				NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	23/04/2011	6A	
27	012103				NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/11/2011	6C	
28	012104				BÙI KHẢI TUẤN	12/05/2011	6B	
29	012105				ĐỒNG THANH TÙNG	20/12/2011	6C	
30	012106				ĐỖ THANH TÙNG	09/11/2011	6C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012107				NGUYỄN MINH TÚ	09/10/2011	6C	
32	012108				TRẦN THỊ NHÃ UYÊN	13/09/2011	6B	
33	012109				NGUYỄN MINH VŨ	14/04/2011	6A	
34	012110				NGUYỄN MAI VY	28/02/2011	6C	
35	012111				NGUYỄN NGỌC HÀ VY	16/06/2011	6B	
36	012112				TRẦN KIM YẾN	06/01/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002001				BÙI HOÀNG KHÁNH AN	06/11/2011	6A6	
2	002002				ĐÀO HOÀNG AN	16/11/2011	6A7	
3	002003				NGHIÊM NGỌC THỤY AN	02/10/2011	6A8	
4	002004				NGUYỄN AN AN	31/03/2011	6A6	
5	002005				BÙI ĐỨC ANH	30/07/2011	6A1	
6	002006				BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	08/04/2011	6A7	
7	002007				DIỆP THỊ XUÂN ANH	19/01/2011	6A2	
8	002008				DƯƠNG QUỲNH ANH	09/08/2011	6A7	
9	002009				ĐÀO QUỲNH ANH	31/07/2011	6A4	
10	002010				ĐINH NGỌC ANH	03/01/2011	6A3	
11	002011				ĐỖ ĐỨC ANH	27/11/2011	6A7	
12	002012				ĐỖ PHƯƠNG ANH	06/04/2011	6A6	
13	002013				ĐỖ QUỲNH ANH	12/07/2011	6A5	
14	002014				LÊ HÀ VY ANH	30/03/2011	6A6	
15	002015				NGUYỄN CHÂU ANH	25/01/2011	6A7	
16	002016				NGUYỄN ĐỨC ANH	05/12/2011	6A8	
17	002017				NGUYỄN HÀ ANH	21/04/2011	6A7	
18	002018				NGUYỄN HẢI ANH	16/10/2011	6A4	
19	002019				NGUYỄN HOÀNG ANH	20/04/2011	6A4	
20	002020				NGUYỄN HOÀNG ANH	19/08/2011	6A3	
21	002021				NGUYỄN MINH ANH	23/08/2011	6A5	
22	002022				NGUYỄN QUỐC ANH	24/11/2011	6A4	
23	002023				NGUYỄN THỊ LAN ANH	18/03/2011	6A7	
24	002024				NGUYỄN THỊ MINH ANH	21/09/2011	6A5	
25	002025				NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	18/08/2011	6A3	
26	002026				NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	24/11/2011	6A2	
27	002027				NGUYỄN TRÂM ANH	10/07/2011	6A2	
28	002028				NGUYỄN TRUNG ANH	21/10/2011	6A7	
29	002029				PHẠM ĐỨC ANH	29/08/2011	6A2	
30	002030				PHẠM NGUYỄN ĐỨC ANH	21/06/2011	6A5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002031				PHẠM THỊ NGỌC ANH	30/12/2011	6A1	
32	002032				PHẠM THỊ VÂN ANH	03/01/2011	6A2	
33	002033				PHẠM TÚ ANH	28/11/2011	6A1	
34	002034				TỔNG THỊ QUỲNH ANH	04/07/2011	6A5	
35	002035				TRẦN ĐỨC ANH	04/07/2011	6A6	
36	002036				TRẦN HÀ ANH	27/01/2011	6A5	
37	002037				TRẦN THỊ LAN ANH	01/01/2011	6A7	
38	002038				TRẦN THỊ TÚ ANH	14/07/2011	6A8	
39	002039				TRẦN VIỆT ANH	11/06/2011	6A7	
40	002040				VŨ HOÀI ANH	20/01/2011	6A8	
41	002041				VŨ NGỌC ANH	12/01/2011	6A1	
42	002042				VŨ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	01/07/2011	6A8	
43	002043				VŨ PHƯƠNG ANH	30/04/2011	6A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002044				VŨ THỊ MAI ANH	04/08/2011	6A3	
2	002045				VŨ VIỆT ANH	24/02/2011	6A7	
3	002046				VŨ VIỆT ANH	22/12/2011	6A3	
4	002047				LƯƠNG THỊ NGUYỆT ÁNH	07/02/2011	6A3	
5	002048				LÊ QUANG ÂN	01/01/2011	6A7	
6	002049				HOÀNG GIA BÁCH	21/03/2011	6A5	
7	002050				LÊ TRỌNG HOÀNG BÁCH	25/07/2011	6A8	
8	002051				NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	05/08/2011	6A5	
9	002052				ĐOÀN NGUYỄN BÌNH	07/06/2011	6A8	
10	002053				NGUYỄN THỊ AN BÌNH	03/08/2011	6A7	
11	002054				TRẦN ĐỨC BÌNH	14/11/2011	6A7	
12	002055				BÙI MINH CHÂU	29/12/2011	6A7	
13	002056				LÊ MINH CHÂU	23/02/2011	6A2	
14	002057				NGUYỄN TẮT BẢO CHÂU	04/10/2011	6A3	
15	002058				VŨ ĐÀO MINH CHÂU	03/11/2011	6A2	
16	002059				PHẠM KHÁNH CHI	26/03/2011	6A1	
17	002060				GONG CHÍNH	28/01/2011	6A4	
18	002061				HOÀNG ĐỨC CHUNG	19/06/2011	6A6	
19	002062				ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	23/09/2011	6A3	
20	002063				NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	20/10/2011	6A6	
21	002064				ĐỖ NGỌC DIỆP	26/11/2011	6A3	
22	002065				LÊ NGỌC DIỆP	24/10/2011	6A7	
23	002066				NGUYỄN NGỌC DIỆP	01/09/2011	6A7	
24	002067				PHẠM BÁCH DIỆP	01/11/2011	6A6	
25	002068				ĐỖ KHÁNH DUY	09/07/2011	6A7	
26	002069				ĐẶNG TIẾN DŨNG	24/08/2011	6A3	
27	002070				NGUYỄN MẠNH DŨNG	03/03/2011	6A1	
28	002071				NGUYỄN TUẤN DŨNG	13/01/2011	6A7	
29	002072				NGUYỄN TUẤN DŨNG	11/02/2011	6A8	
30	002073				NGUYỄN VĂN TRUNG DŨNG	01/09/2011	6A8	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002074				NGUYỄN VIỆT DŨNG	22/10/2011	6A4	
32	002075				PHẠM QUANG DŨNG	25/08/2011	6A5	
33	002076				TRẦN TẤN DŨNG	15/12/2011	6A5	
34	002077				ĐỖ TÙNG DƯƠNG	17/09/2010	6A4	
35	002078				LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	01/06/2011	6A7	
36	002079				LÊ THÙY DƯƠNG	03/06/2011	6A5	
37	002080				LÊ THÙY DƯƠNG	11/12/2011	6A7	
38	002081				LÊ TÙNG DƯƠNG	12/10/2011	6A2	
39	002082				NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	02/12/2011	6A8	
40	002083				NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	29/06/2011	6A1	
41	002084				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	16/03/2011	6A3	
42	002085				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	02/07/2011	6A5	
43	002086				TRẦN PHẠM KHÁNH DƯƠNG	01/01/2011	6A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002087				VŨ ĐẶNG THÙY DƯƠNG	17/09/2011	6A6	
2	002088				VŨ ĐÌNH DƯƠNG	22/04/2011	6A2	
3	002089				VŨ ĐỨC DƯƠNG	09/02/2011	6A1	
4	002090				VŨ THÁI DƯƠNG	20/08/2011	6A4	
5	002091				ĐÌNH TIẾN ĐẠT	15/08/2011	6A3	
6	002092				ĐỖ THÀNH ĐẠT	21/02/2011	6A7	
7	002093				LUYỆN TIẾN ĐẠT	28/01/2011	6A7	
8	002094				NGUYỄN HỮU ĐẠT	02/07/2011	6A8	
9	002095				BÙI MINH ĐĂNG	17/09/2011	6A2	
10	002096				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	13/03/2011	6A7	
11	002097				ĐỖ PHÚC DIỄN	30/05/2011	6A6	
12	002098				NGUYỄN NGỌC THẢO DIỆP	03/06/2011	6A6	
13	002099				BÙI ĐỨC ĐƯỢC	11/11/2011	6A5	
14	002100				ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC	28/03/2011	6A2	
15	002101				LÊ ANH ĐỨC	24/05/2011	6A5	
16	002102				NGUYỄN ANH ĐỨC	06/04/2011	6A6	
17	002103				NGUYỄN ANH ĐỨC	27/08/2011	6A4	
18	002104				NGUYỄN PHƯƠNG ĐỨC	25/05/2011	6A8	
19	002105				PHẠM VĂN ĐỨC	12/08/2011	6A1	
20	002106				ĐOÀN HƯƠNG GIANG	17/12/2011	6A3	
21	002107				LÊ HƯƠNG GIANG	22/03/2011	6A8	
22	002108				TRẦN HƯƠNG GIANG	01/06/2011	6A5	
23	002109				ĐỖ THANH HÀ	11/11/2011	6A3	
24	002110				LƯU NGỌC HÀ	03/06/2011	6A6	
25	002111				NGUYỄN HOÀNG HÀ	18/03/2011	6A8	
26	002112				NGUYỄN LƯU THANH HÀ	22/07/2011	6A8	
27	002113				NGUYỄN PHAN THÁI HÀ	18/02/2011	6A6	
28	002114				NGUYỄN THỊ MINH HÀ	21/02/2011	6A8	
29	002115				VŨ NGỌC HÀ	21/10/2011	6A4	
30	002116				PHẠM GIA HÀO	11/04/2011	6A6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002117				ĐẶNG HÀ HẢI	18/06/2011	6A1	
32	002118				NGUYỄN HỒNG HẢI	08/10/2011	6A5	
33	002119				PHẠM ĐỨC HẢI	02/05/2011	6A3	
34	002120				PHẠM HUY HẢI	24/10/2011	6A7	
35	002121				NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	21/09/2011	6A4	
36	002122				TRẦN NGỌC HÂN	01/02/2011	6A1	
37	002123				ĐỖ THANH HẰNG	01/12/2011	6A6	
38	002124				NGUYỄN NHẬT MINH HẰNG	08/05/2011	6A1	
39	002125				NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/2011	6A1	
40	002126				ĐÀO MINH HIẾU	27/07/2011	6A2	
41	002127				ĐINH QUANG HIẾU	24/09/2011	6A1	
42	002128				ĐINH TRUNG HIẾU	24/12/2011	6A4	
43	002129				PHẠM LÊ ĐỨC HIẾU	02/04/2011	6A8	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002130				PHẠM XUÂN HIẾU	02/05/2011	6A1	
2	002131				TRẦN MINH HIẾU	11/02/2011	6A6	
3	002132				VŨ MINH HIẾU	07/07/2011	6A5	
4	002133				NGUYỄN VIỆT HOÀNG	13/10/2011	6A7	
5	002134				VŨ VIỆT HOÀNG	07/04/2011	6A2	
6	002135				NGUYỄN PHAN THÁI HÒA	28/10/2011	6A8	
7	002136				BÙI QUANG HUY	29/08/2011	6A2	
8	002137				ĐOÀN ĐỨC HUY	17/02/2011	6A5	
9	002138				ĐỖ AN HUY	02/10/2011	6A3	
10	002139				ĐỖ GIA HUY	19/09/2011	6A5	
11	002140				ĐỖ HOÀNG HUY	26/07/2011	6A2	
12	002141				ĐỖ QUANG HUY	21/06/2011	6A5	
13	002142				LÊ PHẠM GIA HUY	31/05/2011	6A5	
14	002143				LƯƠNG GIA HUY	27/04/2011	6A4	
15	002144				NGUYỄN GIA HUY	07/06/2011	6A5	
16	002145				NGUYỄN GIA HUY	17/12/2011	6A5	
17	002146				NGUYỄN TRỌNG ĐỨC HUY	30/10/2011	6A5	
18	002147				PHẠM MINH HUY	19/04/2011	6A4	
19	002148				TRẦN GIA HUY	08/05/2011	6A7	
20	002149				VŨ QUANG HUY	06/12/2011	6A5	
21	002150				NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	07/01/2011	6A6	
22	002151				NGUYỄN MINH HUYỀN	04/12/2011	6A2	
23	002152				VŨ KHÁNH HUYỀN	02/09/2011	6A6	
24	002153				NGUYỄN DUY HÙNG	14/08/2011	6A3	
25	002154				ĐÀO QUỲNH HƯƠNG	22/01/2011	6A2	
26	002155				LÝ THU HƯƠNG	11/07/2011	6A2	
27	002156				NGUYỄN MINH PHÚC KHANG	07/04/2011	6A1	
28	002157				TRẦN HUY KHANG	28/07/2011	6A6	
29	002158				ĐỖ MINH QUANG KHẢI	06/02/2011	6A7	
30	002159				ĐOÀN GIA KHÁNH	24/09/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002160				HOÀNG MINH KHÁNH	29/03/2011	6A7	
32	002161				HOÀNG NAM KHÁNH	02/02/2011	6A7	
33	002162				NGUYỄN ĐĂNG NAM KHÁNH	03/05/2011	6A6	
34	002163				NGUYỄN GIA KHÁNH	23/03/2011	6A6	
35	002164				NGUYỄN NAM KHÁNH	05/08/2011	6A4	
36	002165				NGUYỄN NGỌC KHÁNH	29/11/2011	6A6	
37	002166				NGUYỄN THỊ NGÂN KHÁNH	19/09/2011	6A7	
38	002167				PHẠM BẢO KHÁNH	01/05/2011	6A2	
39	002168				PHẠM LÊ BẢO KHÁNH	19/08/2011	6A7	
40	002169				PHẠM PHÚC KHÁNH	28/11/2011	6A6	
41	002170				VÕ TUẤN DUY KHÁNH	01/10/2011	6A3	
42	002171				NGUYỄN MINH KHIÊM	04/10/2011	6A7	
43	002172				PHẠM GIA KHIÊM	04/12/2011	6A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002173				ĐOÀN MINH KHOA	12/08/2011	6A1	
2	002174				PHẠM MINH KHOA	03/09/2011	6A2	
3	002175				CAO VĂN KIÊN	05/11/2011	6A6	
4	002176				PHẠM ĐỨC KIÊN	15/11/2011	6A8	
5	002177				ĐẶNG QUANG GIA KIẾT	17/10/2011	6A2	
6	002178				LÊ TUẤN KIẾT	04/02/2011	6A6	
7	002179				NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG LÂM	17/01/2011	6A4	
8	002180				NGUYỄN TƯỜNG LÂM	11/12/2011	6A4	
9	002181				CAO NGỌC PHƯƠNG LINH	23/08/2011	6A2	
10	002182				ĐOÀN THỊ KHÁNH LINH	05/11/2011	6A5	
11	002183				ĐOÀN TRỊNH MAI LINH	19/10/2011	6A8	
12	002184				ĐỖ THỊ THÙY LINH	09/09/2011	6A3	
13	002185				LƯU THÙY LINH	05/05/2011	6A5	
14	002186				NGÔ HOÀNG BẢO LINH	10/12/2011	6A8	
15	002187				NGUYỄN HÀ LINH	15/04/2011	6A8	
16	002188				NGUYỄN HÀ LINH	29/05/2011	6A7	
17	002189				NGUYỄN HÀ PHƯƠNG LINH	14/11/2011	6A3	
18	002190				NGUYỄN KHÁNH LINH	31/10/2011	6A3	
19	002191				NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	28/06/2011	6A8	
20	002192				NGUYỄN NGỌC HẢI LINH	21/11/2011	6A8	
21	002193				NGUYỄN PHẠM DIỆU LINH	26/06/2011	6A8	
22	002194				NGUYỄN THÙY LINH	08/10/2011	6A2	
23	002195				PHẠM PHƯƠNG LINH	27/04/2011	6A5	
24	002196				PHẠM PHƯƠNG HÀ LINH	04/07/2011	6A8	
25	002197				VŨ MAI LINH	14/10/2011	6A6	
26	002198				LÊ HẢI LONG	15/08/2011	6A1	
27	002199				NGUYỄN HOÀNG LONG	01/08/2011	6A4	
28	002200				NGUYỄN HOÀNG NHẬT LONG	30/06/2011	6A3	
29	002201				NGUYỄN THÀNH LUÂN	12/01/2011	6A8	
30	002202				LÊ THỊ KHÁNH LY	29/01/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002203				NGUYỄN LƯU LY	20/01/2011	6A5	
32	002204				ĐÀO TUYẾT MAI	31/01/2011	6A8	
33	002205				ĐẶNG PHƯƠNG MAI	04/07/2011	6A1	
34	002206				LÊ THỊ BAN MAI	25/07/2011	6A6	
35	002207				NGÔ PHƯƠNG MAI	06/05/2011	6A2	
36	002208				NGUYỄN THANH MAI	10/08/2011	6A7	
37	002209				NGUYỄN DUY MẠNH	19/10/2011	6A3	
38	002210				ĐINH TRIỆU Mẫn	14/01/2011	6A7	
39	002211				CAO ANH MINH	14/08/2011	6A4	
40	002212				DƯ THÀNH MINH	30/09/2011	6A5	
41	002213				ĐỖ TƯỜNG MINH	17/06/2011	6A3	
42	002214				HOÀNG ANH MINH	27/11/2011	6A4	
43	002215				LÊ PHƯƠNG MINH	28/11/2011	6A7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002216				NGÔ ĐỨC NHẬT MINH	27/12/2011	6A3	
2	002217				NGUYỄN CÔNG MINH	27/09/2011	6A7	
3	002218				NGUYỄN HẢI MINH	12/07/2011	6A3	
4	002219				NGUYỄN TIẾN MINH	07/09/2011	6A2	
5	002220				NGUYỄN XUÂN MINH	31/07/2011	6A4	
6	002221				TẠ ĐỨC MINH	16/08/2011	6A3	
7	002222				TRẦN HẢI MINH	07/03/2011	6A1	
8	002223				VŨ HỒNG MINH	20/11/2011	6A1	
9	002224				VŨ NHẬT MINH	10/05/2011	6A2	
10	002225				PHẠM HÀ MY	23/07/2011	6A6	
11	002226				NGUYỄN VŨ AN NA	06/01/2011	6A3	
12	002227				ĐINH BẢO NAM	13/09/2011	6A1	
13	002228				LÊ NGỌC NAM	18/05/2011	6A5	
14	002229				ĐINH THỊ THÚY NGÀ	27/10/2011	6A6	
15	002230				NGUYỄN HIỀN NGÀ	13/03/2011	6A7	
16	002231				PHÙNG THỊ PHƯƠNG NGÀ	29/12/2011	6A2	
17	002232				NGUYỄN BẢO NGỌC	03/04/2011	6A8	
18	002233				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/02/2011	6A1	
19	002234				NGUYỄN KHÁNH BẢO NGỌC	22/05/2011	6A8	
20	002235				PHẠM BẢO NGỌC	09/05/2011	6A4	
21	002236				PHẠM MINH NGỌC	20/09/2011	6A8	
22	002237				TRẦN LÃNH LONG NGỌC	30/11/2011	6A4	
23	002238				VŨ BẢO NGỌC	19/11/2011	6A2	
24	002239				VŨ ĐỨC NGỌC	03/01/2011	6A7	
25	002240				VŨ MINH NGỌC	20/06/2011	6A8	
26	002241				NGUYỄN VĂN BẢO NGUYỄN	10/09/2011	6A1	
27	002242				CAO MINH NGUYỆT	02/06/2011	6A7	
28	002243				CHUNG THIÊN NHÂN	25/07/2011	6A1	
29	002244				CHU PHƯƠNG NHI	15/01/2011	6A5	
30	002245				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/12/2011	6A4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002246				VŨ UYÊN NHI	25/03/2011	6A1	
32	002247				BÙI THÀNH PHÁT	09/03/2011	6A3	
33	002248				HOÀNG TẤN PHÁT	19/09/2011	6A8	
34	002249				NGUYỄN HẢI PHONG	12/09/2011	6A1	
35	002250				NGUYỄN THIÊN PHONG	06/07/2011	6A2	
36	002251				TRẦN DUY PHONG	25/09/2011	6A6	
37	002252				VŨ HIỂU PHONG	29/06/2011	6A1	
38	002253				HÀ ÂN HẢI PHÚ	27/07/2011	6A4	
39	002254				THÁI ĐĂNG THIÊN PHÚ	02/11/2011	6A2	
40	002255				NGUYỄN THÀNH PHÚC	08/09/2011	6A8	
41	002256				PHẠM BÁ THIÊN PHÚC	21/08/2011	6A3	
42	002257				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	06/01/2011	6A8	
43	002258				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	27/08/2011	6A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002259				NGUYỄN VŨ MINH PHƯƠNG	14/01/2011	6A3	
2	002260				NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	29/11/2011	6A1	
3	002261				PHẠM MAI PHƯƠNG	09/06/2011	6A6	
4	002262				TRẦN MAI PHƯƠNG	19/09/2011	6A3	
5	002263				VŨ BÍCH PHƯƠNG	02/10/2011	6A5	
6	002264				ĐOÀN PHÚ MINH QUANG	25/07/2011	6A3	
7	002265				HOÀNG BÙI MINH QUANG	19/09/2011	6A1	
8	002266				NGUYỄN ĐOÀN MINH QUANG	24/07/2011	6A3	
9	002267				NGUYỄN THẾ DUY QUANG	29/07/2011	6A2	
10	002268				PHẠM MINH QUÂN	23/09/2011	6A4	
11	002269				VŨ HOÀNG TRUNG QUÂN	01/12/2011	6A2	
12	002270				ĐỖ LÂM QUẾ	29/09/2011	6A3	
13	002271				ĐÀO THÚY QUỲNH	15/04/2011	6A2	
14	002272				LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	28/09/2011	6A2	
15	002273				TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	08/08/2011	6A1	
16	002274				DƯƠNG ĐỨC SƠN	07/07/2011	6A8	
17	002275				PHẠM BẢO SƠN	04/04/2011	6A7	
18	002276				VŨ THẾ SƠN	24/02/2011	6A7	
19	002277				HÀ NGỌC THANH TÂM	07/02/2011	6A8	
20	002278				KHÔNG TUỆ TÂM	26/06/2011	6A1	
21	002279				TRẦN THỊ MỸ TÂM	09/08/2011	6A6	
22	002280				ĐỖ THỊ MAI THANH	19/02/2011	6A2	
23	002281				VŨ ÁI MAI THANH	07/09/2011	6A5	
24	002282				ĐOÀN GIA THÀNH	12/03/2011	6A6	
25	002283				TÔ TUẤN THÀNH	29/01/2011	6A7	
26	002284				VŨ TỰ KIM THÀNH	16/10/2011	6A5	
27	002285				BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	23/08/2011	6A1	
28	002286				LÊ THANH THẢO	11/04/2011	6A5	
29	002287				LŨU PHƯƠNG THẢO	25/01/2011	6A8	
30	002288				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	27/02/2011	6A8	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002289				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/08/2011	6A2	
32	002290				NGUYỄN THU THẢO	03/09/2011	6A7	
33	002291				PHẠM PHƯƠNG THẢO	15/06/2011	6A1	
34	002292				PHẠM THỊ THANH THẢO	02/05/2011	6A4	
35	002293				HOÀNG QUỐC THÁI	24/10/2011	6A8	
36	002294				NGUYỄN HỒNG THÁI	30/01/2011	6A4	
37	002295				VŨ VĂN THẾ	22/09/2011	6A3	
38	002296				PHẠM HỮU BẢO THIÊN	13/08/2010	6A4	
39	002297				NGUYỄN NHẬT THIỆN	26/02/2011	6A8	
40	002298				NGUYỄN THỊ THU	07/05/2011	6A8	
41	002299				LÊ THANH THƯ	14/08/2011	6A3	
42	002300				NGUYỄN ANH THƯ	29/01/2011	6A2	
43	002301				NGUYỄN THỊ ANH THƯ	06/12/2011	6A7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002302				NGUYỄN THỊ NGÂN THƯƠNG	28/12/2011	6A4	
2	002303				ĐỖ VŨ MẠNH TIẾN	16/08/2011	6A3	
3	002304				NGUYỄN MINH TIẾN	03/11/2011	6A5	
4	002305				NGUYỄN MINH TIẾN	12/12/2011	6A3	
5	002306				PHẠM HUY TIẾN	03/06/2011	6A7	
6	002307				VŨ MẠNH TIẾN	20/10/2011	6A4	
7	002308				NGUYỄN HỮU TỈNH	01/08/2011	6A4	
8	002309				ĐẶNG HÀ TRANG	15/02/2011	6A2	
9	002310				HOÀNG UYÊN TRANG	17/01/2011	6A1	
10	002311				NGUYỄN LANG THÙY TRANG	02/11/2011	6A5	
11	002312				NGUYỄN SINH KIỀU TRANG	08/07/2011	6A1	
12	002313				TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	04/12/2011	6A6	
13	002314				NGUYỄN THU TRÀ	14/10/2011	6A8	
14	002315				NGUYỄN NGỌC TRÂN	27/06/2011	6A2	
15	002316				NGÔ PHƯƠNG TRINH	21/11/2011	6A8	
16	002317				BÙI XUÂN TRƯỜNG	28/07/2011	6A1	
17	002318				LÊ THIÊN TRƯỜNG	29/05/2011	6A3	
18	002319				NGUYỄN MINH TUẤN	22/11/2011	6A7	
19	002320				NGUYỄN ĐÌNH TUYÊN	08/08/2011	6A3	
20	002321				NGUYỄN HOÀNG TÙNG	04/06/2011	6A1	
21	002322				LÊ MINH TÚ	02/07/2011	6A6	
22	002323				NGUYỄN ANH TÚ	05/06/2011	6A3	
23	002324				NGUYỄN ANH TÚ	25/06/2011	6A4	
24	002325				NGUYỄN CẨM TÚ	06/02/2011	6A8	
25	002326				NGUYỄN TUẤN TÚ	04/03/2011	6A1	
26	002327				NGUYỄN TUẤN TÚ	28/11/2011	6A6	
27	002328				ĐỖ TỔ UYÊN	14/02/2011	6A6	
28	002329				KHÚC NGUYỄN TỔ UYÊN	25/06/2011	6A6	
29	002330				NGUYỄN HÀ UYÊN	09/12/2011	6A3	
30	002331				TRỊNH TÚ UYÊN	08/09/2011	6A8	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002332				VŨ ĐÌNH VĂN	24/02/2011	6A1	
32	002333				BÙI TƯỜNG VI	09/03/2011	6A8	
33	002334				BÙI ĐỨC VIỆT	11/01/2011	6A2	
34	002335				HOÀNG QUỐC VIỆT	08/05/2011	6A6	
35	002336				ĐINH THỊ TƯỜNG VY	24/06/2011	6A1	
36	002337				NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VY	20/04/2011	6A7	
37	002338				NGUYỄN THẢO VY	15/06/2011	6A2	
38	002339				NGUYỄN THẢO VY	28/11/2011	6A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001001				BÙI QUỲNH ANH	13/06/2011	6C	
2	001002				ĐÀO ĐỨC ANH	07/11/2011	6H	
3	001003				ĐÀO HUY ANH	26/03/2010	6B	
4	001004				ĐỖ QUỲNH ANH	13/10/2011	6E	
5	001005				KHỔNG THỊ HẢI ANH	22/07/2011	6A	
6	001006				LẠI THỊ MAI ANH	01/12/2011	6H	
7	001007				LÊ BẢO ANH	11/05/2011	6H	
8	001008				LÊ ĐỨC ANH	21/08/2011	6A	
9	001009				NGÔ MAI ANH	18/09/2011	6E	
10	001010				NGUYỄN HÀ ANH	26/11/2011	6H	
11	001011				NGUYỄN HÀ DIỆP ANH	23/01/2011	6E	
12	001012				NGUYỄN MỸ ANH	19/11/2011	6C	
13	001013				NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	06/02/2011	6A	
14	001014				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	13/05/2011	6H	
15	001015				PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	19/12/2011	6H	
16	001016				TRỊNH BẢO ANH	20/11/2011	6D	
17	001017				BÙI HOÀNG GIA BẢO	13/10/2011	6E	
18	001018				HOÀNG QUỐC BẢO	06/10/2011	6C	
19	001019				NGÔ GIA BẢO	17/11/2011	6B	
20	001020				VŨ GIA BẢO	13/02/2011	6E	
21	001021				NGUYỄN TRỌNG BÁCH	08/12/2011	6H	
22	001022				NGUYỄN NGỌC BÍCH	11/11/2011	6H	
23	001023				HOÀNG THỊ BẢO CHÂM	12/08/2011	6E	
24	001024				PHẠM MINH CHÂU	18/09/2011	6H	
25	001025				MAI DIỆP CHI	15/07/2011	6E	
26	001026				PHẠM TRẦN KHÁNH CHI	06/07/2011	6A	
27	001027				TRẦN LÊ BẢO CHI	07/02/2011	6B	
28	001028				TRẦN QUỲNH CHI	05/03/2011	6E	
29	001029				VŨ MAI CHI	21/03/2011	6B	
30	001030				TRẦN BẢO CHIẾN	03/09/2011	6E	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001031				ĐẶNG PHÚ CƯỜNG	14/03/2011	6E	
32	001032				ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	07/04/2011	6B	
33	001033				NGUYỄN BÍCH DIỆP	07/10/2011	6C	
34	001034				NGUYỄN NGỌC DIỆP	18/07/2011	6B	
35	001035				NGUYỄN NGỌC DIỆP	06/10/2011	6A	
36	001036				NGUYỄN NGỌC DIỆP	12/10/2011	6C	
37	001037				NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG DUNG	15/02/2011	6B	
38	001038				NGUYỄN ĐÌNH DUY	08/04/2011	6C	
39	001039				NGUYỄN KHÁNH DUY	28/06/2011	6C	
40	001040				NGUYỄN LÊ ANH DUY	27/11/2011	6E	
41	001041				TRẦN QUANG DUY	12/10/2010	6E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001042				NGUYỄN TUẤN DŨNG	02/11/2011	6H	
2	001043				VŨ MẠNH DŨNG	21/11/2011	6C	
3	001044				NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	11/06/2011	6C	
4	001045				NGUYỄN THỊ KHÁNH DƯƠNG	07/01/2011	6A	
5	001046				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	04/06/2011	6D	
6	001047				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	18/07/2011	6C	
7	001048				TRẦN ĐỨC DƯƠNG	17/06/2011	6C	
8	001049				TRẦN THÁI DƯƠNG	02/09/2011	6B	
9	001050				VŨ PHẠM THÙY DƯƠNG	03/05/2011	6A	
10	001051				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	17/08/2011	6B	
11	001052				PHẠM TIẾN ĐẠT	03/09/2011	6H	
12	001053				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	14/07/2011	6C	
13	001054				NGUYỄN MINH ĐĂNG	23/10/2011	6C	
14	001055				MAI TRẦN THÀNH ĐỨC	15/05/2011	6D	
15	001056				NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	21/10/2011	6H	
16	001057				PHÙNG TRUNG ĐỨC	15/11/2011	6E	
17	001058				TRẦN NHÂN ĐỨC	25/08/2011	6H	
18	001059				ĐÀO HƯƠNG GIANG	23/01/2011	6C	
19	001060				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	25/03/2011	6B	
20	001061				ĐẶNG QUANG HÀ	08/02/2011	6B	
21	001062				NGUYỄN MINH HÀ	17/03/2011	6B	
22	001063				NGUYỄN NGỌC HÀ	06/09/2011	6C	
23	001064				PHẠM THU HÀ	20/04/2010	6A	
24	001065				VŨ NGỌC HÀ	17/02/2011	6B	
25	001066				NGUYỄN HOÀNG HẢI	05/08/2011	6B	
26	001067				PHẠM PHÚ HẢI	18/09/2011	6H	
27	001068				HOÀNG PHƯƠNG HẠNH	21/07/2011	6B	
28	001069				LÊ BẢO HÂN	24/10/2011	6C	
29	001070				NGUYỄN GIA HÂN	03/07/2011	6E	
30	001071				VŨ MINH HẰNG	03/04/2011	6B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001072				NGUYỄN XUÂN HIỂN	20/11/2011	6D	
32	001073				PHẠM VINH HIỂN	08/05/2011	6E	
33	001074				BẠCH TRUNG HIẾU	29/11/2011	6A	
34	001075				BÙI TRUNG HIẾU	10/02/2010	6B	
35	001076				NGUYỄN MINH HIẾU	12/05/2011	6B	
36	001077				PHẠM CÔNG HIẾU	11/05/2011	6E	
37	001078				PHẠM GIA HIẾU	10/08/2011	6H	
38	001079				TRẦN TRUNG HIẾU	23/11/2011	6B	
39	001080				PHẠM HỮU HIỆU	13/02/2011	6C	
40	001081				BÙI THỊ THANH HOA	26/02/2011	6D	
41	001082				NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	09/12/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001083				NGUYỄN PHAN HOÀNG	08/11/2011	6D	
2	001084				NGUYỄN PHẠM BẢO HOÀNG	16/12/2011	6C	
3	001085				PHẠM MINH HOÀNG	27/11/2011	6B	
4	001086				NGUYỄN THỊ HỒNG	06/07/2011	6D	
5	001087				ĐẶNG VĂN HUỆ	21/03/2011	6H	
6	001088				CAO ĐỨC HUY	10/06/2011	6B	
7	001089				ĐÀO LÊ NHẬT HUY	09/08/2011	6D	
8	001090				NGUYỄN GIA HUY	28/08/2011	6B	
9	001091				NGUYỄN GIA HUY	19/12/2011	6D	
10	001092				VŨ GIA HUY	29/09/2011	6H	
11	001093				VŨ XUÂN HUY	23/03/2011	6A	
12	001094				NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	02/08/2011	6D	
13	001095				NGUYỄN TUẤN HÙNG	07/07/2011	6A	
14	001096				PHƯƠNG VĂN HÙNG	14/03/2011	6D	
15	001097				ĐỖ THÀNH HÙNG	05/08/2011	6D	
16	001098				NGUYỄN HUY HÙNG	29/01/2011	6A	
17	001099				LÊ HOÀNG KHANG	12/11/2011	6D	
18	001100				PHAN KHANG	24/08/2011	6D	
19	001101				PHẠM MINH KHANG	05/11/2011	6A	
20	001102				NGUYỄN TUẤN KHẢI	16/03/2011	6H	
21	001103				ĐOÀN MINH KHÁNH	05/08/2011	6B	
22	001104				MAI VŨ VIỆT KHÁNH	11/07/2010	6A	
23	001105				NGUYỄN GIA KHÁNH	23/05/2011	6H	
24	001106				NGUYỄN NAM KHÁNH	20/08/2011	6D	
25	001107				NGUYỄN NHẬT KHÁNH	13/10/2011	6B	
26	001108				NGUYỄN ĐỨC KIÊN	14/04/2011	6E	
27	001109				NGUYỄN TUẤN KIỆT	24/01/2011	6E	
28	001110				TRẦN TUẤN KIỆT	29/10/2011	6A	
29	001111				HÀ NGỌC LÂM	07/04/2011	6A	
30	001112				NGUYỄN BẢO LÂM	01/09/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001113				TRẦN DUY LÂM	20/04/2011	6B	
32	001114				TRẦN DƯƠNG HẢI LÂM	28/11/2011	6H	
33	001115				VŨ TUẤN LÂM	19/10/2011	6C	
34	001116				NGUYỄN MAI LINH	03/01/2011	6D	
35	001117				NGUYỄN MAI LINH	12/05/2011	6A	
36	001118				PHẠM BÙI HÀ LINH	17/11/2011	6C	
37	001119				PHẠM BÙI PHƯƠNG LINH	17/11/2011	6C	
38	001120				PHẠM HÀ LINH	26/04/2011	6H	
39	001121				TRẦN LÊ PHƯƠNG LINH	07/07/2011	6D	
40	001122				PHẠM VĂN LONG	19/01/2011	6E	
41	001123				TRƯƠNG THANH LONG	26/03/2011	6H	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001124				NGUYỄN MINH LỘC	28/01/2011	6B	
2	001125				TRỊNH QUANG ĐỨC LỘC	17/10/2011	6B	
3	001126				PHẠM KHÁNH LY	18/01/2011	6C	
4	001127				ĐÀO KHẢI MINH	18/10/2011	6E	
5	001128				ĐẶNG GIA MINH	24/05/2011	6H	
6	001129				LÂM PHẠM BÌNH MINH	02/05/2011	6C	
7	001130				LÊ CÔNG MINH	11/12/2011	6D	
8	001131				NGUYỄN BẢO MINH	24/09/2011	6D	
9	001132				NGUYỄN QUANG MINH	02/11/2010	6H	
10	001133				VŨ TRẦN BÌNH MINH	05/02/2011	6H	
11	001134				ĐỖ PHƯƠNG MY	16/06/2011	6D	
12	001135				NGUYỄN THỊ HÀ MY	18/12/2011	6D	
13	001136				NGUYỄN TRÀ MY	02/03/2011	6H	
14	001137				NGUYỄN TRÀ MY	25/05/2011	6A	
15	001138				PHẠM DIỆU MY	02/08/2011	6D	
16	001139				VŨ NGUYỄN HÀ MY	09/08/2011	6E	
17	001140				VŨ PHƯƠNG MY	24/04/2011	6B	
18	001141				AN TRẦN KHÁNH NAM	23/08/2010	6E	
19	001142				LÊ HOÀNG NAM	16/06/2011	6H	
20	001143				NGUYỄN HOÀNG NAM	20/03/2011	6D	
21	001144				NGUYỄN NHẬT NAM	26/09/2011	6A	
22	001145				VŨ HẢI NAM	11/08/2011	6B	
23	001146				ĐỖ THỊ BẢO NGÂN	30/08/2011	6D	
24	001147				VŨ THỊ NGÂN	08/01/2011	6C	
25	001148				ĐOÀN TIẾN NGHĨA	17/07/2011	6A	
26	001149				ĐỖ DUY NGHĨA	29/09/2011	6D	
27	001150				PHẠM MINH NGHĨA	21/12/2011	6E	
28	001151				MAI MINH NGỌC	20/08/2011	6A	
29	001152				NGUYỄN BẢO NGỌC	05/02/2011	6A	
30	001153				NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	19/08/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001154				PHẠM BẢO NGỌC	26/08/2011	6H	
32	001155				PHÙNG TUỆ NGỌC	14/01/2011	6H	
33	001156				TRƯƠNG HẢI NGỌC	13/05/2011	6C	
34	001157				VŨ BẢO NGỌC	30/08/2011	6E	
35	001158				VŨ MINH NGỌC	04/08/2011	6A	
36	001159				TRỊNH QUANG NGUYỄN	17/10/2011	6B	
37	001160				VŨ THỊ NHƯ NGUYỄN	29/03/2011	6B	
38	001161				NGUYỄN NGỌC TRÍ NHÂN	30/05/2011	6H	
39	001162				DƯƠNG TUYẾT NHI	06/11/2011	6A	
40	001163				LÊ THỊ YẾN NHI	24/11/2011	6E	
41	001164				MẠC NGUYỄN TUYẾT NHI	19/09/2010	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001165				VI YẾN NHI	03/05/2011	6C	
2	001166				NGUYỄN THÙY NHUNG	09/08/2011	6E	
3	001167				TRỊNH NGUYỄN NHUNG	10/10/2011	6E	
4	001168				TẠ ĐÌNH PHONG	07/03/2011	6D	
5	001169				ĐẶNG XUÂN PHÚ	22/08/2011	6E	
6	001170				HOÀNG PHÚC	20/12/2011	6C	
7	001171				NGUYỄN MINH PHÚC	13/03/2011	6D	
8	001172				BÙI THỊ MINH PHƯƠNG	27/02/2011	6E	
9	001173				NGÔ PHẠM LÂM PHƯƠNG	25/07/2011	6D	
10	001174				NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	13/11/2011	6D	
11	001175				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	12/08/2011	6H	
12	001176				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	22/10/2011	6C	
13	001177				VŨ HỮU PHƯỚC	30/08/2011	6C	
14	001178				LÊ ĐẠI QUANG	12/10/2011	6E	
15	001179				NGUYỄN MẠNH QUANG	25/01/2011	6D	
16	001180				PHẠM MINH QUANG	05/10/2011	6H	
17	001181				BÙI TRUNG QUÂN	17/11/2011	6D	
18	001182				LÊ HỒNG QUÂN	16/04/2011	6H	
19	001183				HÀ THẾ QUYỀN	12/11/2011	6C	
20	001184				VŨ VĂN QUYỀN	14/11/2011	6A	
21	001185				BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	28/02/2011	6B	
22	001186				LÊ ANH QUỲNH	16/08/2011	6B	
23	001187				NGUYỄN CẨM TÚ QUỲNH	23/08/2011	6D	
24	001188				PHẠM ANH QUỲNH	19/01/2011	6A	
25	001189				PHÙNG THỊ NHƯ QUỲNH	14/02/2011	6B	
26	001190				TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	15/02/2011	6C	
27	001191				VŨ NHƯ QUỲNH	30/03/2011	6E	
28	001192				BÙI TUẤN SƠN	15/05/2011	6C	
29	001193				ĐỖ CÔNG SƠN	12/11/2010	6A	
30	001194				NGUYỄN NGỌC SƠN	05/07/2011	6B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001195				PHẠM HỒNG SƠN	27/04/2011	6C	
32	001196				LÊ VĂN TÀI	17/09/2011	6D	
33	001197				ĐỖ MINH TÂN	11/06/2011	6A	
34	001198				PHẠM TIẾN THÀNH	30/06/2011	6H	
35	001199				TRẦN BÁ THÀNH	05/04/2011	6E	
36	001200				VŨ TIẾN THÀNH	19/08/2011	6E	
37	001201				ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	24/06/2011	6A	
38	001202				LÊ PHƯƠNG THẢO	19/01/2011	6H	
39	001203				LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	13/01/2011	6H	
40	001204				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	17/06/2011	6E	
41	001205				DƯƠNG QUỐC THÁI	08/11/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001206				ĐÀO TRUNG THIỆU	08/09/2011	6D	
2	001207				NGÔ PHƯƠNG THU	28/02/2011	6H	
3	001208				TRỊNH THỊ THU	02/09/2011	6C	
4	001209				NGUYỄN ĐỨC THUẬN	21/03/2011	6C	
5	001210				NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	12/10/2011	6B	
6	001211				BÙI THU THỦY	14/08/2011	6E	
7	001212				LẠI PHƯƠNG THÚY	15/05/2011	6B	
8	001213				BÙI THỊ ANH THƯ	27/08/2011	6D	
9	001214				NGUYỄN ANH THƯ	23/08/2011	6D	
10	001215				NGUYỄN THỊ MINH THƯ	21/07/2011	6H	
11	001216				TRẦN THỊ NGỌC THƯƠNG	27/11/2011	6E	
12	001217				ĐỖ BẢO TRANG	08/08/2011	6H	
13	001218				NGUYỄN BẢO TRANG	27/07/2011	6C	
14	001219				NGUYỄN PHAN MAI TRANG	17/07/2011	6H	
15	001220				PHẠM BẢO TRANG	01/10/2011	6C	
16	001221				PHAN THỊ THU TRÀ	04/05/2011	6D	
17	001222				HÀ QUỲNH TRÂM	22/02/2011	6B	
18	001223				PHẠM BẢO TRÂM	06/08/2011	6C	
19	001224				NGUYỄN THÀNH TRUNG	15/12/2011	6D	
20	001225				TÔ THANH TRÚC	08/07/2011	6A	
21	001226				NGUYỄN CHÍ TUẤN	20/06/2011	6H	
22	001227				ĐẶNG XUÂN TÙNG	26/10/2011	6A	
23	001228				ĐINH GIA SƠN TÙNG	16/06/2011	6H	
24	001229				NGUYỄN BÁ LÂM TÙNG	13/08/2011	6E	
25	001230				PHAN TÙNG	19/05/2011	6C	
26	001231				TRẦN THANH TÙNG	17/10/2011	6H	
27	001232				BÙI QUANG TÚ	11/01/2011	6A	
28	001233				TRẦN PHÚ TƯỜNG	04/10/2011	6E	
29	001234				PHẠM MINH UYÊN	04/03/2011	6A	
30	001235				PHẠM THỊ MỸ UYÊN	02/09/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001236				VŨ THANH VÂN	11/08/2011	6H	
32	001237				ĐỖ KHẮC VIỆT	27/09/2011	6E	
33	001238				ĐINH TRẦN KHÁNH VY	11/08/2011	6D	
34	001239				NGUYỄN PHƯƠNG VY	28/01/2011	6H	
35	001240				NGUYỄN PHƯƠNG VY	05/09/2011	6A	
36	001241				NGUYỄN THỊ HÀ VY	08/10/2011	6B	
37	001242				NGUYỄN VŨ THẢO VY	03/02/2011	6A	
38	001243				TÔ PHƯƠNG VY	10/03/2011	6D	
39	001244				ĐÀO HẢI YẾN	16/09/2011	6E	
40	001245				VŨ THỊ HẢI YẾN	18/12/2011	6E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009001				ĐỖ ĐỨC AN	29/09/2011	6D1	
2	009002				NGUYỄN NGỌC HÀ AN	14/03/2011	6D4	
3	009003				PHẠM VĂN AN	28/09/2011	6D4	
4	009004				BÙI LÊ QUỲNH ANH	14/08/2011	6D1	
5	009005				BÙI THỊ DIỆP ANH	13/02/2011	6D1	
6	009006				BÙI TUẤN ANH	18/09/2011	6D2	
7	009007				CAO THỊ NGỌC ANH	01/05/2011	6D4	
8	009008				ĐOÀN THỊ MINH ANH	31/12/2011	6D3	
9	009009				ĐỖ VIỆT ANH	04/04/2011	6D1	
10	009010				HOÀNG THỊ MINH ANH	07/11/2011	6D2	
11	009011				LÊ HẢI ANH	15/11/2011	6D1	
12	009012				LÊ HOÀNG VÂN ANH	06/10/2011	6D2	
13	009013				LÊ QUỐC ANH	12/12/2011	6D4	
14	009014				MAI TUẤN ANH	30/10/2011	6D4	
15	009015				NGUYỄN ĐẶNG HÀ ANH	13/02/2011	6D3	
16	009016				NGUYỄN ĐOÀN BẢO ANH	05/07/2011	6D1	
17	009017				NGUYỄN NGỌC ANH	23/03/2011	6D2	
18	009018				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	26/09/2011	6D4	
19	009019				PHẠM PHƯƠNG ANH	23/04/2011	6D2	
20	009020				PHẠM THỊ HỒNG ANH	26/10/2011	6D5	
21	009021				TRẦN BẢO NGỌC ANH	16/11/2011	6D3	
22	009022				TRẦN LÊ ANH	08/06/2011	6D5	
23	009023				TRẦN PHƯƠNG ANH	03/12/2011	6D3	
24	009024				VŨ DUY ANH	07/12/2011	6D1	
25	009025				CAO THỊ NGỌC ÁNH	28/02/2011	6D3	
26	009026				PHẠM NGỌC ÁNH	01/05/2011	6D5	
27	009027				VŨ MINH ÁNH	06/07/2011	6D5	
28	009028				BÙI XUÂN BẢO	01/01/2011	6D2	
29	009029				NGUYỄN TRÍ BẢO	01/03/2011	6D4	
30	009030				ĐỖ THỊ THANH BÌNH	10/11/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009031				PHẠM THỊ THANH BÌNH	25/03/2011	6D1	
32	009032				NGUYỄN HÀ NAM CHÂU	13/09/2011	6D4	
33	009033				NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	23/06/2011	6D3	
34	009034				ĐÀO THỊ KHÁNH CHI	14/11/2011	6D3	
35	009035				MAI BẢO CHI	26/06/2011	6D4	
36	009036				MAI THỊ KIM CHI	04/06/2011	6D4	
37	009037				NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	08/12/2011	6D2	
38	009038				ĐINH NGỌC THÀNH CÔNG	21/07/2011	6D5	
39	009039				NGUYỄN THỊ CÚC	24/03/2011	6D4	
40	009040				NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	13/12/2011	6D2	
41	009041				NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	12/10/2011	6D1	
42	009042				ĐINH VĂN DANH	23/02/2011	6D4	
43	009043				ĐÀM NGỌC DIỆP	22/10/2011	6D4	
44	009044				ĐỖ ÁNH DIỆP	19/04/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009045				ĐỖ THÙY DUNG	30/12/2011	6D1	
2	009046				NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	15/04/2011	6D2	
3	009047				ĐẶNG NINH DUY	24/03/2011	6D4	
4	009048				ĐINH THÙY DUYÊN	07/09/2011	6D5	
5	009049				CAO THỊ THÙY DƯƠNG	07/12/2011	6D4	
6	009050				LÊ BÙI TÙNG DƯƠNG	19/06/2011	6D2	
7	009051				NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	08/01/2011	6D3	
8	009052				ĐINH NGỌC ĐẠI	27/01/2011	6D4	
9	009053				BÙI TIẾN ĐẠT	25/06/2011	6D5	
10	009054				CAO VĂN ĐẠT	18/09/2011	6D1	
11	009055				ĐINH TIẾN ĐẠT	30/04/2011	6D2	
12	009056				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/05/2011	6D1	
13	009057				PHẠM THÀNH ĐẠT	05/01/2011	6D5	
14	009058				VŨ HOÀNG ĐẠT	12/10/2011	6D1	
15	009059				LÊ BÁ ĐÔNG	27/09/2011	6D5	
16	009060				BÙI NGỌC ĐỨC	28/03/2011	6D2	
17	009061				NGUYỄN HUY ĐỨC	03/03/2011	6D1	
18	009062				NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	01/08/2011	6D5	
19	009063				NGUYỄN VĂN MINH ĐỨC	11/06/2011	6D4	
20	009064				MAI THỊ HƯƠNG GIANG	21/05/2011	6D4	
21	009065				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	09/04/2011	6D3	
22	009066				VŨ HƯƠNG GIANG	28/11/2011	6D4	
23	009067				NGUYỄN ĐỖ THANH HÀ	23/07/2011	6D4	
24	009068				VÕ HỒNG HẢI	03/11/2011	6D5	
25	009069				DƯƠNG GIA HÂN	05/05/2011	6D1	
26	009070				DƯƠNG NGỌC HÂN	05/05/2011	6D1	
27	009071				PHẠM NGỌC DIỆU HÂN	16/07/2011	6D5	
28	009072				VŨ NGỌC BẢO HÂN	19/11/2011	6D3	
29	009073				ĐÀO THỊ NGỌC HẰNG	26/06/2011	6D4	
30	009074				PHAN THU HẰNG	08/11/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009075				CAO THỊ THU HIỀN	05/08/2011	6D2	
32	009076				PHẠM QUANG HIẾU	01/09/2011	6D4	
33	009077				TRẦN MINH HIẾU	05/10/2011	6D5	
34	009078				ĐINH ĐẠI HUY	03/11/2011	6D4	
35	009079				NGÔ ĐỨC HUY	05/10/2011	6D1	
36	009080				VŨ NGỌC HUY	01/03/2011	6D2	
37	009081				CAO NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	14/04/2011	6D2	
38	009082				PHAN THANH HUYỀN	27/07/2011	6D1	
39	009083				TRẦN KHÁNH HUYỀN	20/12/2011	6D5	
40	009084				PHẠM THẾ HÙNG	14/12/2011	6D2	
41	009085				ĐỖ DUY HÙNG	15/01/2011	6D5	
42	009086				NGUYỄN MINH HÙNG	23/09/2011	6D3	
43	009087				PHẠM QUANG HÙNG	09/01/2011	6D5	
44	009088				TRẦN MẠNH HÙNG	22/04/2011	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009089				BÙI MAI HƯƠNG	28/11/2011	6D1	
2	009090				HOÀNG HỮU HÙNG	31/03/2011	6D2	
3	009091				ĐINH QUỐC KHÁNH	01/09/2011	6D4	
4	009092				ĐOÀN ĐÌNH QUỐC KHÁNH	13/10/2011	6D2	
5	009093				MAI NAM KHÁNH	14/12/2011	6D1	
6	009094				NGUYỄN BẢO KHÁNH	24/02/2011	6D2	
7	009095				PHẠM QUỐC KHÁNH	01/11/2011	6D5	
8	009096				LÊ THU KHIÊM	15/06/2011	6D4	
9	009097				NGUYỄN VIỆT KHÔI	19/11/2011	6D3	
10	009098				HOÀNG TRUNG KIÊN	02/07/2011	6D3	
11	009099				NGUYỄN VĂN KIÊN	01/02/2011	6D1	
12	009100				VŨ KIỀU KIỀU	29/08/2011	6D2	
13	009101				LÊ ANH KIỆT	31/10/2011	6D5	
14	009102				ĐÀM ĐẶNG BẢO LÂM	12/06/2011	6D3	
15	009103				ĐÀO TÙNG LÂM	15/09/2011	6D2	
16	009104				PHẠM TÙNG LÂM	17/03/2011	6D4	
17	009105				BÙI KHÁNH LINH	04/03/2011	6D4	
18	009106				HOÀNG KHÁNH LINH	19/09/2011	6D4	
19	009107				LÊ BẢO LINH	04/07/2011	6D2	
20	009108				LÊ PHƯƠNG LINH	24/06/2011	6D4	
21	009109				NGUYỄN NGỌC LINH	02/05/2011	6D3	
22	009110				NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	06/12/2011	6D1	
23	009111				NGUYỄN THỊ THẢO LINH	28/07/2011	6D2	
24	009112				NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	25/02/2011	6D3	
25	009113				PHẠM NGỌC LINH	26/11/2011	6D3	
26	009114				TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	24/02/2011	6D5	
27	009115				ĐÀO DUY LONG	29/05/2011	6D1	
28	009116				HOÀNG VĨNH LONG	15/11/2011	6D4	
29	009117				NGUYỄN ĐỨC LONG	18/01/2011	6D2	
30	009118				LÊ SAO MAI	24/08/2011	6D1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009119				LÊ NHẤT MINH	27/07/2011	6D3	
32	009120				MAI THỊ THU MINH	15/08/2011	6D3	
33	009121				MAI VĂN MINH	14/08/2011	6D5	
34	009122				PHẠM GIA MINH	01/12/2011	6D1	
35	009123				PHẠM QUANG MINH	11/11/2011	6D2	
36	009124				ĐINH LÊ HÀ MY	18/07/2011	6D1	
37	009125				ĐỖ HUYỀN MY	09/03/2011	6D3	
38	009126				NGUYỄN TRÀ MY	08/08/2011	6D3	
39	009127				PHẠM THỊ TRÀ MY	02/11/2011	6D2	
40	009128				VŨ NGỌC HUYỀN MY	06/02/2011	6D3	
41	009129				VŨ TRÀ MY	01/04/2011	6D5	
42	009130				NGUYỄN BẢO NAM	14/10/2011	6D3	
43	009131				NGUYỄN HẢI NAM	26/05/2011	6D4	
44	009132				PHẠM XUÂN NAM	13/07/2011	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009133				ĐOÀN LINH NGA	08/01/2011	6D3	
2	009134				AN THỊ HÀ NGÂN	24/11/2011	6D3	
3	009135				PHẠM HUY NHÂN NGHĨA	05/09/2011	6D5	
4	009136				BÙI THỊ KHÁNH NGỌC	30/03/2011	6D5	
5	009137				NGUYỄN BÍCH NGỌC	01/09/2011	6D1	
6	009138				NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	20/08/2011	6D5	
7	009139				PHAN NHƯ NGỌC	29/04/2011	6D3	
8	009140				PHẠM KIM NGỌC	04/11/2010	6D1	
9	009141				VŨ MINH NGỌC	02/06/2011	6D3	
10	009142				VŨ NHƯ NGỌC	07/01/2011	6D2	
11	009143				VŨ Y VƯƠNG NGỌC	08/07/2011	6D3	
12	009144				CAO THỊ THẢO NGUYÊN	22/07/2011	6D1	
13	009145				HOÀNG THẢO NGUYÊN	20/10/2011	6D4	
14	009146				MAI TRUNG NGUYÊN	13/12/2011	6D1	
15	009147				MAI XUÂN NGUYÊN	16/06/2011	6D3	
16	009148				TĂNG HỮU BẢO NGUYÊN	09/08/2011	6D2	
17	009149				PHAN THỊ YẾN NHI	10/08/2011	6D3	
18	009150				PHẠM TUYẾT NHI	23/08/2011	6D1	
19	009151				VŨ LÊ GIA NHI	06/08/2011	6D3	
20	009152				VŨ NGUYỄN NGỌC NHI	11/09/2011	6D2	
21	009153				VŨ YẾN NHI	05/05/2011	6D3	
22	009154				ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	31/10/2011	6D2	
23	009155				MAI HOA HỒNG NHUNG	25/12/2010	6D5	
24	009156				NGUYỄN TỔ NHƯ	20/04/2011	6D5	
25	009157				PHẠM VĂN PHÚ	08/06/2011	6D1	
26	009158				BÙI CÔNG MINH PHÚC	20/09/2011	6D4	
27	009159				MAI ANH PHÚC	16/04/2011	6D4	
28	009160				NGUYỄN HOÀNG PHÚC	21/09/2011	6D3	
29	009161				ĐẶNG MAI PHƯƠNG	07/07/2011	6D1	
30	009162				ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG	14/08/2011	6D2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009163				NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	24/03/2011	6D3	
32	009164				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/12/2011	6D2	
33	009165				TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	23/01/2011	6D4	
34	009166				VŨ QUỲNH PHƯƠNG	19/12/2011	6D1	
35	009167				NGUYỄN LẬP PHƯỚC	05/06/2011	6D1	
36	009168				ĐỖ THỊ LÂM PHƯỢNG	01/01/2011	6D1	
37	009169				ĐINH VIỆT QUỐC	22/11/2011	6D5	
38	009170				TRẦN THẾ QUYẾT	26/04/2011	6D4	
39	009171				LÊ THỊ HIỀN SANG	25/08/2011	6D5	
40	009172				MAI THẾ SÁNG	14/08/2011	6D3	
41	009173				LÂM THANH SƠN	24/11/2011	6D5	
42	009174				NGUYỄN HOÀNG SƠN	21/09/2011	6D3	
43	009175				PHAN HẢI SƠN	22/12/2011	6D1	
44	009176				PHẠM THỊ THANH	24/06/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009177				MAI NGUYỄN THÀNH	21/11/2011	6D3	
2	009178				ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	05/09/2011	6D1	
3	009179				ĐỖ PHƯƠNG THẢO	20/08/2011	6D2	
4	009180				LÊ PHƯƠNG THẢO	25/03/2011	6D2	
5	009181				PHAN THỊ THẢO	22/01/2011	6D1	
6	009182				VŨ NHẬT THẢO	30/12/2011	6D3	
7	009183				PHAN TRỌNG THỊNH	23/03/2011	6D5	
8	009184				ĐÀO TRƯỜNG THỌ	07/09/2011	6D3	
9	009185				ĐỖ THỊ NGÂN THU	30/09/2011	6D5	
10	009186				NGÔ HOÀI THU	16/08/2011	6D4	
11	009187				ĐỖ THU THUY	15/01/2011	6D3	
12	009188				PHẠM HƯƠNG THUY	06/09/2011	6D3	
13	009189				ĐÀO THU THỦY	09/03/2011	6D5	
14	009190				ĐOÀN THỊ ANH THU	15/12/2011	6D2	
15	009191				NGUYỄN VĂN TIẾN	20/03/2011	6D4	
16	009192				ĐINH QUỲNH TRANG	13/12/2011	6D2	
17	009193				ĐOÀN PHẠM HẢI TRANG	03/08/2011	6D3	
18	009194				VŨ MAI KIỀU TRANG	06/09/2011	6D4	
19	009195				NGUYỄN MINH TRI	16/03/2011	6D1	
20	009196				NGUYỄN MẠNH TRUNG	21/02/2011	6D1	
21	009197				NGUYỄN MINH TRUNG	18/06/2011	6D4	
22	009198				PHẠM QUANG TRUNG	16/06/2011	6D2	
23	009199				MAI THỊ THANH TRÚC	02/11/2011	6D5	
24	009200				PHẠM ĐỨC TRƯỜNG	20/11/2010	6D5	
25	009201				TRẦN NGỌC MINH TUỆ	03/05/2011	6D2	
26	009202				BÙI KIM TUYẾN	22/07/2011	6D1	
27	009203				BÙI HOÀNG TÙNG	26/06/2011	6D2	
28	009204				NGUYỄN TỔ UYÊN	07/07/2011	6D5	
29	009205				ĐỖ VĂN VÀNG	24/09/2011	6D1	
30	009206				PHẠM THỊ HẢI VÂN	05/08/2011	6D4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009207				HOÀNG TUẤN VIỆT	14/05/2011	6D5	
32	009208				PHẠM QUỐC VIỆT	02/03/2011	6D1	
33	009209				ĐỖ QUANG VINH	21/02/2011	6D2	
34	009210				LƯƠNG THẾ VINH	06/02/2011	6D5	
35	009211				MAI QUANG VINH	26/10/2011	6D5	
36	009212				CAO PHƯƠNG VY	28/07/2011	6D2	
37	009213				CAO THẢO VY	28/08/2011	6D2	
38	009214				MAI TRỊNH HOÀNG VY	21/12/2011	6D3	
39	009215				NGUYỄN ĐÔNG VY	04/12/2011	6D1	
40	009216				PHẠM NGUYỄN HÀ VY	15/01/2011	6D3	
41	009217				HOÀNG HẢI YẾN	18/09/2011	6D1	
42	009218				TRẦN THỊ BẢO YẾN	19/12/2011	6D4	
43	009219				VŨ BẢO YẾN	09/10/2011	6D3	
44	009220				VŨ THỊ YẾN	09/03/2011	6D5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011001				HOÀNG THỊ HẢI AN	11/01/2011	6C	
2	011002				PHẠM THÚY AN	01/02/2011	6A	
3	011003				LÃ THỊ THẢO ANH	17/10/2011	6D	
4	011004				LÊ HẢI ANH	18/12/2011	6C	
5	011005				NGUYỄN THIỆN ANH	08/06/2011	6A	
6	011006				NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	01/07/2010	6C	
7	011007				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	14/10/2011	6A	
8	011008				NGUYỄN TRÂM ANH	18/09/2011	6B	
9	011009				TRẦN THỊ MAI ANH	27/10/2011	6A	
10	011010				TRẦN VIỆT ANH	25/01/2011	6C	
11	011011				TRỊNH LÊ ANH	04/07/2011	6B	
12	011012				VŨ MAI ANH	07/10/2011	6B	
13	011013				ĐẶNG THỊ NGUYỄN ÁNH	29/04/2011	6D	
14	011014				PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	03/07/2011	6D	
15	011015				VŨ THỊ HỒNG ÁNH	08/12/2011	6A	
16	011016				ĐỖ THÁI BẢO	06/07/2011	6A	
17	011017				PHẠM ĐỨC BẢO	15/03/2011	6B	
18	011018				PHẠM HUY GIA BẢO	04/12/2011	6C	
19	011019				VŨ LAN BÌNH	04/10/2011	6A	
20	011020				BÙI THỊ BÍCH	15/07/2011	6A	
21	011021				NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	10/07/2011	6B	
22	011022				BÙI NGỌC MINH CHÂU	02/07/2011	6C	
23	011023				NGUYỄN THUỖ CHI	15/11/2010	6C	
24	011024				TRẦN THỊ THỦY CHI	15/07/2011	6B	
25	011025				VŨ TRẦN QUỲNH CHI	17/06/2011	6B	
26	011026				NGUYỄN MINH CÔNG	06/06/2011	6B	
27	011027				NGUYỄN THÀNH CÔNG	06/12/2011	6C	
28	011028				PHẠM THỊ TRANG DUNG	02/05/2011	6C	
29	011029				ĐOÀN NGỌC THÁI DUY	13/06/2011	6C	
30	011030				NGUYỄN KHẮC DUY	06/09/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011031				ĐOÀN VĂN TRÍ DŨNG	20/10/2011	6A	
32	011032				NGUYỄN TIẾN DŨNG	26/10/2010	6D	
33	011033				NGUYỄN VĂN DŨNG	15/09/2011	6D	
34	011034				PHẠM TIẾN DŨNG	31/01/2011	6C	
35	011035				VŨ VIỆT DŨNG	22/02/2011	6A	
36	011036				ĐOÀN THỊ ÁNH DƯƠNG	12/03/2011	6C	
37	011037				TRẦN ÁNH DƯƠNG	02/08/2011	6B	
38	011038				DƯƠNG VĂN ĐẠT	30/07/2011	6D	
39	011039				ĐẶNG QUỐC ĐẠT	06/05/2011	6C	
40	011040				ĐỖ TIẾN ĐẠT	22/09/2011	6A	
41	011041				VŨ HOÀNG ĐẠT	22/04/2011	6C	
42	011042				NGUYỄN HOÀNG TRUNG ĐỨC	19/10/2010	6C	
43	011043				PHẠM MINH ĐỨC	26/09/2011	6C	
44	011044				PHẠM NGỌC ĐỨC	22/08/2011	6B	
45	011045				VŨ MINH ĐỨC	01/06/2011	6C	
46	011046				ĐOÀN HƯƠNG GIANG	14/11/2011	6B	
47	011047				PHẠM HẢI GIANG	14/03/2011	6A	
48	011048				PHẠM HỒNG GIANG	20/11/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011049				TRẦN HƯƠNG GIANG	28/09/2011	6B	
2	011050				TRẦN THÙY GIANG	12/04/2011	6B	
3	011051				TRẦN HOÀNG HẢI	26/05/2011	6A	
4	011052				ĐẶNG THỊ HẠNH	21/12/2011	6B	
5	011053				ĐOÀN NGỌC HÂN	12/02/2011	6D	
6	011054				MAI GIA BẢO HÂN	17/06/2011	6B	
7	011055				NGÔ QUANG HÂN	20/05/2011	6B	
8	011056				ĐOÀN THỊ KHÁNH HIỀN	04/07/2011	6B	
9	011057				ĐOÀN THỊ THANH HIỀN	23/12/2011	6B	
10	011058				NGUYỄN THU HIỀN	13/12/2011	6D	
11	011059				NGUYỄN MINH HIẾU	18/01/2011	6D	
12	011060				PHAN MINH HIẾU	26/10/2011	6D	
13	011061				PHẠM NGUYỄN KHẮC HIẾU	30/10/2011	6C	
14	011062				VŨ MINH HIẾU	09/11/2011	6D	
15	011063				VŨ TRUNG HIẾU	04/12/2011	6D	
16	011064				NGUYỄN ĐỨC HIỆP	17/09/2011	6D	
17	011065				ĐỖ THỊ HOA	21/02/2011	6D	
18	011066				HOÀNG QUỲNH HOA	29/01/2011	6D	
19	011067				LÊ MỸ HOA	25/06/2011	6B	
20	011068				NGUYỄN THỊ NGỌC HOÀN	30/04/2011	6A	
21	011069				ĐỖ HUY HOÀNG	04/03/2010	6A	
22	011070				PHẠM MAI GIA HUY	01/09/2011	6D	
23	011071				PHẠM VĂN HUY	21/08/2011	6D	
24	011072				VŨ GIA HUY	28/11/2011	6B	
25	011073				ĐÀO THỊ HUYỀN	28/01/2011	6D	
26	011074				NGUYỄN MẠNH HÙNG	04/08/2011	6A	
27	011075				NGUYỄN SINH HÙNG	14/07/2011	6B	
28	011076				NGUYỄN VIỆT HÙNG	19/07/2011	6B	
29	011077				ĐOÀN PHÚC HÙNG	20/07/2011	6A	
30	011078				PHẠM DUY HÙNG	29/05/2011	6D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011079				VŨ THU HƯƠNG	14/06/2011	6B	
32	011080				VŨ THÙY HƯƠNG	01/10/2011	6A	
33	011081				ĐẶNG ĐAN KA	12/07/2011	6A	
34	011082				ĐOÀN DUY KHÁNH	09/12/2011	6D	
35	011083				PHẠM VĂN KHÁNH	14/12/2011	6C	
36	011084				TRỊNH XUÂN BẢO KHÁNH	17/08/2011	6A	
37	011085				TRẦN GIA KHIÊM	29/09/2011	6C	
38	011086				PHẠM ĐĂNG KHOA	28/07/2011	6A	
39	011087				VŨ BÁ CHUNG KIÊN	12/12/2011	6C	
40	011088				LÊ ÍCH TUẤN KIỆT	23/06/2011	6A	
41	011089				NGUYỄN TÙNG LÂM	27/07/2011	6C	
42	011090				QUÁCH TÙNG LÂM	04/11/2011	6A	
43	011091				ĐINH THỊ PHƯƠNG LINH	15/02/2011	6A	
44	011092				LÊ PHƯƠNG LINH	19/08/2011	6B	
45	011093				NGUYỄN KHÁNH LINH	05/08/2011	6A	
46	011094				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/12/2011	6D	
47	011095				TRẦN HÀ LINH	28/07/2011	6D	
48	011096				NGUYỄN THÀNH LONG	06/08/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011097				VŨ XUÂN LƯƠNG	17/02/2011	6C	
2	011098				ĐẶNG THỊ THANH MAI	23/08/2011	6D	
3	011099				ĐẶNG THỊ TUYẾT MAI	25/10/2011	6B	
4	011100				NGÔ NGUYỄN XUÂN MAI	23/09/2011	6D	
5	011101				NGUYỄN BÁ MÃO	23/10/2011	6D	
6	011102				DUY THỊ NGỌC MINH	09/08/2011	6C	
7	011103				DƯƠNG TIẾN MINH	01/11/2011	6D	
8	011104				NGUYỄN THỊ NHẬT MINH	17/06/2011	6D	
9	011105				NGUYỄN TIẾN MINH	23/01/2011	6C	
10	011106				NGUYỄN TIẾN MINH	29/07/2011	6C	
11	011107				NGUYỄN TUỆ MINH	27/11/2011	6A	
12	011108				TRẦN VĂN MINH	02/03/2011	6C	
13	011109				VŨ ANH MINH	15/12/2011	6D	
14	011110				VŨ QUANG MINH	26/08/2011	6B	
15	011111				VŨ THỊ MINH	29/12/2011	6C	
16	011112				LÊ HÀ MY	12/12/2011	6B	
17	011113				NGUYỄN NGỌC MY	17/01/2011	6D	
18	011114				NGUYỄN THỊ TRÀ MY	24/01/2011	6B	
19	011115				NGUYỄN TRÀ MY	08/08/2011	6A	
20	011116				NINH NGỌC MỸ	28/07/2011	6A	
21	011117				ĐẶNG PHƯƠNG NAM	16/06/2011	6C	
22	011118				NGUYỄN HOÀNG NAM	25/12/2011	6A	
23	011119				TRƯƠNG HẢI NAM	30/10/2011	6C	
24	011120				VŨ TRẦN BẢO NAM	07/09/2011	6C	
25	011121				TRẦN THỊ HẰNG NGA	08/01/2011	6C	
26	011122				NGUYỄN THANH NGÂN	05/12/2011	6C	
27	011123				PHẠM TRUNG NGHĨA	17/01/2011	6C	
28	011124				TRỊNH XUÂN BẢO NGỌC	12/10/2011	6B	
29	011125				ĐOÀN PHÚ NGUYỄN	22/06/2011	6D	
30	011126				ĐỖ ĐÌNH NGUYỄN	11/08/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011127				TRẦN KHÔI NGUYỄN	03/11/2011	6A	
32	011128				BÙI THANH NHÂN	18/10/2011	6A	
33	011129				BẠCH ĐỖ GIA NHI	17/09/2011	6C	
34	011130				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	25/03/2011	6C	
35	011131				NGUYỄN YẾN NHI	17/09/2011	6A	
36	011132				PHẠM THỊ YẾN NHI	04/01/2011	6A	
37	011133				TRẦN PHƯƠNG NHI	28/11/2011	6D	
38	011134				HOÀNG QUANG PHONG	02/08/2011	6B	
39	011135				BÙI ĐỨC PHÚ	18/09/2011	6B	
40	011136				NGUYỄN DUY PHÚC	10/06/2011	6D	
41	011137				NGUYỄN GIA PHÚC	24/08/2011	6B	
42	011138				NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11/10/2011	6D	
43	011139				TRẦN GIA PHÚC	06/07/2011	6C	
44	011140				VŨ LÊ ĐÌNH PHÚC	11/01/2011	6D	
45	011141				ĐOÀN VŨ BẢO PHƯƠNG	30/12/2011	6B	
46	011142				ĐỖ HÀ PHƯƠNG	20/11/2011	6A	
47	011143				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	06/02/2011	6B	
48	011144				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	25/06/2011	6B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011145				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	23/10/2011	6B	
2	011146				PHẠM MINH PHƯƠNG	11/05/2011	6C	
3	011147				VŨ TIẾN PHƯƠNG	29/05/2011	6D	
4	011148				ĐỖ MINH QUÂN	26/10/2011	6D	
5	011149				TRẦN MINH QUÂN	13/01/2011	6D	
6	011150				TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	14/11/2011	6A	
7	011151				BÙI MINH QUÝ	25/08/2011	6D	
8	011152				NGUYỄN XUÂN SANG	15/05/2011	6A	
9	011153				NGUYỄN XUÂN SƠN	22/12/2011	6B	
10	011154				TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	03/10/2011	6D	
11	011155				NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	31/05/2011	6B	
12	011156				VŨ BÁ TIẾN THÀNH	04/10/2011	6B	
13	011157				LÊ THANH THẢO	03/09/2011	6B	
14	011158				TRẦN PHƯƠNG THẢO	31/08/2011	6A	
15	011159				ĐOÀN NGỌC THẮNG	02/02/2011	6D	
16	011160				NGUYỄN KHÁNH THI	28/12/2011	6A	
17	011161				VŨ BÁ THIÊN	04/05/2011	6A	
18	011162				NGUYỄN VĂN THỊNH	11/08/2011	6D	
19	011163				NGUYỄN THỊ THU	11/12/2011	6C	
20	011164				TÔ ANH THƯ	31/10/2011	6B	
21	011165				TRỊNH MINH THƯ	05/04/2011	6D	
22	011166				PHẠM NĂNG TOÀN	28/02/2011	6B	
23	011167				PHẠM THỊ NGỌC TRANG	20/12/2011	6D	
24	011168				TRẦN THỊ MAI TRANG	07/07/2011	6B	
25	011169				ĐỖ ĐẶNG TRÌNH	19/02/2011	6C	
26	011170				PHẠM XUÂN TRỌNG	01/07/2011	6C	
27	011171				HOÀNG MẠNH TRUNG	30/01/2011	6C	
28	011172				NGÔ QUANG TRUNG	02/04/2011	6C	
29	011173				TRẦN ĐÌNH TRÚC	14/03/2011	6C	
30	011174				LÊ ANH TUẤN	26/11/2011	6D	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011175				NGUYỄN MINH TUẤN	11/11/2011	6B	
32	011176				NGUYỄN HỮU LÂM TÙNG	03/06/2011	6D	
33	011177				NGUYỄN VĂN TÚ	10/11/2011	6C	
34	011178				PHẠM MINH TÚ	19/04/2011	6A	
35	011179				NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH UYÊN	04/09/2011	6B	
36	011180				TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	14/12/2011	6B	
37	011181				VŨ BẢO UYÊN	25/07/2011	6C	
38	011182				TRẦN THÙY VÂN	16/09/2011	6A	
39	011183				PHẠM NGỌC THẢO VI	22/08/2011	6C	
40	011184				LÊ QUANG VIỆT	19/11/2011	6A	
41	011185				NGUYỄN HÙNG VĨ	13/06/2011	6A	
42	011186				ĐỖ PHẠM TRIỆU VY	29/03/2011	6B	
43	011187				TRẦN THỊ HÀ VY	30/03/2011	6C	
44	011188				ĐẶNG HẢI YẾN	18/01/2011	6B	
45	011189				ĐOÀN THỊ HẢI YẾN	10/08/2011	6A	
46	011190				PHÙNG THỊ BẢO YẾN	14/01/2011	6D	
47	011191				TRẦN THỊ HẢI YẾN	11/12/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008001				NGÔ THÀNH AN	15/01/2011	6B	
2	008002				NGUYỄN NGỌC AN	12/09/2011	6B	
3	008003				VŨ VĂN AN	11/04/2011	6D	
4	008004				ĐỖ ĐẮC BẢO ANH	23/12/2011	6C	
5	008005				ĐỖ ĐÌNH ANH	07/06/2011	6D	
6	008006				ĐỖ THỊ MINH ANH	17/10/2011	6A	
7	008007				LƯƠNG SĨ QUỐC ANH	18/08/2011	6C	
8	008008				NGUYỄN HÀ ANH	25/04/2011	6B	
9	008009				NGUYỄN NGỌC ANH	09/07/2011	6C	
10	008010				NGUYỄN QUỲNH ANH	19/12/2011	6A	
11	008011				NGUYỄN THẾ ANH	15/01/2011	6D	
12	008012				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	24/05/2011	6D	
13	008013				NGUYỄN XUÂN VIỆT ANH	14/09/2011	6C	
14	008014				PHẠM MINH ANH	08/11/2011	6D	
15	008015				TRẦN NGỌC HOÀNG ANH	23/08/2011	6B	
16	008016				TRƯƠNG NGỌC ANH	29/07/2011	6A	
17	008017				VŨ KIM ANH	11/04/2011	6D	
18	008018				NGUYỄN MINH ÁNH	09/07/2011	6B	
19	008019				NGUYỄN PHÚ BÌNH	23/04/2011	6C	
20	008020				PHẠM QUỲNH CHI	17/03/2011	6A	
21	008021				PHẠM THÙY CHI	07/02/2011	6C	
22	008022				ĐỖ MINH CƯỜNG	28/09/2011	6D	
23	008023				PHẠM VĂN CƯỜNG	29/09/2011	6B	
24	008024				HOÀNG NGỌC DIỆP	31/08/2011	6D	
25	008025				NGUYỄN THANH NGỌC DIỆP	02/10/2011	6C	
26	008026				PHẠM NGỌC DIỆP	27/08/2011	6C	
27	008027				PHẠM THÙY DUNG	07/03/2011	6B	
28	008028				PHẠM THÙY DUNG	14/07/2011	6D	
29	008029				TRƯƠNG THỊ KIM DUNG	16/11/2011	6D	
30	008030				BÙI THÙY DƯƠNG	30/10/2011	6D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008031				ĐỖ TÙNG DƯƠNG	06/01/2011	6D	
32	008032				GIANG THÙY DƯƠNG	28/03/2011	6B	
33	008033				HOÀNG THÁI DƯƠNG	01/01/2011	6C	
34	008034				NGUYỄN PHÚ DƯƠNG	07/04/2011	6B	
35	008035				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	12/09/2011	6C	
36	008036				NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	03/10/2011	6D	
37	008037				PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	07/08/2011	6A	
38	008038				NGUYỄN THỊ MAI ĐAN	11/07/2011	6B	
39	008039				ĐINH TUẤN ĐẠI	07/12/2011	6C	
40	008040				NGUYỄN XUÂN ĐẠI	14/01/2011	6D	
41	008041				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	21/05/2011	6B	
42	008042				PHẠM THÀNH ĐẠT	02/03/2011	6D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008043				TRƯƠNG ANH ĐẠT	29/01/2011	6B	
2	008044				TRƯƠNG THẾ ĐẠT	14/05/2011	6C	
3	008045				HOÀNG NGUYỄN MINH ĐĂNG	20/04/2011	6B	
4	008046				NGUYỄN TIẾN ĐỨC	15/10/2011	6B	
5	008047				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	20/09/2011	6A	
6	008048				NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	01/08/2011	6C	
7	008049				TRƯƠNG THU GIANG	19/10/2011	6A	
8	008050				HOÀNG TRUNG HẢI	22/02/2011	6C	
9	008051				NGUYỄN SƠN HẢI	28/06/2011	6B	
10	008052				NGUYỄN TUẤN HẢI	18/12/2011	6A	
11	008053				LƯU THỊ MINH HẰNG	06/06/2011	6A	
12	008054				NGUYỄN THỊ HIỀN	22/10/2011	6B	
13	008055				HOÀNG TRUNG HIẾU	10/09/2011	6D	
14	008056				TRẦN GIA HIẾU	12/09/2011	6B	
15	008057				VŨ KHẮC MINH HIẾU	31/08/2011	6D	
16	008058				NGUYỄN DUY HOÀNG	15/03/2011	6D	
17	008059				BÙI QUANG HUY	28/06/2011	6B	
18	008060				PHẠM GIA HUY	20/09/2011	6A	
19	008061				PHẠM QUỐC HUY	11/03/2011	6A	
20	008062				PHẠM VĂN HUY	03/03/2011	6D	
21	008063				ĐỖ THỊ THU HUYỀN	30/09/2011	6A	
22	008064				NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/04/2011	6D	
23	008065				PHẠM VĂN HƯNG	21/04/2011	6D	
24	008066				TRƯƠNG TUẤN HƯNG	03/05/2011	6A	
25	008067				NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	04/05/2011	6B	
26	008068				VŨ LAN HƯƠNG	29/01/2011	6A	
27	008069				TRẦN THỊ THU HƯỜNG	01/05/2011	6A	
28	008070				NGUYỄN NGỌC NGÂN KHÁNH	28/06/2011	6B	
29	008071				ĐỖ TRUNG KIÊN	28/01/2011	6C	
30	008072				NGUYỄN GIA KIÊN	07/05/2011	6C	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008073				NGUYỄN TUẤN KIỆT	31/05/2011	6A	
32	008074				TRƯƠNG ANH KIỆT	28/12/2011	6B	
33	008075				NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	23/07/2011	6B	
34	008076				PHẠM THỊ NGỌC LAN	18/04/2011	6D	
35	008077				BÙI VIỆT LÂM	31/01/2011	6C	
36	008078				BÙI VIỆT HẢI LÂM	10/08/2011	6C	
37	008079				ĐỖ NGỌC LÂM	23/07/2011	6D	
38	008080				VŨ TÙNG LÂM	11/11/2011	6B	
39	008081				BÙI THÙY LINH	30/10/2011	6D	
40	008082				ĐỖ THỊ NGỌC LINH	12/10/2011	6B	
41	008083				NGUYỄN PHẠM KHÁNH LINH	15/12/2011	6B	
42	008084				NGUYỄN THỊ HẢI LINH	18/05/2011	6D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008085				NGUYỄN TRANG LINH	08/06/2011	6A	
2	008086				PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	22/12/2011	6B	
3	008087				VŨ THI KIỀU LINH	03/03/2011	6B	
4	008088				PHẠM VĂN LỢI	30/12/2011	6C	
5	008089				ĐỖ NGỌC LY	29/09/2011	6A	
6	008090				NGUYỄN THỊ THANH MAI	26/04/2011	6B	
7	008091				TRẦN PHƯƠNG MAI	15/03/2011	6A	
8	008092				ĐỖ ĐỨC MẠNH	28/04/2011	6D	
9	008093				BÙI THỊ PHƯƠNG MINH	23/11/2011	6B	
10	008094				NGUYỄN XUÂN MINH	16/04/2011	6A	
11	008095				PHẠM ANH MINH	21/10/2011	6D	
12	008096				PHẠM HẢI MINH	28/09/2010	6D	
13	008097				ĐỖ HẢI NAM	25/08/2011	6A	
14	008098				TRƯƠNG HẢI NAM	17/04/2008	6D	
15	008099				NGUYỄN THU NGÂN	21/05/2011	6C	
16	008100				PHẠM KIM NGÂN	07/05/2011	6A	
17	008101				PHẠM THỊ KIM NGÂN	16/03/2011	6B	
18	008102				PHẠM THỊ THẢO NGÂN	19/02/2011	6A	
19	008103				NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	01/10/2011	6A	
20	008104				NGUYỄN MINH NHẬT	15/11/2011	6A	
21	008105				NGUYỄN YẾN NHI	06/04/2011	6B	
22	008106				NGUYỄN HẢI PHONG	27/12/2011	6B	
23	008107				NGUYỄN VĂN PHONG	26/04/2011	6B	
24	008108				NGUYỄN GIA PHÚC	11/06/2011	6A	
25	008109				NGUYỄN NGỌC PHÚC	09/02/2011	6B	
26	008110				BÙI PHÚC THỊNH	02/01/2011	6B	
27	008111				LƯƠNG THỊ THẢO PHƯƠNG	20/01/2011	6C	
28	008112				NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	21/05/2011	6D	
29	008113				NGUYỄN MINH QUÂN	26/06/2011	6C	
30	008114				PHẠM THẾ QUYỀN	20/04/2011	6B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008115				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	17/07/2011	6A	
32	008116				NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	25/05/2011	6C	
33	008117				NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	03/04/2011	6A	
34	008118				NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	20/08/2011	6C	
35	008119				VŨ BẢO SANG	21/01/2011	6B	
36	008120				NGUYỄN PHÚ SÁNG	15/12/2011	6D	
37	008121				NGUYỄN VĂN SÁNG	07/04/2011	6C	
38	008122				LŨU XUÂN SƠN	12/10/2011	6D	
39	008123				PHẠM CAO SƠN	22/01/2011	6A	
40	008124				NGUYỄN XUÂN TÀI	17/10/2011	6C	
41	008125				TRẦN ĐỨC TÀI	10/03/2011	6C	
42	008126				TRƯƠNG THỊ NGỌC TÂM	12/05/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008127				NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	03/09/2011	6C	
2	008128				PHẠM NHƯ THÀNH	14/02/2011	6D	
3	008129				PHẠM VĂN THÀNH	23/03/2011	6D	
4	008130				TRẦN PHƯƠNG THẢO	06/09/2011	6A	
5	008131				NGUYỄN HỒNG THÁI	31/12/2011	6C	
6	008132				MAI PHÚC THẮNG	23/02/2011	6B	
7	008133				PHẠM VĂN THẮNG	19/12/2011	6A	
8	008134				NGÔ ĐỨC THIÊN	17/12/2011	6C	
9	008135				LƯƠNG THỊ THUẬN	10/07/2011	6A	
10	008136				TRƯƠNG THỊ THÙY	17/04/2011	6B	
11	008137				PHẠM THỊ MINH THƯ	13/07/2011	6A	
12	008138				NGUYỄN ĐỨC TIẾN	17/06/2011	6D	
13	008139				PHẠM DUY TIẾN	13/05/2011	6B	
14	008140				BÙI THỊ HUYỀN TRANG	06/04/2011	6C	
15	008141				NGUYỄN HUYỀN TRANG	17/05/2011	6A	
16	008142				PHẠM THỊ MINH TRANG	02/11/2011	6B	
17	008143				PHẠM THÙY TRANG	25/09/2011	6C	
18	008144				VŨ MAI TRANG	12/10/2011	6A	
19	008145				ĐỖ BẢO TRẦN	05/01/2011	6A	
20	008146				NGUYỄN QUỐC TRUNG	19/12/2011	6C	
21	008147				TRẦN ĐỨC TRUNG	10/05/2011	6D	
22	008148				TRƯƠNG THỊ THANH TRÚC	06/11/2011	6D	
23	008149				NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	11/10/2011	6A	
24	008150				NGUYỄN QUỐC TUẤN	09/12/2011	6A	
25	008151				TRƯƠNG ANH TUẤN	06/02/2011	6C	
26	008152				TRƯƠNG HÀ ANH TUẤN	01/03/2011	6C	
27	008153				TRƯƠNG VĂN TUYÊN	08/09/2011	6C	
28	008154				HOÀNG VĂN TÙNG	30/12/2011	6C	
29	008155				ĐINH HỮU TÚ	08/07/2011	6A	
30	008156				NGUYỄN ANH TÚ	07/09/2011	6A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008157				NGUYỄN TUẤN TÚ	17/09/2011	6C	
32	008158				VŨ MINH TÚ	22/08/2011	6B	
33	008159				NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	13/09/2011	6A	
34	008160				ĐỖ THỊ ANH VÂN	22/05/2011	6B	
35	008161				ĐỖ THỊ HÀ VI	02/05/2011	6A	
36	008162				NGUYỄN ANH VIỆT	23/11/2011	6A	
37	008163				NGUYỄN QUỐC VIỆT	24/07/2011	6C	
38	008164				BÙI TƯỜNG VY	22/09/2011	6D	
39	008165				HÀ PHƯƠNG VY	10/01/2011	6B	
40	008166				LÊ PHƯƠNG VY	31/08/2011	6A	
41	008167				DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	18/06/2011	6D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015001				ĐINH NGUYỄN BÌNH AN	07/01/2011	6D	
2	015002				NGUYỄN BẢO AN	30/10/2011	6B	
3	015003				NGUYỄN NGỌC KIỀU AN	09/08/2011	6B	
4	015004				PHẠM THANH AN	16/11/2011	6D	
5	015005				VŨ NGỌC BẢO AN	18/07/2011	6A	
6	015006				NGHIÊM NGUYỄN TIẾN ANH	10/07/2011	6D	
7	015007				NGUYỄN HÀ ANH	04/03/2011	6A	
8	015008				NGUYỄN LÊ TRÂM ANH	10/11/2011	6D	
9	015009				NGUYỄN THỊ DIỆP ANH	15/08/2011	6D	
10	015010				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	26/11/2011	6D	
11	015011				NGUYỄN TUẤN ANH	12/11/2011	6A	
12	015012				PHẠM THỊ NGỌC ANH	23/09/2011	6B	
13	015013				QUẦN TUẤN ANH	24/11/2011	6B	
14	015014				VŨ VIỆT ANH	12/05/2011	6D	
15	015015				DƯƠNG GIA BẢO	06/06/2011	6A	
16	015016				NGÔ GIA BẢO	27/03/2011	6B	
17	015017				NGUYỄN ĐỨC BẢO	15/08/2011	6D	
18	015018				NGUYỄN NGỌC BẢO	14/02/2011	6A	
19	015019				NGUYỄN VŨ GIA BẢO	26/01/2011	6C	
20	015020				NGUYỄN TUẤN BÌNH	19/03/2011	6A	
21	015021				VŨ BẢO CHÂM	17/12/2011	6A	
22	015022				NGUYỄN PHƯƠNG CHI	04/09/2011	6A	
23	015023				NGUYỄN THỊ MAI CHI	22/02/2011	6B	
24	015024				PHẠM KHÁNH CHI	16/09/2011	6C	
25	015025				PHẠM YẾN CHI	16/03/2011	6A	
26	015026				TRẦN THỊ CHI	12/05/2011	6C	
27	015027				ĐỖ THỊ THANH CHÚC	13/11/2011	6D	
28	015028				NGUYỄN NGỌC THANH CHÚC	10/09/2011	6C	
29	015029				NGUYỄN KIM CHỨC	21/01/2011	6B	
30	015030				TRẦN THÀNH CÔNG	25/07/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015031				NGUYỄN XUÂN THỊNH CƯỜNG	09/01/2011	6D	
32	015032				CHU THỊ ÁNH DUYÊN	02/02/2011	6A	
33	015033				NGUYỄN QUANG DŨNG	01/01/2011	6B	
34	015034				HOÀNG LÊ DƯƠNG	27/10/2011	6D	
35	015035				HOÀNG THẾ DƯƠNG	31/01/2011	6B	
36	015036				TRẦN HOÀNG DƯƠNG	10/10/2011	6D	
37	015037				VŨ TÙNG DƯƠNG	23/10/2011	6B	
38	015038				TRẦN VĂN ĐẠI	22/10/2011	6A	
39	015039				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/11/2011	6C	
40	015040				PHẠM PHÚC ĐẠT	12/08/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015041				NGUYỄN MINH ĐĂNG	13/11/2011	6A	
2	015042				NGUYỄN KIM ĐỊNH	29/12/2011	6C	
3	015043				ĐỖ HƯƠNG GIANG	23/03/2011	6D	
4	015044				ĐỖ THỊ THÁI HÀ	22/04/2011	6C	
5	015045				NGUYỄN MINH HÀ	09/06/2011	6D	
6	015046				NGUYỄN THỊ THU HÀ	02/03/2011	6C	
7	015047				NGUYỄN THU HÀ	10/08/2011	6A	
8	015048				NGUYỄN NGỌC HẢI	07/10/2011	6C	
9	015049				TRẦN ĐỨC HẢI	25/10/2011	6B	
10	015050				TRẦN THỊ MINH HẰNG	09/12/2011	6D	
11	015051				CHU ĐỨC HIẾU	16/12/2011	6A	
12	015052				NGUYỄN CÔNG HIẾU	24/11/2011	6C	
13	015053				NGUYỄN QUỐC HIẾU	04/10/2011	6A	
14	015054				NGUYỄN THÀNH HIẾU	03/08/2011	6B	
15	015055				VŨ DUY HIẾU	16/01/2011	6B	
16	015056				PHẠM HUY HOÀNG	29/08/2011	6D	
17	015057				TRẦN MINH HOÀNG	02/12/2011	6C	
18	015058				NGÔ ÁNH HỒNG	23/12/2011	6B	
19	015059				NGUYỄN THỊ HỒNG	24/08/2011	6A	
20	015060				ĐINH QUANG HUY	08/01/2011	6B	
21	015061				NGUYỄN GIA HUY	05/12/2011	6C	
22	015062				NGUYỄN SỸ HUY	29/01/2011	6D	
23	015063				NGUYỄN VƯƠNG HUY	30/06/2011	6D	
24	015064				NGUYỄN MẠNH HÙNG	21/05/2011	6A	
25	015065				NGUYỄN NGỌC HÙNG	26/02/2011	6D	
26	015066				NGUYỄN VĂN HÙNG	29/11/2011	6C	
27	015067				NGUYỄN TUẤN HƯNG	09/02/2011	6A	
28	015068				NGUYỄN NAM KHÁNH	22/06/2011	6D	
29	015069				CHU TIẾN KHOA	01/09/2011	6A	
30	015070				ĐẶNG QUANG KHOA	24/10/2011	6C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015071				ĐỖ ĐOÀN ĐĂNG KHOA	23/04/2011	6A	
32	015072				NGUYỄN VĂN TRUNG KIÊN	14/02/2011	6C	
33	015073				TRẦN THANH LÂM	15/06/2011	6D	
34	015074				HOÀNG THU LỆ	14/07/2011	6B	
35	015075				BÙI KHÁNH LINH	13/05/2011	6B	
36	015076				NGUYỄN ỨT NGỌC LINH	19/07/2011	6C	
37	015077				NGUYỄN THỊ HÀ LINH	30/10/2011	6D	
38	015078				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	03/07/2011	6B	
39	015079				NGUYỄN THUỖ LINH	27/06/2011	6C	
40	015080				HOÀNG KIM LƯƠNG	12/11/2011	6D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015081				NGÔ VĂN LƯỢNG	13/09/2010	6B	
2	015082				ĐINH THỊ QUỲNH MAI	25/07/2011	6C	
3	015083				VŨ XUÂN MAI	24/05/2011	6C	
4	015084				DƯƠNG HẢI MINH	08/04/2011	6D	
5	015085				ĐỖ TUỆ MINH	18/08/2011	6D	
6	015086				HÀ NAM MINH	16/01/2011	6D	
7	015087				HOÀNG NHẬT MINH	13/12/2011	6A	
8	015088				NGUYỄN NHẬT MINH	30/06/2011	6D	
9	015089				NGUYỄN QUANG MINH	06/05/2011	6A	
10	015090				NGUYỄN QUANG MINH	05/11/2011	6C	
11	015091				NGUYỄN HÀ MY	22/10/2011	6B	
12	015092				NGUYỄN THỊ DIỄM MY	10/05/2011	6B	
13	015093				NGUYỄN TRÀ MY	01/09/2011	6C	
14	015094				NGUYỄN VŨ NGỌC THẢO MY	12/07/2011	6D	
15	015095				ĐINH VĂN NAM	13/12/2011	6D	
16	015096				NGUYỄN HẢI NAM	21/12/2011	6B	
17	015097				NGUYỄN KIM NAM	28/07/2011	6C	
18	015098				TRẦN BẢO NAM	27/12/2011	6B	
19	015099				NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	20/10/2011	6A	
20	015100				PHẠM THỊ KIM NGÂN	16/09/2011	6A	
21	015101				TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	02/05/2011	6C	
22	015102				ĐẶNG HẢI NGUYỄN	17/07/2011	6B	
23	015103				KHÚC HẢI NGUYỄN	24/09/2011	6C	
24	015104				NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	21/07/2011	6D	
25	015105				NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	17/02/2011	6B	
26	015106				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/03/2011	6C	
27	015107				NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	02/09/2011	6B	
28	015108				NGUYỄN DUY TẤN PHÁT	05/07/2011	6C	
29	015109				NGUYỄN NAM PHONG	31/05/2011	6C	
30	015110				DƯƠNG ĐÌNH HOÀNG PHÚC	21/12/2011	6A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015111				NGUYỄN HỒNG PHÚC	17/11/2011	6C	
32	015112				VŨ HỮU PHÚC	02/05/2011	6A	
33	015113				ĐINH THỊ MINH PHƯƠNG	01/12/2011	6D	
34	015114				HÀ KỲ PHƯƠNG	03/08/2011	6D	
35	015115				NGUYỄN HÀ MINH PHƯƠNG	16/11/2011	6D	
36	015116				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	10/01/2011	6B	
37	015117				PHẠM THỊ HÀ PHƯƠNG	04/09/2011	6C	
38	015118				NGUYỄN VĂN QUANG	10/03/2011	6C	
39	015119				ĐỖ MINH QUÂN	01/12/2011	6A	
40	015120				NGUYỄN MINH QUÂN	15/10/2011	6C	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS QUỐC TUẤN

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015121				NGUYỄN NGỌC QUẢN	14/07/2011	6C	
2	015122				QUẢN NGUYỄN DUY QUẢN	19/07/2011	6A	
3	015123				TRẦN QUỐC QUẢN	13/12/2011	6C	
4	015124				HOÀNG THỊ LỆ QUYÊN	21/03/2011	6A	
5	015125				NGUYỄN TẤN SANG	23/09/2011	6C	
6	015126				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/11/2011	6D	
7	015127				NGUYỄN THANH THẢO	03/05/2011	6D	
8	015128				NGUYỄN TRẦN QUỐC THÁI	02/04/2011	6B	
9	015129				ĐẶNG QUANG THẮNG	04/10/2011	6C	
10	015130				VŨ ĐÌNH THẮNG	11/08/2011	6C	
11	015131				NGUYỄN HÀ THU	02/01/2011	6D	
12	015132				NGUYỄN THỊ TRANG THU	01/08/2011	6C	
13	015133				ĐINH THỊ THÙY	09/04/2011	6B	
14	015134				NGUYỄN VĂN TIẾN	21/12/2011	6B	
15	015135				ĐINH THU TRANG	21/05/2011	6C	
16	015136				NGUYỄN THỊ BẢO TRANG	01/01/2011	6B	
17	015137				NGUYỄN THỊ MAI TRANG	05/03/2011	6A	
18	015138				NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/10/2010	6B	
19	015139				QUẢN PHI TRƯỜNG	09/02/2011	6A	
20	015140				TRẦN MẠNH TRƯỜNG	22/08/2011	6B	
21	015141				NGUYỄN VŨ MINH TUẤN	26/12/2011	6A	
22	015142				NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	25/10/2011	6B	
23	015143				LỤC TUẤN TÚ	29/04/2011	6A	
24	015144				NGUYỄN VŨ MINH TÚ	26/12/2011	6A	
25	015145				TRẦN BẢO UYÊN	23/07/2011	6D	
26	015146				TỪ HOÀNG VÂN	05/06/2011	6D	
27	015147				NGUYỄN KHÁNH VI	15/05/2011	6C	
28	015148				ĐẶNG QUANG VINH	09/10/2011	6D	
29	015149				PHAN THÀNH VINH	05/01/2011	6D	
30	015150				NGÔ THỊ YẾN VY	25/09/2011	6B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015151				NGÔ TƯỜNG VY	28/01/2011	6B	
32	015152				NGUYỄN KHÁNH VY	25/09/2011	6D	
33	015153				VŨ THỊ KHÁNH VY	02/01/2011	6A	
34	015154				NGUYỄN HẢI YẾN	11/10/2011	6B	
35	015155				NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	20/07/2011	6A	
36	015156				TRẦN HẢI YẾN	09/01/2011	6B	
37	015157				VŨ THỊ YẾN	11/03/2011	6C	